

Số: 2972 /ĐHYHN-ĐTĐH
V/v kế hoạch giảng dạy
đại học năm học 2026-2027

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2026

Kính gửi:

- Viện đào tạo Răng Hàm Mặt;
- Viện Đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng;
- Phân hiệu Thanh Hoá;
- Các khoa, bộ môn, module và các phòng, ban.

Năm học 2026-2027 Trường Đại học Y Hà Nội thực hiện đồng thời các chương trình đào tạo trình độ đại học sau:

1. Bác sĩ từ năm thứ nhất đến năm thứ sáu, gồm các ngành: Y khoa, Răng Hàm Mặt, Y học cổ truyền và Y học dự phòng.
2. Cử nhân từ năm thứ nhất đến năm thứ tư, gồm các ngành: Điều dưỡng; Y tế công cộng; Xét nghiệm y học; Dinh dưỡng; Khúc xạ nhãn khoa; Kỹ thuật phục hồi chức năng. Hộ sinh; Tâm lý học; Kỹ thuật phục hình răng (năm thứ 3 đào tạo). Kỹ thuật Hình ảnh y học; Công tác xã hội (năm thứ 2 đào tạo).
3. Cử nhân Điều dưỡng chương trình tiên tiến từ khoá 13 đến khoá 17.
4. Cử nhân Điều dưỡng liên thông từ cao đẳng (từ khoá 23B đến khoá 26A).
5. Cử nhân Xét nghiệm y học liên thông từ cao đẳng (từ khoá 5B đến khoá 8A).
6. Đào tạo bổ sung kiến thức cho người có bằng cử nhân y khoa do nước ngoài cấp (ngành Y học cổ truyền)

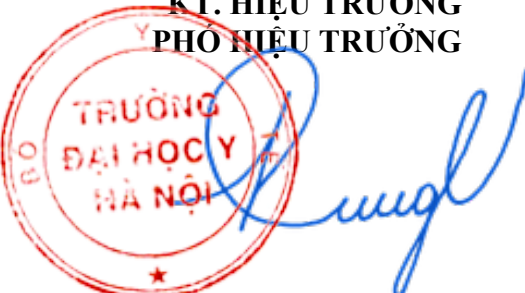
Ban Giám hiệu gửi kèm theo Công văn Kế hoạch giảng dạy đại học năm học 2026-2027 của Trường để các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch triển khai, bố trí nhân lực, chuẩn bị các điều kiện bảo đảm tổ chức đào tạo theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Đề nghị các đơn vị nghiên cứu, triển khai thực hiện nghiêm túc Kế hoạch giảng dạy đại học năm học 2026-2027. Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh nội dung cần điều chỉnh, bổ sung, đề nghị các đơn vị có văn bản gửi về Phòng Quản lý Đào tạo Đại học để tổng hợp, báo cáo Ban Giám hiệu xem xét, quyết định.

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,ĐTĐH.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG


Lê Đình Tùng

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

-----o0o-----

KẾ HOẠCH
GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP
(ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC)
NĂM HỌC 2026-2027

Hà Nội, tháng 6 năm 2026

KẾ HOẠCH KHÁI QUÁT NĂM HỌC 2026-2027

1. Phân bổ quỹ thời gian:

Tổng số thời gian: 52 tuần (từ 10/8/2026 đến 08/8/2027)

- Sinh hoạt đầu khoá, đầu năm học	01 tuần
- Nghỉ tết nguyên đán	02 tuần
- Dự trữ, nghỉ lễ	01 tuần
- Nghỉ hè	06 tuần
- Học	42 tuần

2. Thời gian (dự kiến) và một số việc cần lưu ý

- Các khối sinh viên tựu trường và sinh hoạt đầu năm học từ 10-16/8/2026.
- Học kỳ I có 21 tuần: Từ 10/8/2026 đến 10/01/2027.
- Học kỳ II có 22 tuần: Từ 11/01/2027 đến 27/6/2027 (tính cả tuần dự trữ).
- Khai giảng năm học mới: 05 tháng 9 năm 2026.
- Nghỉ tết nguyên đán: 02 tuần (từ 01/02/2027 đến 14/02/2027)
- Tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2027: tháng 7÷8 năm 2027.
- Thi tốt nghiệp: Bác sỹ y khoa và cử nhân y khoa và Cử nhân liên thông: Kế hoạch và lịch cụ thể trong từng chương trình đào tạo kèm theo.
- Xây dựng kế hoạch năm học 2027-2028 và gửi tới các bộ môn trong tháng 7/2028.
- Nghỉ hè: Từ 28/6/2027 đến 08/8/2027.

MỤC LỤC

Trang

Kế hoạch khái quát năm học

Phần 1. Trường quản lý và điều phối

- | | | |
|---|--|-------|
| 1 | Khối Y1 Hệ BS (Y khoa, YHCT); Cử nhân (Xét nghiệm y học, Khúc xạ nhãn khoa, Kỹ thuật PHCN, Kỹ thuật HAYH, Hộ sinh) | 01-07 |
| 2 | Khối Y2 Hệ BS (Y khoa, YHCT); Cử nhân (Xét nghiệm y học, Khúc xạ nhãn khoa, Kỹ thuật PHCN, Kỹ thuật HAYH, Hộ sinh) | 08-14 |
| 3 | Khối Y3 Hệ BS (Y khoa, YHCT); Cử nhân (Xét nghiệm y học, Khúc xạ nhãn khoa, Kỹ thuật phục hồi chức năng, Hộ sinh) | 15-20 |
| 4 | Khối Y4 Hệ BS (Y khoa, YHCT); Cử nhân (Xét nghiệm y học, Khúc xạ nhãn khoa, Kỹ thuật PHCN) | 21-25 |
| 5 | Khối Y5 Hệ BS (Y khoa, YHCT) | 26-27 |
| 6 | Khối Y6 Hệ BS (Y khoa, YHCT) | 28-29 |
| 7 | Cử nhân Điều dưỡng CTĐT (từ khóa 13 đến khóa 17) | 30-34 |
| 8 | Cử nhân điều dưỡng liên thông từ khóa 23B đến khóa 26A | 35-41 |
| 9 | Cử nhân xét nghiệm y học liên thông từ khóa 5B đến khóa 8A | 42-47 |

Phần 2. Viện Đào tạo YHDP & YTCC quản lý và điều phối

- | | | |
|---|-----------------------------------|-------|
| 1 | Bác sĩ YHDP từ Y1 đến Y6 | 48-53 |
| 2 | Cử nhân YTCC từ Y1 đến Y4 | 54-57 |
| 3 | Cử nhân Dinh dưỡng từ Y1 đến Y4 | 58-61 |
| 4 | Cử nhân Tâm lý học từ Y1 đến Y3 | 62-64 |
| 5 | Cử nhân Công tác xã hội Y1 đến Y2 | 65-66 |

Phần 3. Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt quản lý và điều phối

- | | | |
|---|--|-------|
| 1 | Bác sĩ Răng Hàm Mặt từ Y1 đến Y6 | 67-72 |
| 2 | Cử nhân Kỹ thuật phục hình răng từ Y1 đến Y3 | 73-75 |

Phần 4. Phân hiệu Thanh Hóa quản lý và điều phối

- | | | |
|---|--|--------|
| 1 | Bác sĩ Y khoa từ Y1 đến Y6 | 76-81 |
| 2 | Cử nhân điều dưỡng từ Y1 đến Y4 | 82-85 |
| 3 | Cử nhân Kỹ thuật phục hồi chức năng từ Y1 đến Y3 | 86-88 |
| 4 | Cử nhân Xét nghiệm y học từ Y1 đến Y3 | 89-91 |
| 5 | Cử nhân Kỹ thuật Hình ảnh y học | 92 |
| 6 | Cử nhân điều dưỡng liên thông từ khóa 24A đến khóa 25B | 93-96 |
| 7 | Cử nhân xét nghiệm y học liên thông từ khóa 5B đến khóa 7B | 97-101 |

Phần 5. Đào tạo bổ sung kiến thức cho người cho bằng cử nhân y khoa nước ngoài cấp (ngành YHCT)

		102
--	--	-----

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y1 - HỆ BÁC SĨ Y KHOA

1 Số lượng SV dự kiến: 440

1.1. Số lớp học tập: 4

1.2. Số tổ học tập: 16

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số: 3982/QĐ-ĐHYHN, ngày 26/8/2019 về việc ban hành Chương trình đào tạo Bác sĩ Y khoa dựa trên năng lực

TT	Mã môn	Môn học/Module	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học (dự kiến)	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	S1.1	Module S1.1 - Định hướng đầu khóa	1,5/0,5		-CTSV&KTX + TV -ĐTDH + TTKT -Đoàn TN + CNTT		lý thuyết: 22,5tiết/ thực hành: 15tiết
2	MILI00	Giáo dục quốc phòng 1,2,3,4	6/2,5		BM Giáo dục quốc phòng		lý thuyết: 90tiết/ thực hành: 75tiết
3	PHYE01P	Giáo dục thể chất 1,2	0/2		BM Giáo dục thể chất		thực hành: 60tiết
4	LANG01	Ngoại ngữ 1	3/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45tiết
5	S1.2	Module S1.2 - Nguyên tử, phân tử, tế bào	4/1		- Hóa học - Hóa sinh - Y sinh học - Di truyền		lý thuyết: 60tiết/ thực hành: 30tiết
6	S1.3	Module S1.3 - Mô học và Phôi thai học	2/0,5		- Mô phôi - Giải phẫu bệnh - Y sinh truyền - Di truyền		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 15tiết
7	S1.4	Module S1.4 - Cơ sở vật lý của các hoạt động sống và ứng dụng trong y học		3/1	- Y vật lý - Sinh lý học - Chẩn đoán hình ảnh - Y học hạt nhân	11/01/2027 - 04/7/2027	lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 30tiết
8	S1.5	Module S1.5 - Đại cương về hình thái và chức năng cơ thể người		1,5/0,5	- Giải phẫu - Sinh lý học - Sinh lý bệnh - MD		lý thuyết: 22,5tiết/ thực hành: 15tiết
9	S1.6	Module S1.6 - Đại cương về Dược lý		3/0,5	- Dược lý - Gây mê hồi sức - Hồi sức cấp cứu - Y học hạt nhân - Khoa YHCT		lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 15tiết
10	S1.7	Module S1.7 - Các yếu tố môi trường, xã hội và hành vi liên quan đến sức khỏe		2,5/1,5	- Viện YHDP&YTCC - Y học gia đình		lý thuyết: 37,5tiết/ thực hành: 45tiết
11	INFO04	Tin học cơ bản		0,5/0,5	BM Toán - Tin		lý thuyết: 7,5tiết/ thực hành: 15tiết
12	LANG02	Ngoại ngữ 2		3/0	BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45tiết
		Tổng	16,5/6,5	13,5/4			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Ths.Bs. Dương Xuân Hòa

Email: duongxuanhoa@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y1 - HỆ BÁC SỸ Y HỌC CỔ TRUYỀN

1 Số lượng SV dự kiến: 80

1.1. Số lớp học tập: 1

1.2. Số tổ học tập: 4

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số 6907/QĐ-ĐHYHN ngày 30/12/2022 về việc ban hành Chương trình Bác sĩ Y học cổ truyền

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học (dự kiến)	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1		Định hướng và sinh hoạt đầu khóa			-CTSV&KTX + TV -ĐTĐH + TTKT -Đoàn TN + CNTT	04/9/2026-20/9/2026	2tuần
2	MILI00	Giáo dục quốc phòng 1,2,3,4	6/2,5		BM Giáo dục quốc phòng	21/9/2026 - 10/01/2027	lý thuyết: 93tiết/ thực hành: 72tiết
3	PHYE01 PHYE02	Giáo dục thể chất 1,2	0/2		BM Giáo dục thể chất		thực hành: 60tiết
4	PHYL00	Triết học Mác -Lê nin	3/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 45tiết
5	ANAT01	Giải phẫu 1	2/1		BM Giải phẫu		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
6	LANG01	Ngoại ngữ 1	3/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45tiết
7	POPU00	Dân số học		1/0	BM Dân số	11/1/2027 - 27/6/2027	lý thuyết: 15tiết
8	BIOP00	Lý sinh y học		2/1	BM Y vật lý		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
9	CHEM00	Hóa học		2,5/0,5	BM Hóa học		lý thuyết: 38tiết/ thực hành: 16tiết
10	POEM00	Kinh tế chính trị Mác-Lê nin		2/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
11	GENB01	Sinh học		1,5/0,5	BM Y sinh học di truyền		lý thuyết: 24tiết/ thực hành: 16tiết
12	INFO04	Tin học cơ bản		0,5/0,5	BM Toán - Tin		lý thuyết: 8tiết/ thực hành: 15tiết
13	LANG02	Ngoại ngữ 2		3/0	BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45tiết
14	ANAT02	Giải phẫu 2		2/1	BM Giải phẫu		lý thuyết: 32tiết/ thực hành: 30tiết
		Tổng	14/5,5	14,5/3,5			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Ths.Bs. Dương Xuân Hòa

Email: duongxuanhoa@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y1 - CỬ NHÂN KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC

1 Số lượng SV dự kiến: 80

1.1. Số lớp học tập: 1

1.2. Số tổ học tập: 4

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số 6908/QĐ-ĐHYHN ngày 30/12/2022 về việc ban hành Chương trình đào tạo Cử nhân KT Xét nghiệm y học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học (dự kiến)	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1		Định hướng và sinh hoạt đầu khóa			-CTSV&KTX + TV -ĐTĐH + TTKT -Đoàn TN + CNTT	04/9/2026-20/9/2026	2tuần
2	MILI00	Giáo dục quốc phòng 1,2,3,4	6/2,5		BM Giáo dục quốc phòng	21/9/2026 - 10/01/2027	lý thuyết: 93tiết/ thực hành: 72tiết
3	PHYL00	Triết học Mác -Lê nin	3/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 45tiết
4	LABO00	An toàn phòng xét nghiệm	1,5/0,5		Khoa KTYH		lý thuyết: 24tiết/ thực hành: 16tiết
5	LANG01	Ngoại ngữ 1	1/1		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
6	LABB00	Xét nghiệm cơ bản	3/0		Khoa KTYH		lý thuyết: 45tiết
7	ANAT00	Giải phẫu	2/2		BM Giải phẫu		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 60tiết
8	GENB03	Sinh học – Di truyền	2/1		BM Y sinh học di truyền		lý thuyết: 32tiết/ thực hành: 33tiết
9	CHEM00	Hóa học	2,5/0,5		BM Hóa học		lý thuyết: 36tiết/ thực hành: 16tiết
10	BIOP00	Lý sinh y học		1,5/0,5	BM Y vật lý	11/1/2027 - 27/6/2027	lý thuyết: 23tiết/ thực hành: 16tiết
11	POEM00	Kinh tế chính trị Mác-Lê nin		2/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
12	PHYE01 PHYE02	Giáo dục thể chất 1,2		0/2	BM Giáo dục thể chất		thực hành: 60tiết
13	PHYS00	Sinh lý học		2,5/0,5	BM Sinh lý học		lý thuyết: 28tiết/ thực hành: 18tiết
14	HIEM00	Mô học		1/1	BM Mô phôi		lý thuyết: 14tiết/ thực hành: 20tiết
15	INFO00	Tin học cơ bản		1/1	BM Toán - Tin		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
16	LANG02	Ngoại ngữ 2		2/0	BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 30tiết
		Tổng	21/7,5	10/5			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Ths.Bs. Dương Xuân Hòa

Email: duongxuanhoa@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y1 - CỬ NHÂN KHÚC XẠ NHÂN KHOA

1 Số lượng SV dự kiến: 80

1.1. Số lớp học tập: 1

1.2. Số tổ học tập: 4

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số 6909/QĐ-ĐHYHN ngày 30/12/2022 về việc ban hành Chương trình đào tạo Cử nhân Khúc xạ nhân khoa

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học (dự kiến)	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1		Định hướng và sinh hoạt đầu khóa			-CTSV&KTX + TV -ĐTĐH + TTKT -Đoàn TN + CNTT	04/9/2026-20/9/2026	2tuần
2	MILI00	Giáo dục quốc phòng 1,2,3,4	6/2,5		BM Giáo dục quốc phòng	21/9/2026 - 10/01/2027	lý thuyết: 93tiết/ thực hành: 72tiết
3	PHYL00	Triết học Mác -Lê nin	3/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 45tiết
4	OPTI00	Nhập môn KXNK	1/1		BM Mắt		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
5	LANG01	Ngoại ngữ 1	3/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45tiết
6	ANAT00	Giải phẫu	2/1		BM Giải phẫu		lý thuyết: 32tiết/ thực hành: 33tiết
7	GENB03	Sinh học – Di truyền	2,5/0,5		BM Y sinh học di truyền		lý thuyết: 36tiết/ thực hành: 16tiết
8	CHEM00	Hóa học		1,5/0,5	BM Hóa học	11/1/2027 - 27/6/2027	lý thuyết: 23tiết/ thực hành: 16tiết
9	BIOP00	Lý sinh y học		1,5/0,5	BM Y vật lý		lý thuyết: 24tiết/ thực hành: 16tiết
10	POEM00	Kinh tế chính trị Mác-Lê nin		2/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
11	PHYE01 PHYE02	Giáo dục thể chất 1,2		0/2	BM Giáo dục thể chất		thực hành: 60tiết
12	POPU00	Dân số học		1/0	BM Dân số		lý thuyết: 15tiết
13	PHYS00	Sinh lý học		2,5/0,5	BM Sinh lý học		lý thuyết: 22,5tiết/ thực hành: 15tiết
14	HIEM00	Mô học		1/1	BM Mô phôi		lý thuyết: 32tiết
15	INFO04	Tin học cơ bản		1/1	BM Toán - Tin		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
16	NURB00	Điều dưỡng cơ bản		1/1	Khoa Điều dưỡng - HS		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
17	LANG02	Ngoại ngữ 2		2/0	BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 30tiết
		Tổng	17,5/5	13,5/6,5			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Ths.Bs. Dương Xuân Hòa

Email: duongxuanhoa@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y1 - CỬ NHÂN KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

1 Số lượng SV dự kiến: 70

1.1. Số lớp học tập: 1

1.2. Số tổ học tập: 4

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo OD số: 4259/OD-ĐHYHN, ngày 09/7/2025 về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành KT Phục hồi chức năng

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học (dự kiến)	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1		Định hướng và sinh hoạt đầu khóa			-CTSV&KTX + TV -ĐTĐH + TTKT -Đoàn TN + CNTT	04/9/2026-20/9/2026	02 tuần
2	MILI00	Giáo dục quốc phòng 1,2,3,4	6/2,5		BM Giáo dục quốc phòng	21/9/2026 - 10/01/2027	lý thuyết: 93tiết/ thực hành: 72tiết
3	PHYL00	Triết học Mác - Lê nin	3/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 45tiết
4	INFO04	Tin học cơ bản	1/1		BM Toán - Tin		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
5	LANG01	Tiếng Anh I	3/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45tiết
6	ANAT00	Giải phẫu	2/1		BM Giải phẫu		lý thuyết: 32tiết/ thực hành: 33tiết
7	GENB01	Y Sinh học – Di truyền	1/0,5		BM Y sinh học di truyền		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 16tiết
8	BIOP00	Lý sinh y học	1,5/0,5		BM Y vật lý		lý thuyết: 24tiết/ thực hành: 16tiết
9	PSYE00	Tâm lý y học - Đạo đức Y học		1,5/0,5	BM Y đức và Tâm lý học	11/1/2027 - 27/6/2027	lý thuyết: 23tiết/ thực hành: 16tiết
10	POEM00	Kinh tế chính trị Mác-Lê nin		2/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
11	PHYE01 PHYE02	Giáo dục thể chất 1,2		0/2	BM Giáo dục thể chất		thực hành: 60tiết
12	BIOC00	Hóa sinh		1/1	BM Hóa sinh		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
13	PHYS00	Sinh lý học		2,5/0,5	BM Sinh lý học		
14	LANG02	Tiếng Anh II		2/0	BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 30tiết
15	NURA00	Điều dưỡng cơ bản - Cấp cứu ban đầu		1/1	Khoa Điều dưỡng-HS		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
16	PMAL00	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
17	STAP01	Xác suất thống kê y học		2/0	BM Toán - Tin		lý thuyết: 30tiết
		Tổng	17,5/5,5	14/5			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Ths.Bs. Dương Xuân Hòa

Email: duongxuanhoa@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y1 - CỬ NHÂN KỸ THUẬT HÌNH ẢNH Y HỌC

1 Số lượng SV dự kiến: 100

1.1. Số lớp học tập: 1

1.2. Số tổ học tập: 4 (dự kiến 02 tổ KTHA và 02 tổ định hướng xạ trị)

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo OD số 209/OD-ĐHYHN ngày 22/01/2025 về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật hình ảnh y học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học (dự kiến)	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1		Định hướng và sinh hoạt đầu khóa			-CTSV&KTX + TV -ĐTĐH + TTKT -Đoàn TN + CNTT	04/9/2026-20/9/2026	2tuần
2	PHYL00	Triết học Mác -Lênin	3/0/0		Lý luận chính trị	21/9/2026 - 10/01/2027	lý thuyết: 45tiết
3	LANG01	Ngoại ngữ 1	3/0/0		Ngoại ngữ		lý thuyết 45 tiết
4	POEM00	Kinh tế chính trị Mac Lenin	2/0/0		Lý luận chính trị		lý thuyết 30 tiết
5	IMIT00	Giới thiệu về kỹ thuật hình ảnh y học	0,5/0,5/0		Chẩn đoán hình ảnh		lý thuyết 8 tiết/ thực hành 16 tiết
6	ANAT00	Giải phẫu	2/1/0		Giải phẫu		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 30 tiết
7	GENB03	Sinh học di truyền	2,5/0,5/0		Y Sinh học- di truyền		lý thuyết 40 tiết/ thực hành 15 tiết
8	BIOP00	Lý sinh y học	1,5/0,5/0		Y vật lý		lý thuyết 20 tiết
9	MILI00	Giáo dục quốc phòng - An ninh	6/2,5/0		Lý luận chính trị		lý thuyết 90 tiết/ thực hành 75 tiết
10	PMAL00	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2/0/0	Lý luận chính trị	11/1/2027 - 27/6/2027	lý thuyết 30 tiết
11	INFO04	Tin học cơ bản		1/1/0	Toán -tin		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
12	BIOC00	Hóa sinh		1/1/0	Hóa sinh		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
13	PHYS00	Sinh lý học		2,5/0,5/0	Sinh lý		lý thuyết 38 tiết/ thực hành 15 tiết
14	PSYE00	Tâm lý y học - Đạo đức y học		1,5/0,5/0	Y đức và Tâm lý học		lý thuyết 24 tiết/ thực hành 15 tiết
15	LANG02	Ngoại ngữ 2		2/0/0	Ngoại ngữ		lý thuyết 30 tiết
16	NURA00	Điều dưỡng cơ bản - Cấp cứu ban đầu		1/1/0	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
17	PMIM00	Nguyên lý các phương pháp tạo ảnh y học (X-quang kinh điển và số hóa, siêu âm, chụp cắt lớp vi tính, cộng hưởng từ, xạ hình, PET/CT)		1/1/0	- Chẩn đoán hình ảnh - Y vật lý		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
18	PHYE00	Giáo dục thể chất 1,2		0/2/0	Giáo dục thể chất		/ thực hành 60 tiết
		Tổng	20,5/5/0	12/7/0			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Ths.Bs. Dương Xuân Hòa

Email: duongxuanhoa@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y1 - CỬ NHÂN HỘ SINH

- 1 Số lượng SV dự kiến:** 70
 1.1. Số lớp học tập: 1
 1.2. Số tổ học tập: 4

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số 187/QĐ-ĐHYHN ngày 24/01/2024 về việc ban hành Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo ngành Hộ sinh trình độ đại học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học (dự kiến)	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1		Định hướng và sinh hoạt đầu khóa			-CTSV&KTX + TV -ĐTĐH + TTKT -Đoàn TN + CNTT	7/9/2026-20/9/2026	2tuần
2	INMS00	Giới thiệu hệ thống y tế và ngành nghề	4/0/0		- Khoa ĐD - HS - Viện YHDP&YTCC	21/9/2026 - 10/01/2027	lý thuyết 60 tiết
3	AMCE00	Nguyên tử, phân tử, tế bào	3/1/0		- Hóa học - Hóa sinh - Y sinh học - DT		lý thuyết 45 tiết/ thực hành 30 tiết
4	HUMH01	Hình thái, chức năng cơ thể và cơ sở vật lý của hoạt động sống	4,5/0,5/0		- Y vật lý - Giải phẫu - Sinh lý học - SLB-Miễn dịch - Mô phôi		lý thuyết 67,5 tiết/ thực hành 15 tiết
5	ELEM00	Một số vấn đề cơ sở	1,5/0,5/0		- Khoa ĐD - HS - Vi sinh - Ký sinh trùng		lý thuyết 22 tiết/ thực hành 15 tiết
6	PHYE04	Giáo dục thể chất 1,2	0/2/0		BM Giáo dục thể chất		/ thực hành 60 tiết
7	PHYL00	Triết học Mác -Lê nin	3/0/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết 45 tiết
8	HEDU08	Giao tiếp và giáo dục sức khỏe trong thực hành Hộ sinh		4/1/0	- Khoa Đ D - HS - Y đức và TLYH	11/1/2027 - 27/6/2027	lý thuyết 60 tiết/ thực hành 30 tiết
9	MIDF01	Đại cương trong chăm sóc hộ sinh 1		2/2/1	- Khoa Đ D - HS - Sinh lý học		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 60 tiết/ lâm sàng 45 tiết
10	MIDF02	Đại cương trong chăm sóc hộ sinh 2		2/1,5/1,5	- Khoa Đ D - HS - Giải phẫu - Sinh lý học - Dược lý - Dinh dưỡng		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 45 tiết/ lâm sàng 67,5 tiết
11	LANG01	Ngoại ngữ 1		3/0/0	BM Ngoại ngữ		lý thuyết 45 tiết
12	INFO04	Tin học cơ bản		1/1/0	BM Toán - Tin		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
		Tổng	16/4/0	12/5,5/2,5			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Ths.Bs. Dương Xuân Hòa

Email: duongxuanhoa@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y2 - HỆ BÁC SĨ Y KHOA

- 1 Số lượng sinh viên:** 394
 1.1. Số lớp học tập: 4 (YK1+YK2+YK3+YK4)
 1.2. Số tổ học tập: 16 (từ tổ 01 đến tổ 16) (2 tổ AUF 15+16)

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số: 3982/QĐ-ĐHYHN, ngày 26/8/2019 về việc ban hành Chương trình đào tạo Bác sĩ Y khoa dựa trên năng lực

TT	Mã môn	Môn học/Module	Số tín chỉ (LT/TH/LS)		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	S2.1	Module S2.1: Kiến thức và kỹ năng y khoa cơ bản	3/2/0		GDYH-KNTLS, Tâm lý-Y đức, YHGD, Nhóm PPD, Nội, Ngoại, SLB - MD, Lão khoa, YSH-DT, Tim mạch, Nhi, HSCC, Khoa ĐD-HS, CĐHA, SKNN, Dịch tễ	17/8/2026-10/01/2027	lý thuyết 45 tiết/ thực hành 52 tiết
2	S2.2	Module S2.2: Miễn dịch - Nhiễm trùng	3/0,5/0		Sinh lý bệnh - MD, Dược lý, Ký sinh trùng, Dị ứng - MDLS, Vi sinh, Truyền nhiễm		lý thuyết 54 tiết/ thực hành 16 tiết
3	S2.3	Module S2.3: Huyết học	2/0,5/0,5		Mô phôi, Huyết học, Sinh lý, YSH-DT, Hóa sinh, Dược lý, CĐHA, Nhi, SLB-MD		lý thuyết 36 tiết/ thực hành 14 tiết/ lâm sàng 20 tiết
4	PHYL00	Triết học Mác -Lênin	3/0/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết 45 tiết
5	POEM00	Kinh tế chính trị	2/0/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết 30 tiết
6	LANG03	Ngoại ngữ 3	3/0/0		Ngoại ngữ		lý thuyết 45 tiết
7	STAP00	Xác suất thống kê		1/1/0	BM Toán - Tin	11/1/2027-27/6/2027	lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
8	PHYE03	Giáo dục thể chất 3		0/1/0	Giáo dục thể chất		thực hành 60 tiết
9	S2.4	Module S2.4: Da-cơ-xương-khớp		3/1/0,5	Giải phẫu, Ngoại, Dược lý, Sinh lý, CĐHA, GMHS, Hóa sinh, Mô phôi, Nội, PHCN, Da liễu, SLB-MD		lý thuyết 48 tiết/ thực hành 36 tiết/ lâm sàng 20 tiết
10	S2.5	Module S2.5: Tim mạch		4/0,5/0,5	Tim mạch, Giải phẫu, Sinh lý, Dược lý, GPB, Vi sinh, Mô phôi, Nhi, Hóa sinh, SLB-MD, CĐHA, YHGD, Ngoại		lý thuyết 60 tiết/ thực hành 18 tiết/ lâm sàng 20 tiết
11	S2.6	Module S2.6: Hô hấp		4/1/0,5	Giải phẫu, Sinh lý, CĐHA, Nội, Ngoại, YHDP, Mô phôi, SLB-MD, Dược lý, GPB, Truyền nhiễm, TMH, Lao, Vi sinh		lý thuyết 54 tiết/ thực hành 22 tiết/ lâm sàng 20 tiết
12	OCSE1	Kỹ năng y khoa 1		0/2/0	Các module có liên quan		
		Tổng	16/3/0,5	12/6,5/1,5			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Đặng Thị Bích Ngọc
 email: bichngocdang@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y2 - HỆ BÁC SỸ Y HỌC CỔ TRUYỀN

- 1 Số lượng sinh viên: 84
 1.1. Số lớp học tập: 01 (Y2CT)
 1.2. Số tổ học tập: 04 (CT: Tổ 17,18,19,20)

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số 6907/QĐ-ĐHYHN ngày 30/12/2022 về việc ban hành Chương trình Bác sĩ Y học cổ truyền

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	LANG03	Ngoại ngữ 3	2/0		BM Ngoại ngữ	17/8/2026-10/01/2027	lý thuyết: 30tiết
2	MICR00	Vi sinh	2/1		BM Vi sinh		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
3	BIOC00	Hóa sinh	2/1		BM Hóa sinh		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
4	HIEM00	Mô phôi	2/1		BM Mô phôi		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
5	NURB00	Điều dưỡng cơ bản	1/1		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
6	IMMU00	Miễn dịch	1,5/0,5		BM Sinh lý bệnh- Miễn dịch		lý thuyết: 22tiết/ thực hành: 15tiết
7	PHYS01	Sinh lý học 1	1,5/0,5		BM Sinh lý học		lý thuyết: 22tiết/ thực hành: 15tiết
8	NUTR00	Dinh dưỡng & ATTP	1,5/0,5		BM Dinh dưỡng & ATTP		lý thuyết: 22tiết/ thực hành: 15tiết
9	PMAL00	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
10	HCMI00	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2/0	BM Lý luận chính trị	11/1/2027-27/6/2027	lý thuyết: 30tiết
11	PSYE00	Tâm lý y học -Đạo đức Y học		1,5/0,5	BM Y đức và Tâm lý học		lý thuyết: 22tiết/ thực hành: 15tiết
12	LAWS00	Nhà nước và Pháp luật		2/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
13	PHYS02	Sinh lý học 2		1,5/0,5	BM Sinh lý học		lý thuyết: 22tiết/ thực hành: 15tiết
14	SURP00	Phẫu thuật thực nghiệm		1,5/0,5	BM Phẫu thuật thực nghiệm		lý thuyết: 22tiết/ thực hành: 15tiết
15	PARA00	Ký sinh trùng		2/1	BM Ký sinh trùng		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
16	PHYE03	Giáo dục thể chất 3		0/1	BM Giáo dục thể chất		thực hành: 30tiết
17	SKIL00	Kỹ năng giao tiếp		1/1	BM GDYH & KNTLS		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
18	STAP00	Xác suất thống kê		1/1	BM Toán - Tin		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
		Tổng	15,5/5,5	12,5/5,5			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Đặng Thị Bích Ngọc
 email: bichngocdang@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y2 - HỆ CỬ NHÂN XÉT NGHIỆM Y HỌC

- 1 Số lượng sinh viên:** 84
1.1. Số lớp học tập: 1 (Y2XN)
1.2. Số tổ học tập: 04 (tổ 24,25,26,27)

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số 6908/QĐ-ĐHYHN ngày 30/12/2022 về việc ban hành Chương trình đào tạo Cử nhân KT Xét nghiệm y học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	PHYE03	Giáo dục thể chất 3	0/1		BM Giáo dục thể chất	17/8/2026-10/01/2027	thực hành: 30tiết
2	PSYE00	Tâm lý y học -Đạo đức Y học	1,5/0,5		BM Y đức và Tâm lý học		lý thuyết: 22tiết/ thực hành: 15tiết
3	LANG03	Ngoại ngữ 3	2/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 30tiết
4	PANA01	Giải phẫu bệnh 1	1/2		GPBLS-Khoa KTYH		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 60tiết
5	PARA01	Ký sinh trùng 1	2/1		VS-KST LS-Khoa KTYH		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
6	MICR01	Vi sinh 1	2/1		VS-KST LS-Khoa KTYH		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
7	BIOC01	Hóa sinh 1	2/1		HSLs-Khoa KTYH		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
8	NURA00	Điều dưỡng cơ bản - cấp cứu ban đầu	1/1		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
9	PMAL00	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
10	HCM100	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2/0	BM Lý luận chính trị	11/1/2027-27/6/2027	lý thuyết: 30tiết
11	PARA02	Ký sinh trùng 2		2/1	VS-KST LS-Khoa KTYH		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
12	MICR02	Vi sinh 2		2/2	VS-KST LS-Khoa KTYH		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 60tiết
13	BIOC02	Hóa sinh 2		1/1	HSLs-Khoa KTYH		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
14	PATI00	Sinh lý bệnh - MD		1,5/0,5	BM Sinh lý bệnh- Miễn dịch		lý thuyết: 22tiết/ thực hành: 15tiết
15	PHAR01	Dược lý		2/0	BM Dược lý		lý thuyết: 30tiết
16	MOLP00	Y sinh học phân tử cơ bản		1/3	Khoa KTYH		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 90tiết
		Tổng	13,5/7,5	11,5/7,5			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Đặng Thị Bích Ngọc
email: bichngocdang@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y2 - HỆ CỬ NHÂN KHÚC XẠ NHÂN KHOA

- 1 Số lượng sinh viên:** 71
 1.1. Số lớp học tập: 1 (Y2KX)
 1.2. Số tổ học tập: 3 (tổ 21,22,23)

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số 6909/QĐ-ĐHYHN ngày 30/12/2022 về việc ban hành Chương trình đào tạo Cử nhân Khúc xạ nhân khoa

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	PHYE03	Giáo dục thể chất 3	0/1		BM Giáo dục thể chất	17/8/2026-10/01/2027	thực hành: 30tiết
2	PSYE00	Tâm lý y học -Đạo đức Y học	1,5/0,5		BM Y đức và Tâm lý học		lý thuyết: 22tiết/ thực hành: 15tiết
3	LANG03	Ngoại ngữ 3	2/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 30tiết
4	ANAP00	Giải phẫu và sinh lý mắt	1/0		BM Mắt - KXNK		lý thuyết: 15tiết
5	OPTA01	Quang học ứng dụng I	1/1		BM Mắt - KXNK		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
6	BIOC00	Hóa sinh	1/1		BM Hóa sinh		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
7	PHY000	Quang sinh lý học	2/0		BM Y Vật lý/Mắt		lý thuyết: 30tiết
8	GEPH00	Quang hình học và quang Vật lý	2/0		BM Y Vật lý/Mắt		lý thuyết: 30tiết
9	OPTC00 OPEN00	Tự chọn (chọn 1/2): -Khúc xạ nhãn khoa cộng đồng -Khúc xạ nhãn khoa nghề nghiệp và môi trường làm việc	1/0		BM Mắt - KXNK		lý thuyết: 15tiết
10	OPTN00	Nhận thức thị giác & Sinh lý TK	3/0		BM Mắt - KXNK		lý thuyết: 45tiết
11	PMAL00	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
12	PROC1A	Các NT nhãn khoa LSIA	1/1		BM Mắt - KXNK		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
13	HCM100	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2/0	BM Lý luận chính trị	11/1/2027-27/6/2027	lý thuyết: 30tiết
14	PAT100	Sinh lý bệnh-MD		1,5/0,5	BM Sinh lý bệnh-Miễn dịch		lý thuyết: 22tiết/ thực hành: 15tiết
15	ORGM00	Tổ chức và quản lý Y tế		1/1	BM Tổ chức & Quản lý y tế		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
16	MICR00	Vi sinh		1/1	BM Vi sinh		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
17	HEDU00	Giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe		1/1	BM Giáo dục sức khỏe		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
18	PHAR01	Dược lý		1/1	BM Dược lý		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
19	AEDR00	Bệnh bán phần trước và y học lâm sàng		2/0	BM Mắt - KXNK		lý thuyết: 30tiết
20	OPTA02	Quang học ứng dụng II		1/2	BM Mắt - KXNK		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 60tiết
21	PROC1B	Các nguyên tắc NK lâm sàng IB		1/1	BM Mắt - KXNK		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
		Tổng	17,5/4,5	11,5/7,5			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Đặng Thị Bích Ngọc
 email: bichngocdang@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y2 - HỆ CỬ NHÂN KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

- 1 Số lượng sinh viên:** 76
 1.1. Số lớp học tập: 1 (Y2PHCN)
 1.2. Số tổ học tập: 3 (tổ 28,29,30)
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

Theo QĐ số: 4259/QĐ-ĐHYHN, ngày 09/7/2025 về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành KT Phục hồi chức năng

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	KINB00	Vận động học và sinh cơ học	1/1		BM Phục hồi chức năng	17/8/2026-10/01/2027	lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
2	HUMA00	Quá trình phát triển con người	2/0		BM Phục hồi chức năng		lý thuyết: 30tiết
3	HCM100	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
4	HVCP00	Lịch sử Đảng CSVN	2/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
5	LANG03	Ngoại ngữ 3	2/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 30tiết
6	EPID00	Dịch tễ học	2/0		BM Dịch tễ		lý thuyết: 30tiết
7	ANAF00	Giải phẫu chức năng	2/2		BM Giải phẫu, BM PHCN		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 60tiết
8	GENB04	Bệnh học di truyền	1/0,5		BM Y sinh học - Di truyền		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 15tiết
9	PAT100	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	1,5/0,5		BM Sinh lý bệnh- Miễn dịch		lý thuyết: 22tiết/ thực hành: 15tiết
10	PHAR01	Dược lý	2/0		BM Dược lý		lý thuyết: 30tiết
11	PHYE03	Giáo dục thể chất 3	0/1		BM Giáo dục thể chất		thực hành: 30tiết
12	INTR00	Nhập môn lâm sàng PHCN		0/1	BM Phục hồi chức năng	11/1/2027-27/6/2027	lâm sàng: 2tuần
13	ASSE01	Lượng giá chức năng		1/1	BM Phục hồi chức năng		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
14	THER02	Các phương thức điều trị vật lý trị liệu		1/1	BM Phục hồi chức năng		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
15	SEMI00	Triệu chứng học Nội khoa		1/1	BM Nội		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
16	RESE00	Nghiên cứu khoa học		1/1	BM Phương pháp nghiên cứu và thống kê y sinh		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
17	SEMS00	Triệu chứng học Ngoại khoa		1/1	BM Ngoại		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
18	THER01	Các kỹ thuật tác động bằng tay		1/1	BM Phục hồi chức năng		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
19	KINT00	Vận động trị liệu		1/1	BM Phục hồi chức năng		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
20	PRAC01	11 lâm sàng 1: Các phương thức vật lý trị liệu, vận động trị liệu		0/4	BM Phục hồi chức năng		lâm sàng: 8tuần
21	PHYE05	Y học thể dục thể thao		1/0	BM Giáo dục thể chất		lý thuyết: 15tiết
		Tổng	17,5/5	8/5			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Đặng Thị Bích Ngọc
 email: bichngocdang@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y2 - CỬ NHÂN KỸ THUẬT HÌNH ẢNH Y HỌC

1 Số lượng sinh viên: 60

1.1. Số lớp học tập: 1

1.2. Số tổ học tập: 2 (Tổ 31,32)

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số 209/QĐ-ĐHYHN ngày 22/01/2025 về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật hình ảnh y học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	HCM100	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2/0		BM Lý luận chính trị	17/8/2026-10/01/2027	lý thuyết: 30tiết
2	MICR06	Vi sinh – Chống nhiễm trùng bệnh viện	1/1		BM Vi sinh		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
3	HVCP00	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
4	LANG03	Ngoại ngữ 3 (Ngoại ngữ chuyên ngành)	2/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 30tiết
5	PATI00	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	1,5/0,5		BM Sinh lý bệnh - Miễn dịch		lý thuyết: 24tiết/ thực hành: 12tiết
6	PHAR06	Dược lý và sử dụng thuốc trong lĩnh vực kỹ thuật hình ảnh y học	2/0		BM Dược lý		lý thuyết: 30tiết
7	PAAH00	Mô học - Giải phẫu bệnh	1,5/0,5		BM Giải phẫu bệnh		lý thuyết: 24tiết/ thực hành: 16tiết
8	SARM00	An toàn bức xạ và an toàn từ trường	1/1		BM Chẩn đoán hình ảnh		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
9	XRIC00	Kỹ thuật chụp X-quang thông thường	2/3		BM Chẩn đoán hình ảnh		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 90tiết
10	PHYE03	Giáo dục thể chất 3	0/1		BM Giáo dục Thể chất		thực hành: 15tiết
11	STAP01	Xác suất – Thống kê y học		2/0	BM Toán - Tin	11/1/2027-27/6/2027	lý thuyết: 30tiết
12	INTE14	Nội khoa cơ bản		1/1	BM Nội		lý thuyết: 14tiết/ lâm sàng: 2tuần
13	SURG11	Ngoại khoa cơ bản		1/1	BM Ngoại		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
14	ASIM01	Giải phẫu vùng và lớp cắt trong Hình ảnh y học 1		1/1	BM Chẩn đoán hình ảnh		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
15	XRIA00	Kỹ thuật chụp X-quang đặc biệt/chuyên sâu		2/3	BM Chẩn đoán hình ảnh		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 90tiết
16	HOSP01	Thực hành bệnh viện 1 (XQ)		0/2	BM Chẩn đoán hình ảnh		lâm sàng: 2tuần
17	PHYE05	Y học thể dục thể thao		1/0	BM Giáo dục Thể chất		lý thuyết: 15tiết
		Tổng	15/7	8/4			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Đặng Thị Bích Ngọc
email: bichngocdang@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y2 - CỬ NHÂN HỘ SINH

1 Số lượng SV dự kiến: 60

1.1. Số lớp học tập: 1 (Y2HS)

1.2. Số tổ học tập: 2 (Tổ 31,32)

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số 187/QĐ-ĐHYHN ngày 24/01/2024 về việc ban hành Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo ngành Hộ sinh trình độ đại học

TT	Mã môn	Môn học/Module	Số tín chỉ (LT/TH/LS)		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	MIDI00	Chăm sóc sức khỏe người bệnh Nội khoa	2/0,5/1,5		Khoa ĐD - HS, Giải phẫu, SLB-MD, Dược lý	17/8/2026 - 10/1/2027	lý thuyết 30 tiết/ thực hành 15 tiết/ lâm sàng 67,5 tiết
2	MIDS00	Chăm sóc sức khỏe người bệnh Ngoại khoa	1/0,5/1,5		Khoa ĐD - HS, Giải phẫu		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 15 tiết/ lâm sàng 67,5 tiết
3	MIDC00	Chăm sóc sức khỏe người bệnh Truyền nhiễm	1/0/2		BM Truyền nhiễm, Khoa ĐD-HS		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 90 tiết
4	MILI00	Giáo dục quốc phòng 1,2,3,4	6/2,5/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết 93 tiết/ thực hành 72 tiết
5	PREG00	Chăm sóc thai kỳ		3/1/3	Khoa ĐD - HS, Bộ môn Phụ sản, Giải phẫu, Dược lý, Y sinh học-DT, Dinh dưỡng	11/1/2027-27/6/2027	lý thuyết 45 tiết/ thực hành 30 tiết/ lâm sàng 135 tiết
6	DELI00	Chăm sóc chuyển dạ và đẻ		3/1/5	Bộ môn Phụ sản, Bộ môn Nhi		lý thuyết 45 tiết/ thực hành 30 tiết/ lâm sàng 225 tiết
7	PHYE03	Giáo dục thể chất 3		0/1/0	Bộ môn Giáo dục thể		/ thực hành 30 tiết
8	PHYE05	Y học thể thao		1/0/0	Bộ môn Giáo dục thể		lý thuyết 15 tiết
		Tổng	10/3,5/5	7/3/8			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Đặng Thị Bích Ngọc
email: bichngocdang@hmu.edu.vn



KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y3 - HỆ BÁC SĨ Y KHOA

- 1 Số lượng sinh viên:** 395
 1.1. Số lớp học tập: 4 (YK1+YK2+YK3+YK4)
 1.2. Số tổ học tập: 16 (từ tổ 01 đến tổ 16) (2 tổ AUF 15+16)
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

Theo QĐ số: 3982/QĐ-ĐHYHN, ngày 26/8/2019 về việc ban hành Chương trình đào tạo Bác sĩ Y khoa dựa trên năng lực

TT	Mã môn	Môn học/Module	Số tín chỉ (LT/TH/LS)		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	S2.7	Module S2.7 - Tiêu hóa	4,5/1,5/0,5		Nội, Ngoại, Mô phôi, Nhi, Truyền nhiễm, CDHA, Giải phẫu, Hóa sinh, Dược lý, Sinh lý, Vi sinh, SLB-MD, Giải phẫu bệnh, Dinh dưỡng	Từ 17/8/2026 đến 10/1/2027	lý thuyết 66 tiết/ thực hành 40 tiết/ lâm sàng 24 tiết
2	S2.8	Module S2.8 - Khoa học thần kinh và hành vi	5/0,5/1		Thần kinh, Tâm thần, Ngoại, CDHA, Giải phẫu, Giải phẫu bệnh, Mô phôi, Hóa sinh, Dược lý, Nhi, Sinh lý, Ký sinh trùng, Lão khoa, Mắt, Giáo dục sức khỏe, Tâm lý		lý thuyết 70 tiết/ thực hành 16 tiết/ lâm sàng 38 tiết
3	INFO02	Tin học ứng dụng	1/1/0		BM Toán - Tin		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 32 tiết
4	RESE01	Nghiên cứu khoa học 1	1/1/0		BM Phương pháp nghiên cứu và thống kê y sinh		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
5	PMAL00	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2/0/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết 30 tiết
6	HCM100	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2/0/0	BM Lý luận chính trị	Từ 11/1/2027 đến 27/6/2027	lý thuyết 30 tiết
7	S2.9	Module S2.9 - Nội tiết - Chuyển hóa		4/0,5/0,5	Nội, Nhi, Giải phẫu bệnh, Y học hạt nhân, Di truyền, Hóa sinh, Sinh lý học, CDHA, Giải phẫu, SLB-MD, Dược lý, Mô phôi		lý thuyết 56 tiết/ thực hành 14 tiết/ lâm sàng 26 tiết
8	S2.10	Module S2.10 - Thận - Tiết niệu		5/0,5/0,5	Nội, Ngoại, Giải phẫu, Sinh lý học, Hóa sinh, SLB-MD, Vi sinh, Dược lý, CDHA, Giải phẫu bệnh, Mô phôi, YHHN		lý thuyết 70 tiết/ thực hành 10 tiết/ lâm sàng 24 tiết
9	S2.11	Module S2.11 - Sinh dục Sinh sản		3/1/0,5	Sản phụ khoa, Ngoại, Giải phẫu, Sinh lý học, Y sinh học di truyền, Mô phôi, Hóa sinh, Dược lý, CDHA, GPB, Vi sinh		lý thuyết 42 tiết/ thực hành 28 tiết/ lâm sàng 14 tiết
10	RESE02	Nghiên cứu khoa học 2		1/1/0	BM Phương pháp nghiên cứu và thống kê y sinh		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
11	PHYE05	Y học thể dục thể thao		1/0/0	BM Giáo dục thể chất		lý thuyết 15 tiết
12	OSCE02	Kỹ năng y khoa 2		0/2/0	Các bộ môn liên quan		thực hành 60 tiết
		Tổng	13,5/4/1,5	16/5/1,5			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Kim Ngân
 email: kimngan@hmu.edu.vn
 page 15

Ngân

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y3 - HỆ BÁC SĨ Y HỌC CỔ TRUYỀN

- 1 Số lượng sinh viên:** 86
 1.1. Số lớp học tập: 01 (Y3CT)
 1.2. Số tổ học tập: 04 (CT: Tổ 17,18,19,20)
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

Theo QĐ số: 6907/QĐ-ĐHYHN, ngày 30/12/2022 về việc ban hành Chương trình đào tạo Bác sĩ Y học cổ truyền

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	REVO00	Lịch sử Đảng CSVN	2/0		BM Lý luận chính trị	Từ 17/8/2026 đến 10/1/2027	lý thuyết: 30tiết
2	PHYE05	Y học TDTT	1/0		BM Giáo dục thể chất		lý thuyết: 15tiết
3	HEDU00	GDSK&NCSK	1/1		BM Giáo dục sức khỏe		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 36tiết
4	INFO02	Tin học ứng dụng	1/1		BM Toán - Tin		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 32tiết
5	PANA00	Giải phẫu bệnh	2/1		BM Giải phẫu bệnh		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 36tiết
6	PATH00	Sinh lý bệnh	1,5/0,5		BM Sinh lý bệnh-Miễn dịch		lý thuyết: 24tiết/ thực hành: 20tiết
7	PREC00	Tiền lâm sàng YHHĐ	0/4		BM GDYH & KNTLS		thực hành: 120tiết
8	THEO01	Lý luận cơ bản YHCT I	4/0		Khoa Y học cổ truyền		lý thuyết: 60tiết
9	GENB02	Di truyền		1,5/0,5	BM Y sinh học di truyền	Từ 11/1/2027 đến 27/6/2027	lý thuyết: 24tiết/ thực hành: 20tiết
10	PHAR01	Dược lý		3/1	BM Dược lý		lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 30tiết
11	INTE02	Nội cơ sở YHHĐ		3/3	BM Nội tổng hợp		lý thuyết: 45tiết/ lâm sàng: 7tuần
12	SURG02	Ngoại cơ sở YHHĐ		3/2	BM Ngoại		lý thuyết: 45tiết/ lâm sàng: 5tuần
13	ORGM00	Tổ chức quản lý y tế		1/1	Bộ môn Tổ chức y tế		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 4tuần
14	RESE00	Nghiên cứu khoa học		1/0	Bộ môn Thống kê y học		lý thuyết: 15tiết
15	COMM01	Thực tập cộng đồng 1		0/1	Khoa YHCT		lâm sàng: 2tuần
		Tổng	12,5/7,5	12,5/8,5			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Kim Ngân
 email: kimngan@hmu.edu.vn

Kim Ngân

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y3 - CỬ NHÂN XÉT NGHIỆM Y HỌC

- 1 Số lượng sinh viên:** 75
 1.1. Số lớp học tập: 1 (Y3XN)
 1.2. Số tổ học tập: 04 (tổ 24,25,26,27)
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

Theo QĐ số: 6908/QĐ-ĐHYHN, ngày 30/12/2022 về việc ban hành chương trình đào tạo Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm Y học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	REVO00	Lịch sử Đảng CSVN	2/0		BM Lý luận chính trị	Từ 17/8/2026 đến 10/1/2027	lý thuyết: 30tiết
2	PHYE05	Y học thể dục thể thao	1/0		BM Giáo dục thể chất		lý thuyết: 15tiết
3	ORGM00	TC&QL.YT	1/1		BM Tổ chức & Quản lý y tế		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
4	STAP00	Xác suất thống kê	2/0		BM Toán - Tin		lý thuyết: 30tiết
5	LABC02	Giải phẫu bệnh 2	1/1		Khoa KTYH		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
6	BIOC03	Hóa sinh 3	3/2		Khoa KTYH		lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 60tiết
7	CYHE00	Huyết học tế bào	2/4		Khoa KTYH		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 120tiết
8	QUAL00	Tổ chức và quản lý phòng xét nghiệm		2/2	Khoa KTYH	Từ 11/1/2027 đến 27/6/2027	lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 60tiết
9	MICR03	Vi sinh 3		2/3	Khoa KTYH		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 90tiết
10	HEMC00	Huyết học đông máu		1/2	Khoa KTYH		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 60tiết
11	TRAN00	Huyết học truyền máu		1/2	Khoa KTYH		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 60tiết
12	LABC02	Giải phẫu bệnh 3		1/1	Khoa KTYH		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
13	NFC00	Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện		1/1	Khoa KTYH		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
14	QUAL00	Miễn dịch lâm sàng		1/1	Khoa KTYH		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
		Tổng	12/8	9/12			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.
 Giáo vụ khối: Nguyễn Kim Ngân
 email: kimngan@hmu.edu.vn



KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y3 - HỆ CỬ NHÂN KHÚC XẠ NHÂN KHOA

- 1 Số lượng sinh viên:** 67
 1.1. Số lớp học tập: 1 (Y3KX)
 1.2. Số tổ học tập: 3 (tổ 21,22,23)

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số 6909/QĐ-ĐHYHN ngày 30/12/2022 về việc ban hành Chương trình đào tạo Cử nhân Khúc xạ n

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	REVO00	Lịch sử Đảng CSVN	2/0		BM Lý luận chính trị	Từ 17/8/2026 đến 10/1/2027	lý thuyết: 30tiết
2	PHYE05	Y học TDDT	1/0		BM Giáo dục thể chất		lý thuyết: 15tiết
3	STAP00	Xác suất thống kê	2/0		BM Toán - Tin		lý thuyết: 30tiết
4	OCUL00	Vận nhãn và thị giác 2 mắt	3/0		BM Mắt-KXNK		lý thuyết: 45tiết
5	LOWV01	Giới thiệu về khiếm thị	1/1		BM Mắt-KXNK		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
6	PHAR02	Dược lý nhãn khoa	2/0		BM Dược lý		lý thuyết: 30tiết
7	CONL01	Kính tiếp xúc I	2/1		BM Mắt-KXNK		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
8	PEDR00	Bệnh bán phần sau và Y học LS	2/0		BM Mắt-KXNK		lý thuyết: 30tiết
9	PROC2A	Các nguyên tắc nhãn khoa LS IIA	1/1		BM Mắt-KXNK		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
10	PRET01	Thực hành TLS&TTCD I	0/2		BM Mắt-KXNK		thực hành: 90tiết
11	NEDR00	Bệnh TK nhãn khoa & YHLS		2/0	BM Mắt-KXNK	Từ 11/1/2027 đến 27/6/2027	lý thuyết: 30tiết
12	LOWV02	Khiếm thị nâng cao		1/1	BM Mắt-KXNK		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
13	OPTP00	Khúc xạ nhãn khoa trẻ em		2/0	BM Mắt-KXNK		lý thuyết: 30tiết
14	CONL02	Kính tiếp xúc II		2/1	BM Mắt-KXNK		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
15	ANOM00	Rối loạn thị giác và bài tập thị giác		2/2	BM Mắt-KXNK		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 60tiết
16	PROC2B	Các nguyên tắc nhãn khoa LS IIB		2/1	BM Mắt-KXNK		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
17	PRET02	Thực hành TLS&TTCD II		0/2	BM Mắt-KXNK		thực hành: 90tiết
		Tổng	16/5	11/7			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Kim Ngân
 email: kimngan@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y3 - HỆ CỬ NHÂN KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

- 1 Số lượng sinh viên:** 74
 1.1. Số lớp học tập: **1 (Y3PHCN)**
 1.2. Số tổ học tập: **3 (tổ 28,29,30)**
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

Theo QĐ số: 4259/QĐ-ĐHYHN, ngày 09/7/2025 về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành KT Phục hồi chức năng

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	NEUR01	Khoa học thần kinh	1/0/1		BM Thần kinh	Từ 17/8/2026 đến 10/1/2027	lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 45 tiết
2	PHYP01	Bệnh lý và vật lý trị liệu bệnh hệ thần kinh cơ	1/0,5/0,5		BM Phục hồi chức năng		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 15 tiết/ lâm sàng 23 tiết
3	PHYP02	Bệnh lý và vật lý trị liệu hệ tim mạch - hô hấp	1/0,5/0,5		BM Phục hồi chức năng		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 15 tiết/ lâm sàng 23 tiết
4	PHYP03	Bệnh lý và vật lý trị liệu hệ cơ xương	1/0,5/0,5		BM Phục hồi chức năng		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 15 tiết/ lâm sàng 23 tiết
5	THER03	Hoạt động trị liệu	1/0,5/0,5		BM Phục hồi chức năng		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 15 tiết/ lâm sàng 23 tiết
6	THER04	Ngôn ngữ trị liệu	1/1/0		BM Phục hồi chức năng		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
7	PRAC02	Thực tập lâm sàng 2: Hoạt động trị liệu, Ngôn ngữ trị liệu	0/0/4		BM Phục hồi chức năng		/ lâm sàng 180 tiết
8		Tự chọn 1	0/0/2		BM Phục hồi chức năng		/ lâm sàng 90 tiết
9	RADI00	Chẩn đoán hình ảnh		0,5/0/0,5	BM Chẩn đoán hình ảnh	Từ 11/1/2027 đến 27/6/2027	lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 23 tiết
10	PHYP04	Bệnh lý và Vật lý trị liệu hệ da, tiết niệu - sinh dục và nội tiết		1/1/0	BM Phục hồi chức năng		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
11	PRAC03	Thực tập lâm sàng 3: Bệnh lý và VLTL hệ Cơ xương và hệ Tim mạch - hô hấp		0/0/4	BM Phục hồi chức năng		/ lâm sàng 180 tiết
12	LAWS00	Nhà nước và pháp luật		2/0/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết 30 tiết
13	ASSI01	Dụng cụ trợ giúp trong PHCN (chỉnh hình, chân tay giả ...)		1/1/0	BM Phục hồi chức năng		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
14		Tự chọn 2 (01 học phần)		0/0/2	BM Phục hồi chức năng		/ lâm sàng 90 tiết
15		Tự chọn 3 (01 học phần)		0/0/2	BM Phục hồi chức năng		/ lâm sàng 90 tiết
16	HEDU00	Giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe		1/1/0	BM Giáo dục sức khỏe		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
		Tổng	6/3/9	5,5/3/8,5			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Kim Ngân
 email: kimngan@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y3 - CỬ NHÂN HỘ SINH

- 1 Số lượng sinh viên:** 60
 1.1. Số lớp học tập: 1 (Y3HS)
 1.2. Số tổ học tập: 2 (Tổ 31,32)

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số 7344/QĐ-ĐHYHN ngày 15/10/2025 về việc cập nhật CTĐT ngành Hộ sinh trình độ đại học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	POST00	Chăm sóc sau sinh	2/1/4		Khoa ĐD-HS, BM Phụ sản	Từ 17/8/2026 đến 10/01/2027	lý thuyết 30 tiết/ thực hành 30 tiết/ lâm sàng 180 tiết
2	NEOC00	Chăm sóc trẻ sơ sinh	1/0,5/1,5		Khoa ĐD-HS, BM Nhi		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 15 tiết/ lâm sàng 68 tiết
3	REPR00	CSSK sinh sản và các giai đoạn cuộc đời	1/0/2		BM Phụ sản, BM Dân số		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 90 tiết
4	LANG02	Ngoại ngữ II	2/0/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết 30 tiết
5	POEM00	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2/0/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết 30 tiết
6	LANG03	Ngoại ngữ III		2/0/0	BM Ngoại ngữ	Từ 11/01/2027 đến 27/6/2027	lý thuyết 30 tiết
7	PMAL00	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2/0/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết 30 tiết
8	NUTR05	Dinh dưỡng trong sản khoa		2/0/0	BM Dinh dưỡng và ATTP		lý thuyết 30 tiết
9	MIDE00	Chăm sóc tích cực trong sản phụ khoa		2/0/2	BM Phụ sản, BM Hồi sức cấp cứu		lý thuyết 30 tiết/ lâm sàng 90 tiết
10	POPF01	Dân số - Kế hoạch hóa gia đình		2/0/1	BM Dân số, BM Phụ sản		lý thuyết 30 tiết/ lâm sàng 45 tiết
11	REPC00	Chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng		1/0/2	Khoa Điều dưỡng HS, Viện ĐT YHDP&YTCC		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 90 tiết
		Tổng	8/1,5/7,5	11/0/5			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Kim Ngân
 email: kimngan@hmu.edu.vn

Nguyễn Kim Ngân

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y4 - HỆ BÁC SĨ Y KHOA

- 1 Số lượng sinh viên:** 400
 1.1. Số lớp học tập: 4 (YK1+YK2+YK3+YK4)
 1.2. Số tổ học tập: 16 (từ tổ 1 đến tổ 16) (2 tổ AUF 15+16)
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

Theo QĐ số: 3982/QĐ-ĐHYHN, ngày 26/8/2019 về việc ban hành Chương trình đào tạo Bác sĩ Y khoa dựa trên năng lực

TT	Mã môn	Môn học/Module	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	S3.1	Nội khoa I	3/0/5		Mô-đun (BM Nội TH)	- Quay vòng 5 mô-đun, 100 sv/mô-đun x 8 tuần - Học kì 1: 17/8/2026-20/12/2026 - Học kì 2: 21/12/2026-4/7/2027	lý thuyết 45 tiết/ lâm sàng 225 tiết
2	S3.2.	Nội khoa II	3/0/5		Mô-đun (BM Nội TH)		lý thuyết 45 tiết/ lâm sàng 269 tiết
3	S3.3	Ngoại khoa I	3/0,5/5		Mô-đun (BM Ngoại)		lý thuyết 45 tiết/ thực hành 15 tiết/ lâm sàng 225 tiết
4	S3.4	Sức khoẻ phụ nữ - Sinh sản I	3/0/5		Mô-đun (BM Phụ sản)		lý thuyết 45 tiết/ lâm sàng 225 tiết
5	S3.5	Nhi khoa I	3/0/5		Mô-đun (BM Nhi)		lý thuyết 44 tiết/ lâm sàng 225 tiết
6	FORE	Y pháp	2/0/0		BM Y pháp		lý thuyết: 30tiết
7	HVCP00	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2/0/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
		Tổng	17/0,5/25	2/0/0			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.



Giáo vụ khối: Lê Thu Phương
 email: lethuphuong@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y4 - HỆ BÁC SỸ Y HỌC CỔ TRUYỀN

1 Số lượng sinh viên: 79

1.1. Số lớp học tập: 01 (Y4CT)

1.2. Số tổ học tập: 04 (CT: Tổ 17,18,19,20)

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số: 6907/QĐ-ĐHYHN, ngày 30/12/2022 về việc ban hành Chương trình đào tạo Bác sĩ Y học cổ truyền

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	RADI00	Chẩn đoán hình ảnh	2/1		BM Chẩn đoán hình ảnh	Từ 17/8/2026-10/1/2027	lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
2	INTE08	Nội bệnh lý YHHĐ1	3/4		BM Nội tổng hợp		lý thuyết: 45tiết/ lâm sàng: 9tuần
3	SURG06	Ngoại bệnh lý YHHĐ	2/1		BM Ngoại		lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 4tuần
4	OBGY07	Sản phụ khoa YHHĐ	2/1		BM Phụ sản		lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 4tuần
5	PEDI03	Nhi khoa YHHĐ	2/1		BM Nhi		lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 4tuần
6	EPID00	Dịch tễ học		1/1	BM Dịch tễ	Từ ngày 11/1-27/6/2027	lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
7	REPH00	Phục hồi chức năng		1/2	BM Phục hồi chức năng		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 4tuần
8	ONCO00	Ung thư		1/1	BM Ung thư		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
9	DERM01	Da liễu YHHĐ		1/1	BM Da liễu		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
10	INFD00	Truyền nhiễm		1/1	BM Truyền nhiễm		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
11	NEUR00	Thần kinh		1/2	BM Thần kinh		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 4tuần
12	MENT00	Tâm thần		1/1	BM Tâm thần		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
13	ORLA00/ EYE00	Tự chọn: Tai mũi họng / Mắt		1/1	BM Tai Mũi Họng BM Mắt		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
14	ALLE00	Dị ứng và MDLS		1/1	BM Dị ứng và miễn dịch lâm sàng		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
15	THEO02	Lý luận cơ bản YHCT 2		0/2	Khoa YHCT		lâm sàng: 4tuần
16	PREC01	TLS YHCT 1		0/1	Khoa YHCT		thực hành: 30tiết
17	TUBL00	Lao và bệnh phổi		0,5/0,5	BM Lao & Bệnh phổi		lý thuyết: 10tiết/ lâm sàng: 2tuần
		Tổng	11/8	9,5/14,5			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng OLETDH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể. ↗

Giáo vụ khối: Lê Thu Phương
email: lethuphuong@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y4 - HỆ CỬ NHÂN XÉT NGHIỆM Y HỌC

- 1 Số lượng sinh viên:** 80
 1.1. Số lớp học tập: 1 (Y4XN)
 1.2. Số tổ học tập: 04 (tổ 33,34,35,36)

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số: 6908/QĐ-ĐHYHN, ngày 30/12/2022 về việc ban hành chương trình đào tạo Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm Y học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	RESE00	Nghiên cứu khoa học	1/0		BM Phương pháp nghiên cứu và thống kê y sinh	Từ 17/8/2026-10/1/2027	lý thuyết: 15tiết
2	LAWS00	Nhà nước và Pháp luật	2/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
3	MOLP02	Y sinh học phân tử nâng cao	1/2		Khoa Kỹ thuật y học		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 60tiết
4	PRAM00	TH XN Vi sinh-KST	0/6		Khoa Kỹ thuật y học		thực hành: 180tiết
5	PRAB00	TT XN Hóa sinh	0/4		Khoa Kỹ thuật y học		thực hành: 120tiết
6		Tự chọn: - KHMT-SKMT - SKNN - XN VKS trong VSATTP	2/0		- SKMT - SKNN - Khoa Kỹ thuật y học		lý thuyết: 30tiết
7	PRAH03	TT XN HH	0/4		Khoa Kỹ thuật y học		thực hành: 120tiết
8	PESD00	Phát triển bản thân và tính chuyên nghiệp		2/2	TT PTCTĐT&TVNL Y tế điều phối	Từ ngày 11/01/2027 đến ngày 25/4/2027	lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 60tiết
9	PATP00	TT XN Giải phẫu bệnh		0/4	Khoa Kỹ thuật y học		lâm sàng: 4tuần
10	INTC00	Thực tế tốt nghiệp		0/5	Phòng QLĐTĐH và các đơn vị liên quan	26/4-13/6/2027	lâm sàng: 4tuần
11	THEC00	Chuyên đề lâm sàng/ Khóa luận tốt nghiệp		6/0	Phòng QLĐTĐH và các đơn vị liên quan		
		Tổng	6/16	8/11			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể. 

Giáo vụ khối: Lê Thu Phương
 email: lethuphuong@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y4 - HỆ CỬ NHÂN KHÚC XẠ NHÂN KHOA

- 1 Số lượng sinh viên: 70
 1.1. Số lớp học tập: 1 (Y4KX)
 1.2. Số tổ học tập: 4 (tổ 29,30,31,32)

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số: 6909/QĐ-ĐHYHN, ngày 30/12/2025 về việc ban hành Chương trình đào tạo Cử nhân Khúc xạ nhân khoa

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	LAWS00	Nhà nước và Pháp luật	2/0		BM Lý luận chính trị	Từ 17/8/2026-10/1/2027	lý thuyết: 30tiết
2	RESE00	Nghiên cứu khoa học	1/1		BM Phương pháp nghiên cứu và thống kê y sinh		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
3	EPID03	Dịch tễ học một số bệnh phổ biến	2/0		BM Dịch tễ		lý thuyết: 30tiết
4	OPTG00	Khúc xạ lão khoa	1/0		BM Mắt - KXNK		lý thuyết: 15tiết
5	CASE01	Phân tích trường hợp lâm sàng I	1/0		BM Mắt - KXNK		lý thuyết: 15tiết
6	CASE02	Phân tích trường hợp lâm sàng II	1/0		BM Mắt - KXNK		lý thuyết: 15tiết
7	PRET03	Thực hành tiền lâm sàng và thực tập cộng đồng III	0/6		BM Mắt - KXNK		lâm sàng: 12tuần
8	PESD00	Phát triển bản thân và tính chuyên nghiệp		2/2	TT PTCTĐT&TVNL Y tế điều phối	Từ ngày 11/01/2027 đến ngày 25/4/2027	lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 60tiết
9	PRET04	Thực hành tiền lâm sàng và thực tập cộng đồng IV		0/5	BM Mắt - KXNK		lâm sàng: 10tuần
10	INTC00	Thực tế tốt nghiệp		0/5	Phòng QLĐTĐH và các đơn vị liên quan	26/4-13/6/2027	lâm sàng: 4tuần
11	THEC00	Chuyên đề lâm sàng/ Khóa luận tốt nghiệp		6/0	Phòng QLĐTĐH và các đơn vị liên quan		
		Tổng	8/7	8/12			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể. 

Giáo vụ khối: Lê Thu Phương
 email: lethuphuong@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y4 - HỆ CỬ NHÂN KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

- 1 Số lượng sinh viên:** 61
 1.1. Số lớp học tập: 1 (Y4PHCN)
 1.2. Số tổ học tập: 2 (tổ 37,38)

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số: 4259/QĐ-ĐHYHN, ngày 09/7/2025 về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành KT Phục hồi chức năng

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	ORGM00	Tổ chức và quản lý y tế	1,5/0,5		BM Tổ chức và quản lý y tế	Từ 17/8/2026-10/1/2027	lý thuyết: 23tiết/ thực hành: 15tiết
2	REPH01	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	1/1		BM PHCN		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
3	NUTD01	Dinh dưỡng và khuyết tật	1/1		BM Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
4	NEUR02	Kỹ thuật tạo thuận cảm thụ bản thể thần kinh cơ	1/1		BM PHCN		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
5		Tự chọn 4	0/2		BM PHCN		lâm sàng: 2tuần
6	COMM04	Thực tập cộng đồng	0/4		BM PHCN		lâm sàng: 2tuần
7	PRAC04	TTLS 4: Bệnh lý và VLTL Hệ thần kinh - cơ và hệ Da tiết niệu	0/4		BM PHCN		lâm sàng: 4tuần
8	PESD00	Phát triển bản thân và tính chuyên nghiệp	2/2		TT PTCTĐT&TVNL Y tế điều phối		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 60tiết
9	TRAM00	Y học cổ truyền		1/2	Khoa YHCT	Từ ngày 11/01/2027 đến ngày 25/4/2027	lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
10	MENT01	Sức khỏe tâm thần		1/1	BM Tâm thần		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
11	INTC00	Thực tế tốt nghiệp		0/5	Phòng QLĐTĐH và các đơn vị liên quan	26/4-13/6/2027	lâm sàng: 4tuần
12	THEC00	Chuyên đề lâm sàng/ Khóa luận tốt nghiệp		6/0	Phòng QLĐTĐH và các đơn vị liên quan		
		Tổng	6,5/15,5	8/8			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể. 

Giáo vụ khối: Lê Thu Phương
 email: lethuphuong@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y5 - HỆ BÁC SĨ Y KHOA

- 1 Số lượng sinh viên:** 397
 1.1. Số lớp học tập: 4 (YK1+YK2+YK3+YK4)
 1.2. Số tổ học tập: 16 (từ tổ 1 đến tổ 16) (2 tổ AUF 15+16)

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số: 3982/QĐ-ĐHYHN, ngày 26/8/2019 về việc ban hành Chương trình đào tạo Bác sĩ Y khoa dựa trên năng lực

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ	Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
1	S3.6	Hồi sức cấp cứu và gây mê hồi sức	2/0/3	HSCC+GMHS	<i>Quay 2 vòng x 8 tuần/vòng x 2 lớp/vòng Từ 07/12/2026-11/4/2027</i>	lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 6tuần
2	RESE03	Nghiên cứu khoa học 3	1/1/0	BM Phương pháp nghiên cứu và thống kê y sinh - Viện ĐT YHDP&YTCC		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
3	S3.7	Ung bướu và chăm sóc giảm nhẹ	2/0/2	BM Ung thư	<i>Quay vòng 4 môn x 4 tuần/môn x 1 lớp/môn Từ 17/8-06/12/2026</i>	lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 4tuần
4	S3.8	Sức khỏe tâm thần	2/0/2	BM Tâm thần		lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 4tuần
5	S3.9	Y học cổ truyền	2/0/2	Khoa YHCT		lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 4tuần
6	S3.10	Truyền nhiễm	2/0/2	BM Truyền nhiễm		lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 4tuần
7	S3.11	Chăm sóc sức khỏe ban đầu I (Tuyến quận/huyện)	4/0/4	BM Y học gia đình	<i>Quay 2 vòng x 8 tuần/vòng x 2 lớp/vòng Từ 07/12/2026-28/3/2027</i>	lý thuyết: 60tiết/ lâm sàng: 4tuần
8	S3.12.1	Phục hồi chức năng	1/0/1	BM Phục hồi chức năng	<i>Tự chọn 4/8 môn theo nhóm, đi 2 tuần/môn Từ 19/4-20/6/2027</i>	lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
9	S3.12.2	Lao	1/0/1	BM Lao		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
10	S3.12.3	Dị ứng - Miễn dịch LS	1/0/1	BM Dị ứng - Miễn dịch LS		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
11	S3.12.4	Da liễu	1/0/1	BM Da liễu		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
12	S3.12.5	Mắt	1/0/1	BM Mắt - Khúc xạ nhãn khoa		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
13	S3.12.6	Tai mũi họng	1/0/1	BM Tai Mũi Họng		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
14	S3.12.7	Răng hàm mặt	1/0/1	Viện ĐT Răng Hàm Mặt		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
15	S3.12.8	Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ	1/0/1	BM Phẫu thuật tạo hình		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
		Tổng	23/1/23			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thế Hiền

email: nguyenthehien@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y5 - HỆ BÁC SỸ Y HỌC CỔ TRUYỀN

- 1 Số lượng sinh viên:** 53
 1.1. Số lớp học tập: 01 (Y5CT)
 1.2. Số tổ học tập: 02 (CT: Tổ 17,18)
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

Theo QĐ số: 3024/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/3/2016 về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành đào tạo đại học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ	Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
1	ACUP00	Châm cứu học	3/3	Khoa Y học cổ truyền	17/8-27/9/2026	lý thuyết: 45tiết/ lâm sàng: 6tuần
2	PREC02	Tiền lâm sàng Y học cổ truyền 2	0/1	Khoa Y học cổ truyền	26/10-15/11/2026	lâm sàng: 3tuần
3	TRME00	Phương pháp điều trị không dùng thuốc	2/2	Khoa Y học cổ truyền	28/9-11/10/2026	lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 4tuần
4	HERT00	Thuốc Y học cổ truyền	3/3	Khoa Y học cổ truyền	26/10-30/12/2026	lý thuyết: 45tiết/ lâm sàng: 8tuần
5	PROC00	Chế biến dược liệu và thực vật dược	1/1	Khoa Y học cổ truyền	21/12-10/1/2027	lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 3tuần
6	FORM00	Phương tử	4/2	Khoa Y học cổ truyền	11/1-07/3/2027	lý thuyết: 60tiết/ lâm sàng: 6tuần
7	TRAC00	Tác phẩm kinh điển Y học cổ truyền Việt Nam	1/0	Khoa Y học cổ truyền	08-12/3/2027	lý thuyết: 15tiết
8	INTE06	Nội bệnh lý Y học cổ truyền 1	3/2	Khoa Y học cổ truyền	22/3-02/5/2027	lý thuyết: 45tiết/ lâm sàng: 6tuần
9	GERT01	Bệnh học lão khoa Y học cổ truyền	2/1	Khoa Y học cổ truyền	03/5-23/5/2027	lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 3tuần
10	WARM01	Ôn bệnh	1/0	Khoa Y học cổ truyền	15-19/3/2027	lý thuyết: 15tiết
11	ORLS00	Bệnh học ngũ quan	1,6/0,4	Khoa Y học cổ truyền	24/5-06/6/2027	lý thuyết: 25tiết/ lâm sàng: 2tuần
12	DETR00	Da liễu Y học cổ truyền	1/1	Khoa Y học cổ truyền	07/6-27/6/2027	lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 3tuần
		Tổng	22,6/16,4			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thế Hiền
 email: nguyenthethien@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y6 - HỆ BÁC SĨ Y KHOA

- 1 Số lượng sinh viên:** 403
 1.1. Số lớp học tập: 4
 1.2. Số tổ học tập: 16 từ 01 đến 16 (02 tổ AUF)
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

Theo QĐ số: 3982/QĐ-ĐHYHN, ngày 26/8/2019 về việc ban hành Chương trình đào tạo Bác sĩ Y khoa dựa trên năng lực

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	S3.13	Nội khoa 3	3/4		BM Nội tổng hợp	Từ 17/8/2026-6/12/2026	lý thuyết: 45tiết/ lâm sàng: 8tuần
2	S3.14	Ngoại khoa 2	3/4		BM Ngoại		lý thuyết: 45tiết/ lâm sàng: 8tuần
3	S3.15	Sức khỏe phụ nữ - Sinh sản 2		2/2	BM Phụ sản	Từ 7/12/2026-11/4/2027	lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 4tuần
4	S3.16	Nhi khoa 2		2/2	BM Nhi		lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 4tuần
5	S3.17	Chăm sóc sức khỏe ban đầu 2		0/2	BM Y học gia đình		lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 4tuần
6	INTC00	Thực tế tốt nghiệp		0/5	Các Bộ môn liên quan	26/4-23/5/2027	lâm sàng: 4tuần
7	THEC00	Tốt nghiệp lý thuyết tổng hợp/ Khóa luận tốt nghiệp		6/0	Các Bộ môn liên quan	31/5-13/6/2027	
		Tổng	6/8	10/11			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thị Thùy Linh

Email: Linhthuy@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y6 - HỆ BÁC SỸ Y HỌC CỎ TRUYỀN

- 1 Số lượng sinh viên:** 49
 1.1. Số lớp học tập: 1
 1.2. Số tổ học tập: 2 (tổ 17;18)
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

Theo QĐ số: 3024/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/8/2016 về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành đào tạo đại học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	PESD00	Phát triển bản thân và tính chuyên nghiệp	2/2		TT PTCTĐT&TVNL Y tế điều phối	17/8-30/8/2026	lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 60tiết
2	INTE09	Nội bệnh lý YHHD 2	3/2		BM Nội tổng hợp	31/8-11/10/2026	lý thuyết: 45tiết/ lâm sàng: 6tuần
3	SURG07	Ngoại bệnh lý YHCT	1/1		Khoa Y học cổ truyền	12/10- 01/11/2026	lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 3tuần
4	OBGY06	Sản phụ khoa YHCT	1/1		Khoa Y học cổ truyền	2/11-22/11/2026	lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 3tuần
5	PEDI07	Nhi YHCT	1/1		Khoa Y học cổ truyền	23/11-13/12/2026	lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 3tuần
6	COMM02	Thực tế cộng đồng 2 - YHCT	0/2		Khoa Y học cổ truyền	14/12-03/01/2027	lâm sàng: 2tuần
7	INTE07	Nội bệnh lý YHCT 2		4/4	Khoa Y học cổ truyền	04/01-28/3/2027	lý thuyết: 60tiết/ lâm sàng: 9tuần
8	INTC00	Thực tế tốt nghiệp		0/5	Khoa Y học cổ truyền	26/4-23/5/2027	lâm sàng: 4tuần
9	THEC00	Chuyên đề lâm sàng/Khóa luận tốt nghiệp		6/0	Khoa Y học cổ truyền	31/5-13/6/2027	02 tuần
		Tổng	8/9	10/9			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thị Thùy Linh
 Email: Linhthuy@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y1
HỆ CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG CHƯƠNG TRÌNH TIỀN TIẾN KHÓA 17

1 Số lượng SV dự kiến: 130

1.1. Số lớp học tập: 1

1.2. Số tổ học tập: 6

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo OD số 6913/OD-ĐHYHN, ngày 30/12/2022 về việc ban hành Chương trình đào tạo Điều dưỡng Chương trình tiên tiến

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học (dự kiến)	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	PHYE04	Giáo dục thể chất 1,2	0/2		BM Giáo dục thể chất	17/8/2026-10/1/2027	thực hành: 60tiết
2	ENG101-1 ENG101-2 ENG101-3	Tiếng Anh chung 1,2,3	12/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 180tiết
3	PHYL00	Triết học Mác -Lê nin	3/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 45tiết
4	GEN 103	Sinh học Di truyền	1,5/0,5		BM Y sinh học di truyền		lý thuyết: 23tiết/ thực hành: 15tiết
5	MILI01 MILI02 MILI03 MILI04	Giáo dục quốc phòng 1,2,3,4		6/2,5	BM Giáo dục quốc phòng	11/1/2027 - 27/6/2027	lý thuyết: 90tiết/ thực hành: 75tiết
6	POEM00	Kinh tế chính trị Mác-Lê nin		2/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
7	ENG102-1 ENG102-2 ENG102-3	Tiếng anh chuyên ngành TC 1,2,3		9/0	BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 135tiết
8	BIO100	Hóa sinh		1,5/0,5	BM Hóa sinh		lý thuyết: 23tiết/ thực hành: 15tiết
9	SOC100	Y xã hội học		2/0	BM Sức khỏe toàn cầu		lý thuyết: 30tiết
10	GEN100	Thống kê Y sinh học		1,5/0,5	BM Toán - Tin		lý thuyết: 23tiết/ thực hành: 15tiết
		Tổng	16,5/2,5	22/3,5			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thủy Anh

email: nguyenthuyanh@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y2
HỆ CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG CHƯƠNG TRÌNH TIỀN TIẾN KHÓA 16

- 1 Số lượng sinh viên:** 122
1.1. Số lớp học tập: 1 (Y2APN)
1.2. Số tổ học tập: 6 (tổ 36+37+38+39+40+41)

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số 6913/QĐ-ĐHYHN ngày 30/12/2022 về việc ban hành Chương trình đào tạo Cử nhân Điều dưỡng chương trình tiến tiến

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	BIO101	Giải phẫu	2/1/0		BM Giải phẫu	17/8/2026-10/01/2027 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
2	BIO102	Sinh lý học	2/1/0		BM Sinh lý học		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
3	BIO103	Vì sinh	1/1/0		BM Vi sinh		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
4	ENG103-1	Tiếng anh CN nâng cao 1	3/0/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45tiết
5	ENG103-2	Tiếng anh CN nâng cao 2	3/0/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45tiết
6	NRG202	Giao tiếp trong chăm sóc sức khỏe	2/1/0		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
7	PSY100	Tâm lý y học	2/0/0		BM Y đức và Tâm lý học		lý thuyết: 30tiết
8	PMAL00	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2/0/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
9	PHYE03	Giáo dục thể chất 3	0/1/0		BM Giáo dục thể chất		thực hành: 30tiết
10	HCM100	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2/0/0	BM Lý luận chính trị	11/1/2027-28/6/2027 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 30tiết
11	NRG200	Đại cương chăm sóc sức khỏe		4/1,5/2,5	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết 60 tiết/ thực hành 45 tiết/ lâm sàng 113 tiết
12	BIO104	Sinh lý bệnh		2,5/0,5/0	BM Sinh lý bệnh-Miễn dịch		lý thuyết: 38tiết/ thực hành: 15tiết
13	BIO105	Dược lý		2/1/0	BM Dược lý		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
14	NRG203	Kiểm soát nhiễm khuẩn		2/1/0	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
15	NRG312	Khám thực thể		2/2/0	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 60tiết
		Tổng	17/5/0	14,5/6/2,5			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thị Phương Liên
email: nguyenvphuonglien@hmu.edu.vn

**KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y3
HỆ CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG CHƯƠNG TRÌNH TIỀN TIẾN KHÓA 15**

- 1 Số lượng sinh viên:** 123
1.1. Số lớp học tập: 1 (Y3APN)
1.2. Số tổ học tập: 6 (tổ 33+34+35+36+37+38)

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số 6913/QĐ-ĐHYHN ngày 30/12/2022 về việc ban hành Chương trình đào tạo Cử nhân Điều dưỡng CTTT

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	NTR 100-1	Dinh dưỡng cơ bản	1,5/0,5		BM Dinh dưỡng & ATTP	Từ 17/8/2026 đến 10/1/2027	lý thuyết: 22tiết/ thực hành: 15tiết
2	NRG 450	Nghiên cứu điều dưỡng	3/1		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 30tiết
3	NRG 250	Điều dưỡng Nội khoa	2/0		BM Nội tổng hợp		lý thuyết: 30tiết
4	NRG 250C	Thực hành Điều dưỡng Nội khoa	0/3		BM Nội tổng hợp		lâm sàng: 7tuần
5	NRG 251	Điều dưỡng Ngoại khoa	2/0		BM Ngoại		lý thuyết: 30tiết
6	NRG 251C	Thực hành Điều dưỡng Ngoại khoa	0/3		BM Ngoại		lâm sàng: 7tuần
7	HVCP 00	Lịch sử Đảng CSVN	2/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
8	NRG 353	Pháp luật chăm sóc sức khỏe	2/0		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết: 30tiết
9	NRG 341	Điều dưỡng tâm thần		3/0	BM Tâm thần	Từ 11/1/2027 đến 27/6/2027	lý thuyết: 45tiết
10	NRG 341C	Thực hành Điều dưỡng tâm thần		0/3	BM Tâm thần		lâm sàng: 7tuần
11	NRG 260	Điều dưỡng người cao tuổi		2/0	BM Lão khoa		lý thuyết: 30tiết
12	NRG 260C	Thực hành Điều dưỡng người cao tuổi		0/2	BM Lão khoa		lâm sàng: 5tuần
13	NRG 372	Điều dưỡng sản phụ khoa		3/0	BM Phụ sản		lý thuyết: 45tiết
14	NRG 372C	Thực hành Điều dưỡng sản phụ khoa		0/3	BM Phụ sản		lâm sàng: 7tuần
15	NRG 110	Hệ thống CSSK		3/0	BM Tổ chức & Quản lý y tế		lý thuyết: 45tiết
16	SPM 100	YHTDTT		1/0	BM Giáo dục thể chất		lý thuyết: 15tiết
		Tổng	12,5/7,5	12/8			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Ngọc Sơn
email: ngocson@hmu.edu.vn

Sks

**KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y4
HỆ CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG CHƯƠNG TRÌNH TIỀN TIẾN KHÓA 14**

- 1 Số lượng sinh viên:** 120
1.1. Số lớp học tập: 1 (Y4APN)
1.2. Số tổ học tập: 6 (39,40,41,42,43,44)
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	NRG 361	Điều dưỡng trẻ em	4/3		BM Nhi	Từ 17/8/2026-10/1/2027	lý thuyết: 60tiết/ lâm sàng: 7tuần
2	NRG 331	Điều dưỡng Hồi sức cấp cứu	2/3		BM Hồi sức cấp cứu		lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 7tuần
3	NRG 313	Điều dưỡng Truyền nhiễm	1/1		BM Truyền nhiễm		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
4	NRG 451	Quản lý và lãnh đạo điều dưỡng	2/0		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh	Từ ngày 11/1-27/6/2027	lý thuyết: 30tiết
5	NRG 453A	Điều dưỡng Nội khoa nâng cao		1/2	BM Nội tổng hợp		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 5tuần
6	NRG 454A	Điều dưỡng Ngoại khoa nâng cao		1/2	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 4tuần
7	NRG 314	Điều dưỡng phục hồi chức năng		1/1	BM Phục hồi chức năng		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
8	NRG455E1 NRG455E2 NRG455E3 NRG455E4	Tự chọn 1: - Điều dưỡng gia đình - ĐD CS giảm nhẹ - ĐD Tai-Mũi-Họng - ĐD các bệnh tự miễn và dị ứng		2/2	Khoa ĐDHS và các Bộ môn liên quan		lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 5tuần
9	NRG 111 NRG 111C	Điều dưỡng cộng đồng		2/3	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 4tuần
10	NRG456E1 NRG456E2 NRG456E3 NRG456E4 NRG456E5	Tự chọn 2: Thực tập tại mô hình BVQT (Nội/Ngoại/Sản/Nhi/CSTC)		0/4	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lâm sàng: 5tuần
		Tổng	9/7	7/14			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTDH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể. 
 Giáo vụ khối: Lê Thu Phương
 email: lethuphuong@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y5
HỆ CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG CHƯƠNG TRÌNH TIỀN TIẾN KHÓA 13

- 1 Số lượng sinh viên:** 93
1.1. Số lớp học tập: 1 (Y5APN)
1.2. Số tổ học tập: 4

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ	Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
1	NRG 452A/ NRG452 AC	Chăm sóc ĐD tích cực nâng cao	2/4	BM Hồi sức cấp cứu	17/8/2026-26/9/2026	lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 6tuần
2		Học lại và trả nợ 1 số môn Tự ôn thi		Các BM liên quan	26/9/2026-10/10/2026	
3	NRG 500C	Thực tế tốt nghiệp	0/4	Các BM liên quan	12/10/2026-6/11/2026	lâm sàng: 4tuần
4	NRG 500	Bảo vệ khóa luận	6/0	Các BM liên quan	16/11/2026-27/11/2026	
		Tổng	8/8			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thùy Anh

email: nguyenthuyanh@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỎI CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG
HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC KHOÁ 23B (liên thông từ Cao đẳng)
 (liên thông từ Cao đẳng)

1 Số lượng sinh viên: 150

1.1. Số lớp học tập: 1

1.2. Số tổ học tập: 6

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số: 6914/QĐ-ĐHYHN, ngày 30/12/2022 về việc ban hành chương trình đào tạo Cử nhân Điều dưỡng liên thông từ CĐ

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
21	NURM00	Điều dưỡng tâm thần		1/1	BM Tâm thần	5/2026 - 11/2026	lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 45 tiết
22	NURR00	Điều dưỡng phục hồi chức năng		1/1	BM Phục hồi chức năng		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 45 tiết
23	NURF00 PALN00 ALLN03 ORLN00	Môn tự chọn (sinh viên chọn 01 trong 4 môn): - Điều dưỡng gia đình - ĐD CS giảm nhẹ - ĐD Tai-Mũi-Họng - ĐD các bệnh tự miễn và dị ứng		1/1	BM Y học gia đình; Ung thư; Dị ứng-Miễn dịch; Tai mũi họng		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 45 tiết
24	INTC00	Thực tế tốt nghiệp		0/2	Khoa Điều dưỡng hộ sinh		/ lâm sàng 90 tiết
25		Tốt nghiệp lâm sàng		0/2	BM Nội/Ngoại/Sản/Nhi		/ lâm sàng 90 tiết
26		Khóa luận tốt nghiệp		5/0	Phòng QLĐTĐH điều phối		
		Tổng	0/0	8/7			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thế Hiền

Email:nguyenthehien@hmu.edu.vn



**KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỎI CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG
HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC KHOÁ 24A1 (liên thông từ Cao đẳng)**

- 1 **Số lượng sinh viên:** 98
 1.1. Số lớp học tập: 1
 1.2. Số tổ học tập: 4
 2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)
 3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số: 258/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/01/2025 về việc ban hành chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng liên thông từ CĐ

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	NURT01	Điều dưỡng trong Y học cổ truyền (miễn nếu bậc học trước đã học)	1/0/1		Khoa ĐD-HS	27/6-12/7/2026	lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 45 tiết
2	NURD01	Điều dưỡng Truyền nhiễm (học 4 TC nếu bậc học trước chưa học - 1/0/3)	0/0/1		BM Truyền nhiễm	10/08/2026 - 16/5/2027	/ lâm sàng 45 tiết
3	NURR01	Điều dưỡng Phục hồi chức năng	1/0/1		BM Phục hồi chức năng		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 45 tiết
4		Môn tự chọn (SV chọn 3 trong 4 môn) sau:	1/0/2				lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 90 tiết
	NURF00	Điều dưỡng gia đình;			BM YHGD, Khoa ĐDHS		
	PALN00	Điều dưỡng Chăm sóc giảm nhẹ;			BM Ung thư, Khoa ĐDHS		
	ORLN01	Điều dưỡng Tai Mũi Họng;			BM TMH, Khoa ĐDHS		
	POSR00	Điều dưỡng Hồi tỉnh sau phẫu thuật			BM Gây mê hồi sức, Khoa ĐDHS		
5	INTC00	Thực tế tốt nghiệp		0/0/2	Khoa ĐDHS		/ lâm sàng 90 tiết
6		Tiểu luận tốt nghiệp		5/0/0			
		Tổng	3/0/5	5/0/2			

- 4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng OLDTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.
 Giáo vụ khối: Lâm Văn Chiến
 email: lamvanchien@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỎI CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG
HỆ VỮA LÀM VỮA HỌC KHOÁ 24A2 (liên thông từ Cao đẳng)
 (liên thông từ Cao đẳng)

- 1 **Số lượng sinh viên:** 124
 1.1. Số lớp học tập: 1
 1.2. Số tổ học tập: 6 (tổ 5, 6, 7, 8, 9, 10)
 2 **Môn học, giờ học (có bản kèm theo)**
 3 **Khung chương trình:**

Theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/01/2025 về việc ban hành chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng liên thông từ Cao đẳng, được cập nhật bổ sung theo Quyết định số: 408/QĐ-ĐHYHN ngày 30 tháng 01 năm 2026.

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	NURD01	Điều dưỡng Truyền nhiễm (học 4 TC nếu bậc học trước chưa học - 1/0/3)	0/0/1		BM Truyền nhiễm	13/7/2026-27/6/2027	/ lâm sàng 45 tiết
2	NURE02	Điều dưỡng Cấp cứu - Hồi sức tích cực (miễn nếu bậc học trước đã thực hiện 4TC)	1/0/1		Khoa ĐD-HS		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 45 tiết
3	NURG00	Điều dưỡng người cao tuổi	1/0/1		BM Lão khoa		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 45 tiết
4	NURM01	Điều dưỡng Sức khỏe tâm thần (học 4 TC nếu bậc học trước chưa học - 1/0/3)	1/0/1		Khoa ĐD-HS		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 45 tiết
5	NURR01	Điều dưỡng Phục hồi chức năng	1/0/1		BM Phục hồi chức năng		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 45 tiết
6		Môn tự chọn (SV chọn 3 trong 4 môn) sau:		1/0/2			lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 90 tiết
	NURF00	Điều dưỡng gia đình;			BM YHGD, Khoa ĐDHS		
	PALN00	Điều dưỡng Chăm sóc giảm nhẹ;			BM Ung thư, Khoa ĐDHS		
	ORLN01	Điều dưỡng Tai Mũi Họng;			BM TMH, Khoa ĐDHS		
	POSR00	Điều dưỡng Hồi tỉnh sau phẫu thuật			BM Gây mê hồi sức, Khoa ĐDHS		
7	INTC00	Thực tế tốt nghiệp		0/0/2	Khoa ĐDHS		/ lâm sàng 90 tiết
8		Tiểu luận tốt nghiệp		5/0/0			
		Tổng	4/0/4	6/0/4			

- 4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.
 Giáo vụ khối: Dương Xuân Hoà 
 email: duongxuanhoa@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỎI CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG
HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC KHOÁ 24B (liên thông từ Cao đẳng)

- 1 **Số lượng sinh viên:** 223
1.1. Số lớp học tập: 2
1.2. Số tổ học tập: 8

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo Quyết định số 258/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/01/2025 về việc ban hành chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng liên thông từ Cao đẳng, được cập nhật bổ sung theo Quyết định số 408/QĐ-ĐHYHN ngày 30 tháng 01 năm 2026.

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	HVCP00	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	1/0/0		Bm Lý luận chính trị	05/10/2026 - 05/04/2027	lý thuyết 15 tiết
2	NUR001	Điều dưỡng Sản phụ khoa	0,5/0/1		Khoa ĐD, Giải phẫu		lý thuyết 8 tiết/ lâm sàng 45 tiết
3	NURP01	Điều dưỡng trẻ em	0,5/0/1		BM Nhi, Khoa ĐD-HS		lý thuyết 8 tiết/ lâm sàng 45 tiết
4	NURD01	Điều dưỡng Truyền nhiễm (học 4 TC nếu bậc học trước chưa học - 1/0/3)	0/0/1		BM Truyền nhiễm		/ lâm sàng 45 tiết
5	NURE02	Điều dưỡng Cấp cứu - Hồi sức tích cực (miễn nếu bậc học trước đã thực hiện 4TC)	1/0/1		Khoa ĐD-HS		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 45 tiết
6	NURG00	Điều dưỡng người cao tuổi	1/0/1		BM Lão khoa		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 45 tiết
7	NURM01	Điều dưỡng Sức khỏe tâm thần (học 4 TC nếu bậc học trước chưa học - 1/0/3)	1/0/1		Khoa ĐD-HS		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 45 tiết
8	NURT01	Điều dưỡng trong Y học cổ truyền (miễn nếu bậc học trước đã học)	1/0/1		Khoa ĐD-HS		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 45 tiết
9	RESE00	Nghiên cứu Điều dưỡng	1/1/0		Khoa ĐD-HS		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
10	NURR01	Điều dưỡng Phục hồi chức năng		1/0/1	BM Phục hồi chức năng	05/04/2027 - 25/11/2027	lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 45 tiết
11		Môn tự chọn (SV chọn 3 trong 4 môn), tổng 9 TC: 3/0/6					
	NURF00	Điều dưỡng gia đình;		1/0/2	BM YHGD, Khoa ĐDHS		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 10tuần
	PALN00	Điều dưỡng Chăm sóc giảm nhẹ;		1/0/2	BM Ung thư, Khoa ĐDHS		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 10tuần
	ORLN01	Điều dưỡng Tai Mũi Họng;		1/0/2	BM TMH, Khoa ĐDHS		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 10tuần
	POSR00	Điều dưỡng Hồi tỉnh sau phẫu thuật		1/0/2	BM Gây mê hồi sức, Khoa ĐDHS		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 10tuần
12	INTC00	Thực tế tốt nghiệp		0/0/2	Khoa ĐDHS		/ lâm sàng 90 tiết
13		Tiểu luận tốt nghiệp		5/0/0			
		Tổng	7/1/7	9/0/9			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng OLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Lê Lan Hương
lelanhuong@hmu.edu.vn

**KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỞI CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG
HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC KHOÁ 25A (liên thông từ Cao đẳng)**

- 1 Số lượng sinh viên:** 205
 1.1. Số lớp học tập: 2
 1.2. Số tổ học tập: 8

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số: 258/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/01/2025 về việc ban hành chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng liên thông từ CĐ

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	PHYL00	Triết học Mác - Lênin	2/0/0		BM Lý luận chính trị	12/5-20/9/2026	lý thuyết: 30tiết
2	POEM00	Kinh tế chính trị Mác Lênin	1/0/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 15tiết
3	LANG03	Ngoại ngữ (chuyên ngành)	2/0/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 30tiết
4	PHYE03	Giáo dục thể chất 3	0/1/0		BM GDTC		thực hành: 30tiết
5	INMS01	Giới thiệu hệ thống Y tế và ngành nghề	2/0/0		Khoa ĐD-HS, Y đức và Tâm lý Y học		lý thuyết: 30tiết
6	HUMH00	Hình thái chức năng cơ thể và cơ sở vật lý của các hoạt động sống	2,5/0/0		BM Y vật lý điều phối, BM SLB-MD, BM Mô phổi		lý thuyết: 36tiết/ thực hành: 2tiết
7	NURF01	Đại cương chăm sóc điều dưỡng 1	1,5/2/0,5		Khoa ĐD-HS		lý thuyết: 20tiết/ thực hành: 60tiết
8	NURF02	Đại cương chăm sóc điều dưỡng 2	1/1/2		Khoa ĐD-HS		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 28tiết
9	INFO04	Tin học cơ bản		0,5/0,5/0	BM Toán tin	12/10/2026-12/4/2027	lý thuyết: 8tiết/ thực hành: 15tiết
10	PMAL00	Chủ nghĩa xã hội khoa học		1/0/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết 15 tiết
11	HCM100	Tư tưởng HCM		1/0/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 15tiết
12	PHYE05	Y học thể dục thể thao		1/0/0	BM GDTC		lý thuyết: 15tiết
13	MILI02	GDQP (HP2)		2/0/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
14	MILI04	GDQP (HP4)		0/2/0	BM Lý luận chính trị		/ thực hành 28 tiết
15	IMSN01	Điều dưỡng Nội-Ngoại khoa 1		3/0,5/3	Khoa ĐD-HS điều phối, Giải phẫu, Sinh lý, Hóa sinh, SLB-MD, Dược lý		lý thuyết 35 tiết/ thực hành 11 tiết/ lâm sàng 135 tiết
16	IMSN02	Điều dưỡng Nội-Ngoại khoa 2		3/0,5/3	Khoa ĐD-HS điều phối, Giải phẫu, Sinh lý, Hóa sinh, SLB-MD, Dược lý		lý thuyết 35 tiết/ thực hành 8 tiết/ lâm sàng 135 tiết
		Tổng	12/4/2,5	11,5/3,5/6			
1	HVCP00	Lịch sử ĐCSVN	1/0/0		BM Lý luận chính trị	19/4/2027-30/9/2027	lý thuyết 15 tiết
2	NUR001	Điều dưỡng Sản phụ khoa	0,5/0/1		Khoa ĐD, Giải phẫu		lý thuyết 8 tiết/ lâm sàng 45 tiết
3	NURP01	Điều dưỡng trẻ em	0,5/0/1		BM Nhi, Khoa ĐD-HS		lý thuyết 8 tiết/ lâm sàng 45 tiết
4	NURD01	Điều dưỡng Truyền nhiễm (thực hiện 4 TC nếu bậc học trước chưa học)	1/0/1		BM Truyền nhiễm		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 45 tiết
5	NURE02	Điều dưỡng Cấp cứu - Hồi sức tích cực (miễn nếu bậc học trước đã thực hiện 4TC)	1/0/1		Khoa ĐD-HS		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 45 tiết
6	NURG00	Điều dưỡng người cao tuổi	1/0/1		BM Lão khoa		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 45 tiết
7	NURM01	Điều dưỡng Sức khỏe tâm thần (thực hiện 4 TC nếu bậc học trước chưa học)	1/0/1		Khoa ĐD-HS		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 45 tiết
8	RESE00	Nghiên cứu Điều dưỡng	1/1/0		Khoa ĐD-HS		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
		Tổng	19/5/8,5	11,5/3,5/6			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thế Hiền

Email:nguyenthehien@hmu.edu.vn

**KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỞI CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG
HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC KHOÁ 25B (liên thông từ Cao đẳng)**

1 Số lượng sinh viên: 200 Dự kiến
1.1. Số lớp học tập: 2
1.2. Số tổ học tập: 8

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/01/2025 về việc ban hành chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng liên thông từ Cao đẳng, được cập nhật bổ sung theo Quyết định số: 408/QĐ-ĐHYHN ngày 30 tháng 01 năm 2026.

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	PHYL00	Triết học Mác - Lênin	2/0/0		BM Lý luận chính trị	12/10/2026-11/4/2027	lý thuyết: 30tiết
2	POEM00	Kinh tế chính trị Mác Lênin	1/0/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 15tiết
3	LANG03	Ngoại ngữ (chuyên ngành)	2/0/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 30tiết
4	PHYE03	Giáo dục thể chất 3	0/1/0		BM GDTC		thực hành: 30tiết
5	INMS01	Giới thiệu hệ thống Y tế và ngành nghề	2/0/0		Khoa ĐD-HS, Y đức và Tâm lý Y học		lý thuyết: 30tiết
6	HUMH00	Hình thái chức năng cơ thể và cơ sở vật lý của các hoạt động sống	2,5/0/0		BM Y vật lý điều phối, BM SLB-MD, BM Mô phổi		lý thuyết: 36tiết/ thực hành: 2tiết
7	NURF01	Đại cương chăm sóc điều dưỡng 1	1,5/2/0,5		Khoa ĐD-HS		lý thuyết: 20tiết/ thực hành: 60tiết
8	NURF02	Đại cương chăm sóc điều dưỡng 2	1/1/2		Khoa ĐD-HS		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 28tiết
9	INFO04	Tin học cơ bản		0,5/0,5/0	BM Toán tin	12/4/2027-30/9/2027	lý thuyết: 8tiết/ thực hành: 15tiết
10	PMAL00	Chủ nghĩa xã hội khoa học		1/0/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết 15 tiết
11	HCM100	Tư tưởng HCM		1/0/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 15tiết
12	PHYE05	Y học thể dục thể thao		1/0/0	BM GDTC		lý thuyết: 15tiết
13	MILI02	GDQP (HP2)		2/0/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
14	MILI04	GDQP (HP4)		0/2/0	BM Lý luận chính trị		/ thực hành 28 tiết
15	IMSN01	Điều dưỡng Nội-Ngoại khoa 1		3/0,5/3	Khoa ĐD-HS điều phối, Giải phẫu, Sinh lý, Hóa sinh, SLB-MD, Dược lý		lý thuyết 35 tiết/ thực hành 11 tiết/ lâm sàng 135 tiết
16	IMSN02	Điều dưỡng Nội-Ngoại khoa 2		3/0,5/3	Khoa ĐD-HS điều phối, Giải phẫu, Sinh lý, Hóa sinh, SLB-MD, Dược lý		lý thuyết 35 tiết/ thực hành 8 tiết/ lâm sàng 135 tiết
		Tổng	12/4	11,5/9,5			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng OLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối:

Email:

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỎI CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG
HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC KHOÁ 26A (liên thông từ Cao đẳng)

- 1 **Số lượng sinh viên:** 200 Dự kiến
1.1. Số lớp học tập: 2
1.2. Số tổ học tập: 8

2 **Môn học, giờ học (có bản kèm theo)**

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số: 258/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/01/2025 về việc ban hành chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng liên thông từ CĐ

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	PHYL00	Triết học Mác - Lênin		2/0/0	BM Lý luận chính trị	10/5-30/9/2027	lý thuyết: 30tiết
2	POEM00	Kinh tế chính trị Mác Lênin		1/0/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 15tiết
3	LANG03	Ngoại ngữ (chuyên ngành)		2/0/0	BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 30tiết
4	PHYE03	Giáo dục thể chất 3		/1/0	BM GDTC		thực hành: 30tiết
5	INMS01	Giới thiệu hệ thống Y tế và ngành nghề		2/0/0	Khoa ĐD-HS, Y đức và Tâm lý Y học		lý thuyết: 30tiết
6	HUMH00	Hình thái chức năng cơ thể và cơ sở vật lý của các hoạt động sống		2,5/0/0	BM Y vật lý điều phối, BM SLB-MD, BM Mô phối		lý thuyết: 36tiết/ thực hành: 2tiết
7	NURF01	Đại cương chăm sóc điều dưỡng 1		1,5/2/0,5	Khoa ĐD-HS		lý thuyết: 20tiết/ thực hành: 60tiết
8	NURF02	Đại cương chăm sóc điều dưỡng 2		1/1/2	Khoa ĐD-HS		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 28tiết
		Tổng	0/0	12/6,5			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng OLDTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối:

Email:

**KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỎI CỬ NHÂN XÉT NGHIỆM Y HỌC
HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC KHOÁ 5B (liên thông từ Cao đẳng)**

- 1 Số lượng sinh viên:** 54
 1.1. Số lớp học tập: 1
 1.2. Số tổ học tập: 2

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số: 2924/QĐ-ĐHYHN, ngày 16/7/2021 về việc ban hành tiến trình đào tạo và KCTĐT Cử nhân KT XNYH liên thông từ trình độ Cao đẳng

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	HCM1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh		1/0	BM Lý luận chính trị	Từ 1/5/2026-11/2026	lý thuyết 15 tiết
2	HVCP001	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam		1/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết 15 tiết
3	INFC003	Kiểm soát nhiễm khuẩn BV		1/1	Khoa Kỹ thuật y học		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
4	INTC005	Thực tế tốt nghiệp		0/3/	Khoa Kỹ thuật y học		/ thực hành 90 tiết
5		Tốt nghiệp lâm sàng/ tay nghề		0/3/	Khoa Kỹ thuật y học		/ thực hành 90 tiết
6		Bảo vệ tiểu luận tốt nghiệp		6/0	Phòng QLĐTĐH và các Khoa/BM liên quan		lý thuyết 90 tiết
		Tổng	0/0	9/7			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Đặng Thị Bích Ngọc

email: bichngocdang@hmu.edu.vn

**KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI CỬ NHÂN XÉT NGHIỆM Y HỌC
HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC KHOÁ 6A (liên thông từ Cao đẳng)**

- 1 Số lượng sinh viên:** 103
 1.1. Số lớp học tập: 1
 1.2. Số tổ học tập: 4

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình: Theo QĐ số 259/QĐ-ĐHYHN ngày 24/01/2025 ban hành chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học liên thông từ cao đẳng

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	HVCP00	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	1/0		BM Lý luận chính trị	Từ 4/5/2026 đến 15/11/2026	lý thuyết 15 tiết
2	HCMI00	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết 15 tiết
3	PHYE05	Y học thể dục thể thao	1/0		BM Giáo dục thể chất		lý thuyết 15 tiết
4	RESE00	Nghiên cứu khoa học (trong XNYH)	1/0		Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết
5	TRAN00	Huyết học truyền máu	2/2		Khoa KTYH.		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 60 tiết
6	QUAL02	Tổ chức và quản lý phòng xét nghiệm	2/2		Khoa KTYH		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 60 tiết
7	IMMC00	Miễn dịch lâm sàng	1/1		Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
8	INFC00	Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện	1/1		Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
9	BIOM02	Y sinh học phân tử nâng cao	1/2		Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 60 tiết
10	PRAM00	Thực tập XN Vi sinh-ký sinh trùng	2/2		Khoa KTYH		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 60 tiết
11	PRAB00	Thực tập XN Hóa sinh		0/2	Khoa KTYH.	Từ 30/11/2026 đến 5/2027	/ thực hành 60 tiết
12	MICF00	Tự chọn 1: XN Vi ký sinh trong vệ sinh an toàn thực phẩm		1/1	Khoa KTYH.		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
	ENVI00	Tự chọn 2: Khoa học môi trường - SKMT		0,75/0,25	BM Sức khỏe môi trường		lý thuyết 10 tiết/ thực hành 8 tiết
	OCCU00	Tự chọn 2: Sức khỏe nghề nghiệp		0,5/0,5	BM Sức khỏe nghề nghiệp		lý thuyết 8 tiết/ thực hành 15 tiết
13	PRAH03	Thực tập XN Huyết học		0/2	Khoa KTYH		/ thực hành 60 tiết
14	PATP00	Thực tập XN Giải phẫu bệnh		0/2	Khoa KTYH		/ thực hành 60 tiết
15	INTC00	Thực tế tốt nghiệp (Lâm sàng)		0/3	Khoa KTYH.		/ thực hành 90 tiết
16	GRAT00	Tiểu luận tốt nghiệp		5/0	Khoa KTYH		lý thuyết 75 tiết
		Tổng	13/10	7,25/10,75			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.
 Giáo vụ khối: Nguyễn Kim Ngân
 email: kimngan@hmu.edu.vn

Nam

**KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI CỬ NHÂN XÉT NGHIỆM Y HỌC
HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC KHOA 6B (liên thông từ Cao đẳng)**

- 1 Số lượng sinh viên: 62
 1.1. Số lớp học tập: 1
 1.2. Số tổ học tập: 3
 2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

- 3 Khung chương trình: Theo QĐ số 259/QĐ-ĐHYHN ngày 24/01/2025 ban hành chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học liên thông từ cao đẳng

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	HVCP00	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	1/0		BM Lý luận chính trị	Từ 26/10/2026 đến 25/4/2027	lý thuyết 15 tiết
2	HCMI00	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết 15 tiết
3	PHYE05	Y học thể dục thể thao	1/0		BM Giáo dục thể chất		lý thuyết 15 tiết
4	RESE00	Nghiên cứu khoa học (trong XNYH)	1/0		Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết
5	TRAN00	Huyết học truyền máu	2/2		Khoa KTYH.		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 60 tiết
6	QUAL02	Tổ chức và quản lý phòng xét nghiệm	2/2		Khoa KTYH		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 60 tiết
7	IMMC00	Miễn dịch lâm sàng	1/1		Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
8	INFC00	Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện	1/1		Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
9	BIOM02	Y sinh học phân tử nâng cao	1/2		Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 60 tiết
10	PRAM00	Thực tập XN Vi sinh-ký sinh trùng	2/2		Khoa KTYH		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 60 tiết
11	PRAB00	Thực tập XN Hóa sinh		0/2	Khoa KTYH.	Từ 26/4/2027 đến 11/2027	/ thực hành 60 tiết
12	MICF00	Tự chọn: XN Vi ký sinh trong vệ sinh an		1/1	Khoa KTYH.		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
13	PRAH03	Thực tập XN Huyết học		0/2	Khoa KTYH		/ thực hành 60 tiết
14	PATP00	Thực tập XN Giải phẫu bệnh		0/2	Khoa KTYH		/ thực hành 60 tiết
15	INTC00	Thực tế tốt nghiệp (LS)		0/3	Khoa KTYH.		/ thực hành 90 tiết
16	GRAT00	Tiểu luận tốt nghiệp		5/0	Khoa KTYH		lý thuyết 75 tiết
		Tổng	13/10	6/10			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.
 Giáo vụ khối: Nguyễn Thị Thùy Linh
 Email: Linhthuy@hmu.edu.vn

**KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI CỬ NHÂN XÉT NGHIỆM Y HỌC
HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC KHOÁ 7A (liên thông từ Cao đẳng)**

- 1 Số lượng sinh viên:** 103
 1.1. Số lớp học tập: 1
 1.2. Số tổ học tập: 4
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số 259/QĐ-ĐHYHN ngày 24/01/2025 ban hành chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học liên thông từ cao đẳng

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	PHYL00	Triết học - Mác Lênin	1/0		BM Lý luận chính trị	Từ 05/2025 đến 9/2026	lý thuyết 15 tiết
2	INFO04	Tin học cơ bản	1/0		BM Toán tin		lý thuyết 15 tiết
3	LANG03	Ngoại ngữ (chuyên ngữ)	2/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết 30 tiết
4	PHYE03	Giáo dục thể chất III	0/2		BM Giáo dục thể chất		/ thực hành 60 tiết
5	SAFL00	An toàn phòng XN	1/0		Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết
6	GENB03	Sinh học và di truyền	1/1		Sinh học Di truyền		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
7	MICR02	Vi sinh II	2/2		Khoa KTYH		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 60 tiết
8	PANA02	Giải phẫu bệnh II	2/2		Khoa KTYH		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 60 tiết
9	BIOC02	Hoá sinh II	1/2		Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 60 tiết
10	BIOM01	Y sinh học phân tử cơ bản	1/2		Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 60 tiết
11	PMAL00	Chủ nghĩa xã hội khoa học		1/0	BM Lý luận chính trị	Từ 9/2026 đến 04/2027	lý thuyết 15 tiết
12	POEM00	Kinh tế chính trị Mác-Lênin		1/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết 15 tiết
13	MILI02	Giáo dục quốc phòng II		1/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết 15 tiết
14	MILI04	Giáo dục quốc phòng IV		1/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết 15 tiết
15	STAP00	Xác suất thống kê		2/2	BM Toán tin		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 60 tiết
16	PARA02	Ký sinh trùng II		1/1	Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
17	BIOC03	Hoá sinh III		1/1	Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
18	MICR03	Vi sinh III		1/2	Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 60 tiết
19	PANA03	Giải phẫu bệnh III		0/2	Khoa KTYH		/ thực hành 60 tiết
20	CYHE00	Huyết học tế bào		2/2	Khoa KTYH		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 60 tiết
		Tổng	12/11	11/10			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng OLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Đặng Thị Bích Ngọc
 email: bichngocdang@hmu.edu.vn

**KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỞI CỬ NHÂN XÉT NGHIỆM Y HỌC
HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC KHOÁ 7B (liên thông từ Cao đẳng)**

- 1 Số lượng sinh viên:** **100** (dự kiến)
 1.1. Số lớp học tập: **1**
 1.2. Số tổ học tập: **4**

- 2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)**

- 3 Khung chương trình:** Theo QĐ số 259/QĐ-ĐHYHN ngày 24/01/2025 ban hành chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học liên thông từ cao đẳng

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	PHYL00	Triết học - Mác Lênin	2/0		BM Lý luận chính trị	Từ 11/2026 đến 3/2027	lý thuyết 30 tiết
2	INFO04	Tin học cơ bản	0,5/0,5		BM Toán tin		lý thuyết 8 tiết/ thực hành 15 tiết
3	LANG03	Ngoại ngữ (chuyên ng	2/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết 30 tiết
4	PHYE03	Giáo dục thể chất III	0/1		BM Giáo dục thể chất		/ thực hành 20 tiết
5	SAFL00	An toàn phòng XN	1/1		Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 20 tiết
6	GENB03	Sinh học và di truyền	1/0,5		Sinh học Di truyền		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 15 tiết
7	MICR02	Vi sinh II	1/1		Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
8	PANA02	Giải phẫu bệnh II	1/1		Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
9	BIOC02	Hoá sinh II	1/1		Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
10	BIOM01	Y sinh học phân tử cơ	1/3		Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 90 tiết
1	PMAL00	Chủ nghĩa xã hội khoa học		1/0	BM Lý luận chính trị	Từ 04/2027 đến 9/2027	lý thuyết 15 tiết
2	POEM00	Kinh tế chính trị Mác-Lênin		1/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết 15 tiết
3	MILI02	Giáo dục quốc phòng II		2/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết 30 tiết
4	MILI04	Giáo dục quốc phòng IV		0/2	BM Lý luận chính trị		/ thực hành 60 tiết
5	STAP00	Xác suất thống kê		1/0	BM Toán tin		lý thuyết 15 tiết
6	PARA02	Ký sinh trùng II		1/1	Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
7	BIOC03	Hoá sinh III		2/2	Khoa KTYH		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 60 tiết
8	MICR03	Vi sinh III		2/2	Khoa KTYH		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 60 tiết
9	PANA03	Giải phẫu bệnh III		1/2	Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 60 tiết
10	CYHE00	Huyết học tế bào		1/2	Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 60 tiết
		Tổng	10,5/9	12/11			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng OLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.
Giáo vụ khối:

**KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỎI CỬ NHÂN XÉT NGHIỆM Y HỌC
HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC KHOÁ 8A (liên thông từ Cao đẳng)**

- 1 Số lượng sinh viên:** **100** (dự kiến)
 1.1. Số lớp học tập: **1**
 1.2. Số tổ học tập: **4**
- 2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)**
- 3 Khung chương trình:** Theo QĐ số 259/QĐ-ĐHYHN ngày 24/01/2025 ban hành chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học liên thông từ cao đẳng

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	PHYL00	Triết học - Mác Lênin		2/0	BM Lý luận chính trị	Từ 5/2027 đến 9/2027	lý thuyết 30 tiết
2	INFO04	Tin học cơ bản		0,5/0,5	BM Toán tin		lý thuyết 8 tiết/ thực hành 15 tiết
3	LANG03	Ngoại ngữ (chuyên ng		2/0	BM Ngoại ngữ		lý thuyết 30 tiết
4	PHYE03	Giáo dục thể chất III		0/1	BM Giáo dục thể chất		/ thực hành 20 tiết
5	SAFL00	An toàn phòng XN		1/1	Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 20 tiết
6	GENB03	Sinh học và di truyền		1/0,5	Sinh học Di truyền		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 15 tiết
7	MICR02	Vì sinh II		1/1	Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
8	PANA02	Giải phẫu bệnh II		1/1	Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
9	BIOC02	Hoá sinh II		1/1	Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
10	BIOM01	Y sinh học phân tử cơ		1/3	Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 90 tiết
		Tổng	0/0	10,5/9			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.
 Giáo vụ khối:

- 1 Số lượng SV dự kiến: 100
1.1. Số lớp học tập: 1
1.2. Số tổ học tập: 4

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số 6910/QĐ-ĐHYHN ngày 30/12/2022 về việc ban hành chương trình đào tạo ngành Y học dự phòng

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học (dự kiến)	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	MILI00	Giáo dục quốc phòng 1,2,3,4	6/2,5		BM Lý luận chính trị	10/8/2026 đến 10/1/2027	lý thuyết: 88 tiết/ thực hành: 56 tiết
2	PHYL00	Triết học	3/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 75 tiết
3	ANAT01	Giải phẫu 1	2/1		BM Giải phẫu		lý thuyết: 36 tiết/ thực hành: 33 tiết
4	LANG01	Ngoại ngữ 1	3/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45 tiết
5	CHEM00	Hóa học	2,5/0,5		BM Hóa học		lý thuyết: 38 tiết/ thực hành: 16 tiết
6	POEM00	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 75 tiết
7	BIOP00	Lý sinh	2/1		BM Y vật lý		lý thuyết: 32 tiết/ thực hành: 32 tiết
8	POPU00	Dân số 1		1/0	BM KTYT-Dân số	11/1/2027 đến 27/6/2027	lý thuyết: 15 tiết
9	GENB01	Sinh học		1,5/0,5	BM Y sinh học di truyền		lý thuyết: 22 tiết/ thực hành: 16 tiết
10	INFO01	Tin học đại cương		0,5/0,5	BM Phương pháp nghiên cứu và thống kê y sinh		lý thuyết: 8 tiết/ thực hành: 20 tiết
11	LANG02	Ngoại ngữ 2		3/0	BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45 tiết
12	ANAT02	Giải phẫu 2		2/1	BM Giải phẫu		lý thuyết: 36 tiết/ thực hành: 33 tiết
13	PHYE04	Giáo dục thể chất 1,2		0/2	BM Giáo dục thể chất		thực hành: 60 tiết
		Tổng	20,5/5	8/4			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.
Giáo vụ khối: Đàm Thị Ngọc Anh
email: damngocanh@hmu.edu.vn

Đ. Ngọc Anh

- 1 Số lượng sinh viên: 83
1.1. Số lớp học tập: 1
1.2. Số tổ học tập: 4 (Tổ 48-51)

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số 6910/QĐ-ĐHYHN ngày 30/12/2022 về việc ban hành chương trình đào tạo ngành Y học dự phòng

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	LANG03	Ngoại ngữ 3	2/0		BM Ngoại ngữ	10/8/2026 đến 10/1/2027	lý thuyết: 30 tiết
2	MICR00	Vi sinh	2/1		BM Vi sinh		lý thuyết: 32 tiết/ thực hành: 28 tiết
3	BIOC00	Hóa sinh	2/1		BM Hóa sinh		lý thuyết: 28 tiết/ thực hành: 30 tiết
4	HIEM00	Mô phôi	2/1		BM Mô phôi		lý thuyết: 36 tiết/ thực hành: 31 tiết
5	NURB00	Điều dưỡng cơ bản	1/1		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết: 15 tiết/ thực hành: 41 tiết
6	IMMU00	Miễn dịch	1,5/0,5		BM Sinh lý bệnh- Miễn dịch		lý thuyết: 24 tiết/ thực hành: 12 tiết
7	PHYS01	Sinh lý 1	1,5/0,5		BM Sinh lý học		lý thuyết: 20 tiết/ thực hành: 8 tiết
8	NUTR00	Dinh dưỡng &ATTP	1,5/0,5		BM Dinh dưỡng & ATTP		lý thuyết: 30 tiết/ thực hành: 60 tiết
9	PMAL00	Chủ nghĩa khoa học xã hội	2/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30 tiết
10	HCMI00	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2/0	BM Lý luận chính trị	11/1/2027 đến 27/6/2027	lý thuyết: 30 tiết
11	PSYE00	Tâm lý -Đạo đức Y học		1,5/0,5	BM Y đức và Tâm lý học		lý thuyết: 34 tiết
12	LAWS00	Pháp luật đại cương		2/0	BM Y đức và Tâm lý học		lý thuyết: 30 tiết
13	PHYS02	Sinh lý 2		1,5/0,5	BM Sinh lý học		lý thuyết: 22 tiết/ thực hành: 8 tiết
14	SURP00	Phẫu thuật thực nghiệm		1,5/0,5	BM Phẫu thuật thực nghiệm		lý thuyết: 22 tiết/ thực hành: 15 tiết
15	PARA00	Ký sinh trùng		2/1	BM Ký sinh trùng		lý thuyết: 29 tiết/ thực hành: 30 tiết
16	PHYE03	Giáo dục thể chất 3		0/1	BM Giáo dục thể chất		thực hành: 30 tiết
17	SKIL00	Kỹ năng giao tiếp		1/1	BM Giáo dục sức khỏe		lý thuyết: 21 tiết/ thực hành: 24 tiết
18	STAP00	Xác suất thống kê		1/1	BM Phương pháp nghiên cứu và thống kê y sinh		lý thuyết: 15 tiết/ thực hành: 30 tiết
		Tổng	15,5/5,5	12,5/5,5			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.
Giáo vụ khối: Đàm Thị Ngọc Anh
email: damngocanh@hmu.edu.vn

Handwritten signature

- 1 Số lượng sinh viên: 97
1.1. Số lớp học tập: 1
1.2. Số tổ học tập: 4 (Tổ 45-48)
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

Theo QĐ số 6910/QĐ-ĐHYHN ngày 30/12/2022 về việc ban hành chương trình đào tạo ngành Y học dự phòng

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	HVCP00	Lịch sử Đảng CSVN	2/0		BM Lý luận chính trị	10/8/2026 đến 10/1/2027	lý thuyết: 45 tiết
2	PHYE05	Y học TDTT	1/0		BM Giáo dục thể chất		lý thuyết: 15 tiết
3	HEDU01	GDSK&NCSK1	1/1		BM Giáo dục&NC sức khỏe		lý thuyết: 15 tiết/ thực hành: 30 tiết
4	ECOH00	Kinh tế Y tế	2/0		BM KTYT-Dân số		lý thuyết: 30 tiết
5	PANA00	Giải phẫu bệnh	2/1		BM Giải phẫu bệnh		lý thuyết: 30 tiết/ thực hành: 30 tiết
6	PATH00	Sinh lý bệnh	1,5/0,5		BM Sinh lý bệnh-Miễn dịch		lý thuyết: 24 tiết/ thực hành: 20 tiết
7	PREC00	Tiền lâm sàng	0/4		BM GDYH & KNTLS		thực hành: 120 tiết
8	ORGM00	Tổ chức và QL.Y tế	2/2		BM Tổ chức & Quản lý y tế		lý thuyết: 30 tiết/ thực hành: 60 tiết
9	ENVI01	KHMT-SKMT 1		1,5/0,5	BM Sức khỏe môi trường	11/1/2027 đến 30/8/2027	lý thuyết: 23 tiết/ thực hành: 15 tiết
10	GENB02	Di truyền		1,5/0,5	BM Y sinh học di truyền		lý thuyết: 24 tiết/ thực hành: 20 tiết
11	PHAR01	Dược lý		3/1	BM Dược lý		lý thuyết: 45 tiết/ thực hành: 30 tiết
12	INTE01	Nội cơ sở		3/2	BM Y học gia đình		lý thuyết: 45 tiết/ lâm sàng: 4 tuần
13	SURG01	Ngoại cơ sở		3/2	BM Ngoại		lý thuyết: 45 tiết/ lâm sàng: 4 tuần
14	COMM01	Thực tế cộng đồng 1		0/1	Viện ĐT YHDP&YTCC		Cộng đồng: 2 tuần
		Tổng	11,5/8,5	12/7			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.
Giáo vụ khối: Đàm Thị Ngọc Anh
email: damngocanh@hmu.edu.vn

Đàm Thị Ngọc Anh

- 1 Số lượng sinh viên: 96
1.1. Số lớp học tập: 1
1.2. Số tổ học tập: 4 (Tổ 25-28)
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	RADI00	Chẩn đoán hình ảnh	2/1		BM Chẩn đoán hình ảnh	10/8/2026 đến 10/1/2027	lý thuyết: 40 tiết/ thực hành: 40 tiết
2	INTE03	Nội bệnh lý	4/2		BM Y học gia đình		lý thuyết: 60 tiết/ lâm sàng: 8tuần
3	SURG03	Ngoại bệnh lý	2/2		BM Ngoại		lý thuyết: 31 tiết/ lâm sàng: 6tuần
4	POPU00	Dân số 2	2/1		BM KTYT-Dân số		lý thuyết: 16 tiết/ thực hành: 28 tiết
5	PEDI00	Nhi	2/1		BM Nhi		lý thuyết: 30 tiết/ lâm sàng: 4tuần
6	OBGY00	Sản	2/1		BM Phụ sản		Cộng đồng: 4 tuần
10	ANSO00	Nhân học và xã hội học	1/1		BM Phương pháp nghiên cứu và thống kê y sinh		lý thuyết: 18 tiết/ thực hành: 24 tiết
7	GLOH00 HIVA00 ETHI01	Tự chọn 1: - Sức khỏe toàn cầu - HIV/AIDS - Đạo đức trong thực hành YHDP & YTCC		1/1	PPNC&TKYS Dịch tễ Y đức – xã hội học	11/1/2027 đến 27/6/2027	lý thuyết: 15 tiết/ thực hành: 30 tiết
8	EPID01	Dịch tễ học cơ bản		1/1	BM Dịch tễ		lý thuyết: 85 tiết/ thực hành: 30 tiết
9	HERE00	Sức khỏe sinh sản		2/0	BM KTYT-Dân số		lý thuyết: 30tiết
11	STAB00	Thống kê y sinh học		3/2	BM Phương pháp nghiên cứu và thống kê y sinh		lý thuyết: 45 tiết/ thực hành: 30 tiết
12	OCCU01	Sức khỏe nghề nghiệp 1		1,5/0,5	BM Sức khỏe nghề nghiệp		lý thuyết: 22 tiết/ thực hành: 8 tiết
13	RESE00	NCKH		3/1	BM Phương pháp nghiên cứu và thống kê y sinh		lý thuyết: 45 tiết/ thực hành: 30 tiết
		Tổng	15/9	11,5/5,5			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.
Giáo vụ khối: Đàm Thị Ngọc Anh
email: damngocanh@hmu.edu.vn

Đàm Thị Ngọc Anh

- 1 Số lượng sinh viên: 84
1.1. Số lớp học tập: 1
1.2. Số tổ học tập: 4 (23-26)
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
1	FAMI00	Y học gia đình	3/1		BM Y học gia đình	10/8/2026 đến 10/1/2027	lý thuyết: 45 tiết/ thực hành: 90 tiết
2	NEUR00	Thần kinh	1/3		BM Thần kinh		lý thuyết: 15 tiết/ lâm sàng: 3tuần
3	MENT00	Tâm thần	1/2		BM Tâm thần		lý thuyết: 15 tiết/ lâm sàng: 3tuần
4	TRAM00	Y học cổ truyền	1/3		Khoa Y học cổ truyền		lý thuyết: 15 tiết/ lâm sàng: 3tuần
5	REPH00	Phục hồi chức năng	1/1		BM Phục hồi chức năng		lý thuyết: 15 tiết/ lâm sàng: 2tuần
6	TUBL00	Lao	1/3		BM Lao & Bệnh phổi		lý thuyết: 15 tiết/ lâm sàng: 3tuần
7	INFD00	Truyền nhiễm	2/3		BM Truyền nhiễm		lý thuyết: 15 tiết/ lâm sàng: 3tuần
8	DENT00	Răng hàm mặt		0,5/1,5	Viện ĐT Răng Hàm Mặt	11/1/2027 đến 27/6/2027	lý thuyết: 8 tiết/ lâm sàng: 2tuần
9	ORLA00	Tai mũi họng		0,5/1,5	BM Tai Mũi Họng		lý thuyết: 8 tiết/ lâm sàng: 2tuần
10	EYE00	Mắt		0,5/1,5	BM Mắt		lý thuyết: 8 tiết/ lâm sàng: 2tuần
11	DERM00	Da liễu		0,5/1,5	BM Da liễu		lý thuyết: 8 tiết/ lâm sàng: 2tuần
12	ONCO00	Ung thư		0,5/1,5	BM Ung thư		lý thuyết: 8 tiết/ lâm sàng: 2tuần
13	ALLE00	Dị ứng -MD lâm sàng		0,5/1,5	BM Dị ứng và miễn dịch lâm sàng		lý thuyết: 8 tiết/ lâm sàng: 2tuần
14	EPID02	Dịch tễ 2		4/3	BM Dịch tễ		lý thuyết: 60 tiết/ thực hành: 135 tiết
15	HEDU02	Giáo dục sức khỏe 2		2/1	BM Giáo dục &NC sức khỏe		lý thuyết: 30 tiết/ thực hành: 45 tiết
		Tổng	10/16	9/13			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.
Giáo vụ khối: Đàm Thị Ngọc Anh
email: damngocanh@hmu.edu.vn

Đàm Thị Ngọc Anh

- 1 Số lượng sinh viên: 60
1.1. Số lớp học tập: 1
1.2. Số tổ học tập: 4 (23-26)
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	COMM02	Thực tế cộng đồng 2	0/7		Viện ĐT YHDP&YTCC	10/8/2026 đến 10/1/2027	Cộng đồng: 8 tuần
2	NUTR02	Dinh Dưỡng và ATTP2	2/2		Viện ĐT YHDP&YTCC		lý thuyết: 32 tiết/ thực hành: 28 tiết
3	OCCU02	Sức khoẻ nghề nghiệp 2	2/2		Viện ĐT YHDP&YTCC		lý thuyết: 60 tiết/ thực hành: 32 tiết
4	ENVI03	KHMT&SKMT 2 ,3	2,5/1,5		Viện ĐT YHDP&YTCC		lý thuyết: 60 tiết/ thực hành: 15 tiết
5	ONEH00R	Tự chọn 2: One health/ Nghiên cứu định tính/ Đo lường sức khỏe	1/1		Viện ĐT YHDP&YTCC		lý thuyết: 44 tiết/ thực hành: 60 tiết
6	PESD00	Phát triển bản thân và tính chuyên nghiệp	2/2		TT PTCTĐT&TVNL Y tế XD chương trình chi tiết và điều phối		lý thuyết: 30 tiết/ thực hành: 60 tiết
7	INFD02	Truyền nhiễm 2		1/1	Viện ĐT YHDP&YTCC	11/1/2027 đến 27/6/2027	lý thuyết: 45 tiết/ thực hành: 60 tiết
8	INFC00 PROJ00 SCHO00	Tự chọn 3: Kiểm soát NKBV/Phát triển dự án/ Sức khỏe trường học		1/1	Viện ĐT YHDP&YTCC		lý thuyết: 30 tiết/ thực hành: 30 tiết
9	INTC00	Thực tế tốt nghiệp		0/5	Các BM liên quan		Cộng đồng: 4 tuần
10	THEC00	Chuyên đề lâm sàng/Thực hành nghiên cứu tự chọn		0/6	Các BM liên quan		
		Tổng	9,5/15,5	2/13			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.
Giáo vụ khối: Đàm Thị Ngọc Anh
email: damngocanh@hmu.edu.vn

Đàm Thị Ngọc Anh

1 Số lượng SV dự kiến: 50

1.1. Số lớp học tập: 1

1.2. Số tổ học tập: 2

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số 6911/QĐ-ĐHYHN ngày 30/12/2022 về việc ban hành chương trình đào tạo ngành Y tế công cộng

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học (dự kiến)	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	MALE00	Triết học	3/0		BM Lý luận chính trị	Từ 10/8/2026 đến 10/01/2027	lý thuyết: 45 tiết
2	BIOP00	Lý sinh y học	1,5/0,5		BM Y vật lý		lý thuyết: 24 tiết/ thực hành: 16 tiết
3	LANG01	Ngoại ngữ 1	3/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45 tiết
4	ANAT00	Giải phẫu	2/1		BM Giải phẫu		lý thuyết: 32 tiết/ thực hành: 33 tiết
5	GENB03	Sinh học – Di truyền	2,5/0,5		BM Y sinh học di truyền		lý thuyết: 36 tiết/ thực hành: 16 tiết
6	POEM00	Kinh tế chính trị		2/0	BM Lý luận chính trị	Từ 11/01/2027 đến 27/6/2027	lý thuyết: 30 tiết
7	POPU00	Dân số 1		1/0	BM Dân số		lý thuyết: 15 tiết
8	PHYS00	Sinh lý học		2/1	BM Sinh lý học		lý thuyết: 40 tiết/ thực hành: 20 tiết
9	INFO00	Tin học		1/1	BM Phương pháp nghiên cứu và thống kê y sinh		lý thuyết: 24 tiết/ thực hành: 32 tiết
10	LANG02	Ngoại ngữ 2		2/0	BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 30 tiết
11	CHEM00	Hóa học		1,5/0,5	BM Hóa học		lý thuyết: 23 tiết/ thực hành: 16 tiết
12	PHYE01 PHYE02	Giáo dục thể chất 1,2		0/2	BM Giáo dục thể chất		thực hành: 60 tiết
13	MILI00	Giáo dục quốc phòng 1,2,3,4		5/3,5	BM Giáo dục quốc phòng		lý thuyết: 88 tiết/ thực hành: 56 tiết
		Tổng	12/2	14,5/8			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Trần Tuyết Trinh, SĐT: 0904 177746

email: trantuyettrinh@hmu.edu.vn

- 1 Số lượng sinh viên: 76
1.1. Số lớp học tập: 1 (Y2YTCC)
1.2. Số tổ học tập: 4 (tổ 60+61+62+63)

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số 6911/QĐ-ĐHYHN ngày 30/12/2022 về việc ban hành chương trình đào tạo ngành Y tế công cộng

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	PHYE03	Giáo dục thể chất 3	0/1		BM Giáo dục thể chất	Từ 10/8/2026 đến 10/01/2027	thực hành: 45 tiết
2	PSYE00	Tâm lý -Đạo đức Y học	1,5/0,5		BM Y đức và Tâm lý học		lý thuyết: 26 tiết/ thực hành: 12 tiết
3	OCCU01	Sức khỏe Nghề nghiệp1	1,5/0,5		BM Sức khỏe nghề nghiệp		lý thuyết: 22 tiết/ thực hành: 8 tiết
4	LANG03	Ngoại ngữ 3	2/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 30 tiết
5	PARA00	Ký sinh trùng	1/1		BM Ký sinh trùng		lý thuyết: 15 tiết/ thực hành: 30 tiết
6	ENVI0q	KHMT&SKMT1	1,5/0,5		BM Sức khỏe môi trường		lý thuyết: 28 tiết/ thực hành: 12 tiết
7	BIOC00	Hóa sinh	1/1		BM Hóa sinh		lý thuyết: 15 tiết/ thực hành: 30 tiết
8	HEDU01	Giáo dục sức khỏe & NCSK1	1/1		BM Giáo dục sức khỏe		lý thuyết: 15 tiết/ thực hành: 30 tiết
9	HERE00	Sức khỏe sinh sản	2/0		BM Dân số		lý thuyết: 30 tiết
10	PMAL00	CNXHKH		2/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30 tiết
11	NUTR01	DD&ATTP1		1,5/0,5	BM Dinh dưỡng & ATTP		lý thuyết: 36 tiết/ thực hành: 20 tiết
12	MICR00	Vi sinh		1/1	BM Vi sinh	Từ 11/01/2027 đến 27/6/2027	lý thuyết: 18 tiết/ thực hành: 24 tiết
13	HCMI00	TT.Hồ Chí Minh		2/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30 tiết
14	ORGA00	Tổ chức Y tế		2/1	BM Tổ chức & Quản lý y tế		lý thuyết: 30 tiết/ thực hành: 34 tiết
15	PATI00	Sinh lý bệnh - MD		1,5/0,5	BM Sinh lý bệnh-Miễn dịch		lý thuyết: 22 tiết/ thực hành: 16 tiết
16	PHAR01	Dược lý		2/0	BM Dược lý		lý thuyết: 30 tiết
17	MANH00	Quản lý Y tế		2/2	BM Tổ chức & Quản lý y tế		lý thuyết: 30 tiết/ thực hành: 60 tiết
18	COMM01	Thực tế cộng đồng 1		0/1	Viện ĐT YHDP&YTCC	Từ 3/8/2027 đến 17/8/2027	Cộng đồng: 2 tuần
		Tổng	11,5/5,5	14/5			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Trần Tuyết Trinh, SĐT: 0904 177746
email: trantuyettrinh@hmu.edu.vn

Handwritten signature and name: Hanan

- 1 Số lượng sinh viên: 66
1.1. Số lớp học tập: 1 (Y3YTCC)
1.2. Số tổ học tập: 3 (tổ 53+54+55)

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số 6911/QĐ-ĐHYHN ngày 30/12/2022 về việc ban hành chương trình đào tạo ngành Y tế công cộng

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	PHYE05	Y học thể dục thể thao	1/0		BM Giáo dục thể chất	Từ 10/8/2026 đến 10/01/2027	lý thuyết: 15 tiết
2	REVO00	Lịch sử Đảng CSVN	2/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 45 tiết
3	STAB00	Thống kê Y sinh học	3/2		BM Phương pháp nghiên cứu và thống kê y sinh		lý thuyết: 45 tiết/ thực hành: 60 tiết
4	DISC00	Các bệnh thông thường	2/1		BM Y học gia đình		lý thuyết: 30 tiết/ lâm sàng: 2 tuần
5	AIDF00	Sơ cấp cứu	2/2		BM Y học gia đình		lý thuyết: 30 tiết/ lâm sàng: 4 tuần
6	POPU02	Dân số học II	2/1		BM Dân số		lý thuyết: 30 tiết/ thực hành: 30 tiết
7	GLOH00	Sức khỏe toàn cầu		2/1	BM Sức khỏe toàn cầu	Từ 11/01/2027 đến 27/6/2027	lý thuyết: 30 tiết/ thực hành: 30 tiết
8	ANSO00	Nhân học và xã hội học Y tế		2/0	BM Sức khỏe toàn cầu		lý thuyết: 30 tiết
9	REPH01	PHCN dựa vào cộng đồng		1/1	BM Phục hồi chức năng		lý thuyết: 15 tiết/ lâm sàng: 2 tuần
10	EPID00	Dịch tễ học		1/1	BM Dịch tễ		lý thuyết: 15 tiết/ thực hành: 30 tiết
11	RESE01	NC khoa học I		1/1	BM Phương pháp nghiên cứu và thống kê y sinh		lý thuyết: 15 tiết/ thực hành: 30 tiết
12	RESE02	NC khoa học II		1/1	BM Phương pháp nghiên cứu và thống kê y sinh		lý thuyết: 15 tiết/ thực hành: 30 tiết
13	ECOH01	Kinh tế Y tế I		2/0	BM Kinh tế Y tế		lý thuyết: 30 tiết
14	ECOH02	Kinh tế Y tế II		1/1	BM Kinh tế Y tế		lý thuyết: 15 tiết/ thực hành: 30 tiết
15	HEDU02	GDSK&NCSKII		2/1	BM Giáo dục sức khỏe		lý thuyết: 30 tiết/ thực hành: 30 tiết
		Tổng	12/6	13/7			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Trần Tuyết Trinh, SĐT: 0904 177746
email: trantuyettrinh@hmu.edu.vn

Handwritten signature and name: Tran Tuyet Trinh

- 1 Số lượng sinh viên: 42
1.1. Số lớp học tập: 1
1.2. Số tổ học tập: 2 (tổ 49+50)
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

Theo QĐ số: 3024/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/8/2016 về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành ĐTDH

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	LAWS00	Nhà nước và pháp luật	2/0		BM Y đức và Tâm lý học	Từ 10/8/2026 đến 10/01/2027	lý thuyết: 30 tiết
2	CATA00	Phòng chống thảm họa	2/0		BM Sức khỏe môi trường		lý thuyết: 30 tiết
3	EPID04	DTH ứng dụng trong YTCC	2/1		BM Dịch tễ		lý thuyết: 30 tiết/ thực hành: 28 tiết
4		Tự chọn 1: - One Health, - ĐLSK - NCĐT	1/1		Viện ĐT YHDP & YTCC		lý thuyết: 15 tiết/ thực hành: 30 tiết
5		Tự chọn 2: - KSNK bệnh viện - Phát triển dự án - Sức khỏe trường học	1/1		Viện ĐT YHDP & YTCC		lý thuyết: 15 tiết/ thực hành: 30 tiết
6	ENVI02	KHMT-SKMT 2	2/1		BM Sức khỏe môi trường		lý thuyết: 28 tiết/ thực hành: 30 tiết
7	OCCU02	Sức khỏe nghề nghiệp 2	2/1		BM Sức khỏe nghề nghiệp		lý thuyết: 30 tiết/ thực hành: 30 tiết
8	NUTR02	DD&ATTP 2	1/1		BM Dinh dưỡng & ATTP		lý thuyết: 36 tiết/ thực hành: 26 tiết
9	THEC00	Phát triển bản thân và tính chuyên nghiệp		2/2	TT PTCTĐT & TVNL Y tế XD chương trình chi tiết và điều phối	Từ 11/01/2027 đến 27/6/2027	lý thuyết: 30 tiết/ thực hành: 30 tiết
10	POLH00	Chính sách y tế		1,5/0,5	BM Tổ chức & Quản lý y tế		lý thuyết: 22,5 tiết/ thực hành: 15 tiết
11	COMM02 COMM03	Thực tế cộng đồng 2, 3		0/0	Viện ĐT YHDP & YTCC		Cộng đồng: 5 tuần
12	INTC00	Thực tế tốt nghiệp		0/5	Viện ĐT YHDP & YTCC		thực hành: 150 tiết
13	INTC00	Chuyên đề LS/THNC tự chọn		0/6	Viện ĐT YHDP & YTCC		thực hành: 90 tiết
		Tổng	13/6	3.5/18.5			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Viện đào tạo YHDP & YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Trần Tuyết Trinh, SĐT: 0904 177746
email: trantuyettrinh@hmu.edu.vn

Handwritten signatures and initials.

1 Số lượng SV dự kiến: 100

1.1. Số lớp học tập: 1

1.2. Số tổ học tập: 4

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số 6912/QĐ-ĐHYHN ngày 30/12/2022 về việc ban hành chương trình đào tạo ngành Dinh dưỡng

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học (dự kiến)	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	PHYL00	Triết học Mac-Lenin	3/0		BM Lý luận chính trị	10/8/2026 đến 10/1/2027	lý thuyết: 45 tiết
2	LANG01	Ngoại ngữ I	3/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45 tiết
3	POPU00	Dân số học	2/0		BM Dân số và SKSS		lý thuyết: 30 tiết
4	GENB03	Sinh học và di truyền	2.5/0.5		BM Y sinh học - di truyền		lý thuyết: 28 tiết/ thực hành: 15 tiết
5	ANAT00	Giải phẫu	2/1		BM Giải phẫu		lý thuyết: 30 tiết/ thực hành: 30 tiết
6	POEM00	Kinh tế chính trị Mac-Lenin		2/0	BM Lý luận chính trị	11/1/2027 đến 27/6/2027	lý thuyết: 30 tiết
7	PHYS00	Sinh lý học		2.5/0.5	BM Sinh lý học		lý thuyết: 40 tiết/ thực hành: 20 tiết
8	CHEM00	Hoá học		1.5/0.5	BM Hoá học		lý thuyết: 23 tiết/ thực hành: 15 tiết
9	PHYS00	Tin học đại cương		1/1	BM PPNC&TKYS		lý thuyết: 15 tiết/ thực hành: 30 tiết
10	LANG02	Ngoại ngữ II		2/0	BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 30 tiết
11	PHYE04	Giáo dục thể chất 1,2		0/2	BM Giáo dục thể chất		thực hành: 60 tiết
12	MILI01, MILI02, MILI03, MILI04	Giáo dục quốc phòng-an ninh		5/3.5	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 75 tiết/ thực hành: 105 tiết
		Tổng	12,5/1,5	14/7,5			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Bùi Thị Bích Phương

Email: buibichphuong@hmu.edu.vn

BP
Hmu

- 1 Số lượng sinh viên: 101
1.1. Số lớp học tập: 1
1.2. Số tổ học tập: 4
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	LANG03	Ngoại ngữ 3	2/0		BM Ngoại ngữ	10/8/2026 đến 10/1/2027	lý thuyết: 30 tiết
2	PMAL00	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30 tiết
3	PHYE03	GDTC 3	0/1		BM Giáo dục thể chất		thực hành: 30 tiết
4	PSYE00	Tâm lý - Đạo đức y học	1.5/0.5		BM Y đức và Tâm lý y học		lý thuyết: 23 tiết/ thực hành: 15 tiết
5	BIOC00	Hoá sinh	2/1		BM Hoá sinh		lý thuyết: 30 tiết/ thực hành: 30 tiết
6	PARA00	Ký sinh trùng	1/1		BM Ký sinh trùng		lý thuyết: 15 tiết/ thực hành: 30 tiết
7	SKIL01	KNGT trong thực hành dinh dưỡng	1/1		BM GDSK		lý thuyết: 15 tiết/ thực hành: 30 tiết
8	ENV100	KHMT-SKMT	1.5/0.5		BM SKMT		lý thuyết: 23 tiết/ thực hành: 15 tiết
9	HEDU00	Giáo dục sức khoẻ và nâng cao sức khoẻ	1/1		BM GDSK		lý thuyết: 15 tiết/ thực hành: 30 tiết
10	NUTB00	Dinh dưỡng cơ sở	2/1		BM DD&ATTP		lý thuyết: 30 tiết/ thực hành: 30 tiết
11	SCIN00	Khoa học thực phẩm và dinh dưỡng	1/1		BM DD&ATTP		lý thuyết: 15 tiết/ thực hành: 30 tiết
12	HCM100	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2/0	BM Lý luận chính trị	11/1/2027 đến 27/6/2027	lý thuyết: 30 tiết
13	PAT100	Sinh lý bệnh - miễn dịch		1.5/0.5	BM SLB-MD		lý thuyết: 23 tiết/ thực hành: 15 tiết
14	MICRO00	Vi sinh		1/1	BM Vi sinh		lý thuyết: 15 tiết/ thực hành: 30 tiết
15	PHAR03	Thuốc và thực phẩm		2/0	BM Dược lý		lý thuyết: 30 tiết
16	NUTC01	DDCĐ và văn hoá xã hội		2/1	BM DD&ATTP		lý thuyết: 30 tiết/ thực hành: 30 tiết
17	NUTE00	Truyền thông và giáo dục dinh dưỡng		1/1	BM DD&ATTP		lý thuyết: 15 tiết/ thực hành: 30 tiết
18	COMM00	Thực tế cộng đồng		0/1	Viện ĐT YHDP&YTCC		Cộng đồng: 2 tuần
19	ASSE00	Đánh giá tình trạng dinh dưỡng		1/1	BM DD&ATTP		lý thuyết: 15 tiết/ thực hành: 30 tiết
20	NUTD00	Tự chọn 1: - DD và các bệnh mạn tính không lây		2/1	BM DD&ATTP		lý thuyết: 30 tiết/ thực hành: 30 tiết
		Tổng	15/8	12,5/5,5			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.
Giáo vụ khối: Bùi Thị Bích Phương
Email: buibichphuong@hmu.edu.vn

BP
Huan

1 Số lượng sinh viên: 104

1.1. Số lớp học tập: 1

1.2. Số tổ học tập: 4

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Khung chương trình: Theo QĐ số 6912/QĐ-ĐHYHN ngày 30/12/2022 về việc ban hành chương trình đào tạo ngành Dinh dưỡng

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	PHYE05	Y học thể dục thể thao	1/0		BM GDTC	10/8/2026 đến 10/1/2027	lý thuyết: 15 tiết
2	STAB00	Thống kê y sinh học	1/1		BM PPNC&TKYS		lý thuyết: 15 tiết/ thực hành: 30 tiết
3	RESE00	Nghiên cứu khoa học	1/1		BM PPNC&TKYS		lý thuyết: 15 tiết/ thực hành: 30 tiết
4	SAFE00	An toàn vệ sinh thực phẩm	2/1		BM DD&ATTP		lý thuyết: 30 tiết/ thực hành: 30 tiết
5	NUTA00	Dinh dưỡng lứa tuổi	2/0		BM DD&ATTP		lý thuyết: 30 tiết
6	NUTS00	Dinh dưỡng học đường	1/1		BM DD&ATTP		lý thuyết: 15 tiết/ thực hành: 30 tiết
7	PEDI00	Nhi khoa	2/2		BM Nhi		lý thuyết: 30 tiết/ lâm sàng: 4 tuần
8	HVCP00	LSĐCS Việt Nam	2/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30 tiết
9	NUTI00	Cần thiệp dinh dưỡng		2/1	BM DD&ATTP	11/1/2027 đến 27/6/2027	lý thuyết: 30 tiết/ thực hành: 30 tiết
10	INTE00	Nội khoa		3/2	BM YHGD		lý thuyết: 45 tiết/ lâm sàng: 4 tuần
11	SURG00	Ngoại khoa		2/2	BM Ngoại		lý thuyết: 30 tiết/ lâm sàng: 4 tuần
12	RESU00	DD hồi sức cấp cứu		2/1	BM HSCC		lý thuyết: 30 tiết/ lâm sàng: 4 tuần
13	NUTH01	Tư chọn 2: - TCQLDD bệnh viện - Kiểm tra vệ sinh thực phẩm cơ sở - Triển khai QLCT ATTP ở CD		2/1	BM DD&ATTP		lý thuyết: 30 tiết/ thực hành: 30 tiết
		Tổng	12/4	11/2			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Bùi Thị Bích Phương

Email: buibichphuong@hmu.edu.vn

BP
Hanan

1 Số lượng sinh viên: 83

1.1. Số lớp học tập: 1

1.2. Số tổ học tập: 4

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số 6591/QĐ-ĐHYHN ngày 31/12/2020 về việc ban hành chương trình đào tạo ngành Dinh dưỡng

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	LAWS01	Pháp luật đại cương	2/0		BM LLCT	10/8/2026 đến 10/1/2027	lý thuyết: 30 tiết
2	NUTT01	Dinh dưỡng điều trị 1	3/3		BM DD&ATTP		lý thuyết: 45 tiết/ lâm sàng: 4 tuần
3	COOK00	Kỹ thuật chế biến món ăn	1/1		BM DD&ATTP		lý thuyết: 15 tiết/ thực hành: 15 tiết
4	DIEN00	Tư vấn dinh dưỡng tiết chế	2/1		BM DD&ATTP		lý thuyết: 30 tiết/ thực hành: 15 tiết
5	NUTT02	Dinh dưỡng điều trị 2		3/2	BM DD&ATTP	11/1/2027 đến 27/6/2027	lý thuyết: 45 tiết/ lâm sàng: 4 tuần
6	PESD00	Phát triển bản thân và tính chuyên nghiệp		2/2	TTPTCT		lý thuyết: 30 tiết/ thực hành: 30 tiết
7	INTC00	Thực tế tốt nghiệp		0/5	BM DD&ATTP		Cộng đồng: 5 tuần
8	THEC00	CĐLS/KLTN		6/0	BM DD&ATTP		lý thuyết: 90 tiết
		Tổng	6/5	11/9			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Bùi Thị Bích Phương

Email: buibichphuong@hmu.edu.vn

BP
Huan

- 1 Số lượng sinh viên: 90
1.1. Số lớp học tập: 1
1.2. Số tổ học tập: 4
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	MALE00	Triết học	3/0		BM Lý luận chính trị	Từ 10/8/2026 đến 10/01/2027	lý thuyết: 45 tiết
2	LANG01	Tiếng anh 1	3/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45 tiết
3	PSDE00	Tâm lý học phát triển	2/1		BM Y đức và Tâm lý y học		lý thuyết: 30 tiết/ thực hành: 30 tiết
4	MILI00	Giáo dục quốc phòng 1,2,3	6/2,5		BM Giáo dục quốc phòng		lý thuyết: 90 tiết/ thực hành: 75 tiết
5	INFO00	Tin học đại cương	1/1		BM Phương pháp nghiên cứu và thống kê y sinh		lý thuyết: 15 tiết/ thực hành: 30 tiết
6	PSYC01	Tâm lý học đại cương	3/0		BM Y đức và Tâm lý y học		lý thuyết: 45 tiết
7	VIEC01	Cơ sở văn hóa Việt Nam	1,5/0,5		BM Y đức và Tâm lý y học		lý thuyết: 22 tiết/ thực hành: 15 tiết
8	GESK00	Đại cương về công tác	2/0		BM Y đức và Tâm lý y học		lý thuyết: 30 tiết
9	POEM00	Kinh tế chính trị Mác - Lênin		2/0	BM Lý luận chính trị	Từ 11/01/2027 đến 27/6/2028	lý thuyết: 30 tiết
10	LANG02	Tiếng anh 2		2/0	BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 30 tiết
11	ANSO02	Nhân học và xã hội học sức khỏe		2/0	BM Sức khỏe toàn cầu		lý thuyết: 30 tiết
12	AGEH00	Sức khỏe lứa tuổi		1,5/0,5	BM Sức khỏe môi trường		lý thuyết: 22 tiết/ thực hành: 15 tiết
13	PHYE01 PHYE02	Giáo dục thể chất 1,2		0/2	BM Giáo dục thể chất		thực hành: 30 tiết
14	PHYS00	Sinh lý học		2,5/0,5	BM Sinh lý học		lý thuyết: 40 tiết/ thực hành: 20 tiết
15	PSEC00 SCHO00 STAB03	Tự chọn: Chọn 1 trong 3 môn: Tâm lý học kinh tế Sức khỏe trường học Thống kê y sinh		1/1	BM Kinh tế y tế BM Sức khỏe môi trường BM PPNC&TKYS		lý thuyết: 15 tiết/ thực hành: 30 tiết
16	PSPE00	Tâm lý học nhân cách		2/0	BM Y đức và Tâm lý y học		lý thuyết: 30 tiết
17	BRAB00	Khoa học não bộ và hành vi		1,5/0,5	BM Tâm thần		lý thuyết: 22 tiết/ thực hành: 15 tiết
		Tổng	21,5/5	14,5/4,5			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.
Giáo vụ khối: Võ Thị Thủy Hà
email: vothuyha@hmu.edu.vn

Handwritten signature

- 1 Số lượng sinh viên: 78
1.1. Số lớp học tập: 1
1.2. Số tổ học tập: 4
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	PMAL00	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2/0		BM Lý luận chính trị	Từ 10/8/2026 đến 10/01/2027	lý thuyết: 30 tiết
2	ETHI03	Đạo đức y học và đạo đức nghề tâm lý	2,5/0,5		BM Y đức và Tâm lý y học		lý thuyết: 37 tiết/ thực hành: 15 tiết
3	LANG03	Tiếng Anh 3	2/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 30 tiết
4	POLO00	Tổ chức, quản lý và chính sách y tế	2/1		BM Tổ chức và quản lý y tế		lý thuyết: 30 tiết/ thực hành: 30 tiết
5	PHYE03	Giáo dục thể chất 3	1/0		BM Giáo dục thể chất		lý thuyết: 15 tiết
6	HEDU06	Giáo dục và nâng cao sức khỏe	1/1		BM Giáo dục và nâng cao sức khỏe		lý thuyết: 15 tiết/ thực hành: 30 tiết
7	NUTR04	Dinh dưỡng	1,5/0,5		BM Dinh dưỡng - An toàn thực phẩm		lý thuyết: 22 tiết/ thực hành: 15 tiết
8	PSSO00	Tâm lý học xã hội	2/0		BM Y đức và Tâm lý y học		lý thuyết: 30 tiết
9	PSED00	Tâm lý học giáo dục	3/0		BM Y đức và Tâm lý y học		lý thuyết: 45 tiết
10	HCMI00	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2/0	BM Lý luận chính trị	Từ 11/01/2027 đến 27/6/2028	lý thuyết: 30 tiết
11	PSCO00	Tâm lý học nhận thức		2/0	BM Y đức và Tâm lý y học		lý thuyết: 30 tiết
12	RESE00	Nghiên cứu khoa học		1/1	BM Phương pháp nghiên cứu và thống kê y sinh		lý thuyết: 15 tiết/ thực hành: 30 tiết
13	ITHE00	Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong chăm sóc sức khỏe		1/1	BM Phương pháp nghiên cứu và thống kê y sinh		lý thuyết: 15 tiết/ thực hành: 30 tiết
14	SKIL00	Kỹ năng giao tiếp		1/1	BM Giáo dục và nâng cao sức khỏe		lý thuyết: 15 tiết/ thực hành: 30 tiết
15	PSHE00	Tâm lý học sức khỏe		2/1	BM Y đức và Tâm lý y học		lý thuyết: 30 tiết/ thực hành: 30 tiết
16	PSOC00	Tâm sinh lý lao động		1/2	BM Sức khỏe nghề nghiệp		lý thuyết: 15 tiết/ thực hành: 30 tiết
		Tổng	17/3	10/5			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.
Giáo vụ khối: Võ Thị Thúy Hà
email: vothuyha@hmu.edu.vn

Thư

- 1 Số lượng sinh viên: 65
1.1. Số lớp học tập: 1
1.2. Số tổ học tập: 3
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	HVCP00	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2/0		BM Lý luận chính trị	Từ 10/8/2026 đến 10/01/2027	lý thuyết: 30 tiết
2	MENT01	Sức khỏe tâm thần	2/1		BM Tâm thần		lý thuyết: 30 tiết/ thực hành: 30 tiết
3	MENJ00	Sức khỏe tâm thần trẻ em và thanh thiếu niên	2/1		BM Tâm thần		lý thuyết: 30 tiết/ thực hành: 30 tiết
4	PSCL00	Tâm lý học lâm sàng	2/0		BM Y đức và Tâm lý y học		lý thuyết: 30 tiết
5	PSYC02	Tâm lý trị liệu	1,5/1,5		BM Y đức và Tâm lý y học		lý thuyết: 22 tiết/ thực hành: 45 tiết
6	ASSP00	Đánh giá tâm lý	1,5/1,5		BM Y đức và Tâm lý y học		lý thuyết: 22 tiết/ thực hành: 45 tiết
7	PSFA00	Tâm lý học gia đình	2/0		BM Y đức và Tâm lý y học		lý thuyết: 30 tiết
8	COUP00	Tham vấn tâm lý		3/2	BM Y đức và Tâm lý y học	Từ 11/01/2027 đến 27/6/2028	lý thuyết: 45 tiết/ thực hành: 60 tiết
9	GEND01	Giới và phát triển		1/1	BM Kinh tế y tế và Dân số		lý thuyết: 15 tiết/ thực hành: 30 tiết
10		Học phần tự chọn 2		1/1	BM Y đức và Tâm lý y học		lý thuyết: 15 tiết/ thực hành: 30 tiết
11		Học phần tự chọn 3		1/1	BM Y đức và Tâm lý y học		lý thuyết: 15 tiết/ thực hành: 30 tiết
12	PSYP02	Thực hành tham vấn tâm lý		0/4	BM Y đức và Tâm lý y học		Cộng đồng: 8 tuần
		Tổng	13/5	6/5			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.
Giáo vụ khối: Võ Thị Thúy Hà
email: vothuyha@hmu.edu.vn

Hanan

- 1 Số lượng sinh viên: 60
1.1. Số lớp học tập: 1 (Y1CTXH)
1.2. Số tổ học tập: 2
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	POEM00	Triết học Mác-Lênin	3/0		Lý luận chính trị	1/09/2026-10/01/2027 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 45 tiết
2	GESK00	Đại cương về công tác xã hội	2		Giáo dục và nâng cao sức khỏe		lý thuyết: 30 tiết
3	PSHB00	Tâm lý học phát triển và hành vi con người	1,5/0,5		Y đức và Tâm lý y học		lý thuyết: 22 tiết/ thực hành: 15 tiết
4	POPU001	Dân số học	2		Kinh tế y tế và Dân số		lý thuyết: 30 tiết
5	LANG014	Tiếng anh 1	3/0		Ngoại ngữ		lý thuyết: 45 tiết
6	INFO011	Tin học đại cương	1/1		PPNC&TKYS		lý thuyết: 15 tiết/ thực hành: 30 tiết
7	VIEC01	Cơ sở văn hóa Việt Nam	1,5/0,5		Y đức và Tâm lý y học		lý thuyết: 22 tiết/ thực hành: 15 tiết
8	MILI03	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	6/2,5		Lý luận chính trị		lý thuyết: 90 tiết/ thực hành: 75 tiết
9	POEM00	Kinh tế chính trị Mác-Lênin		2/0	Lý luận chính trị	11/01/2027-27/6/2027 (Thời gian cụ thể sẽ học theo lịch chạy và TKB)	lý thuyết: 30 tiết
10	SWTH00	Lý thuyết Công tác xã hội		1,5/0,5	Giáo dục và nâng cao sức khỏe		lý thuyết: 22 tiết/ thực hành: 15 tiết
11	LANG023	Tiếng Anh 2		2/0	Ngoại ngữ		lý thuyết: 30 tiết
12	PSYS00	Tâm lý học đại cương, sức khỏe và xã hội		3/1	Y đức và Tâm lý y học		lý thuyết: 45 tiết/ thực hành: 30 tiết
13	STAB031	Thống kê y sinh		1/1	PPNC&TKYS		lý thuyết: 15 tiết/ thực hành: 30 tiết
14	INTS00	Xã hội học đại cương		2/0	PPNC&TKYS		lý thuyết: 30 tiết
15	PHYE04	Giáo dục thể chất (1,2)			Giáo dục thể chất		thực hành: 60 tiết
		Tổng	20/4,5	11,5/4,5			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.
Giáo vụ khối: Hoàng Thị Thu Hà
email: hoangthithuha@hmu.edu.vn

Handwritten signature and name

- 1 Số lượng sinh viên: 21
1.1. Số lớp học tập: 1 (Y2CTXH)
1.2. Số tổ học tập: 1
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	PMAL00	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2/0		Lý luận chính trị	10/08/2026-10/01/2027 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 30 tiết
2	ETHS00	Đạo đức Y học và đạo đức nghề Công tác xã hội	2,5/0,5		Giáo dục và nâng cao sức khỏe		lý thuyết: 38 tiết/ thực hành: 15 tiết
3	LANG033	Tiếng Anh 3 (Tiếng Anh chuyên ngành)	2/0		Ngoại ngữ		lý thuyết: 30 tiết
4	POLO00	Tổ chức, quản lý và chính sách y tế	2		Tổ chức quản lý y tế		lý thuyết: 30 tiết/ thực hành: 30 tiết
5	SOWF00	An sinh xã hội	1,5/0,5		Giáo dục và nâng cao sức khỏe		lý thuyết: 22 tiết/ thực hành: 15 tiết
6	HEDU06	Giáo dục và nâng cao sức khỏe	1/1		Giáo dục và nâng cao sức khỏe		lý thuyết: 15 tiết/ thực hành: 30 tiết
7	NUTR04	Dinh dưỡng	1,5/0,5		Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm		lý thuyết: 22 tiết/ thực hành: 15 tiết
8	PEDU03	Giáo dục thể chất 3	0/1		Giáo dục thể chất		thực hành: 30 tiết
9	HCMI00	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2/0	Lý luận chính trị	11/01/2027-27/6/2027 (Thời gian cụ thể sẽ học theo lịch chạy và TKB)	lý thuyết: 30 tiết
10	REBA00	Phục hồi chức năng cơ bản		1/1	Phục hồi chức năng		lý thuyết: 15 tiết/ thực hành: 30 tiết
11	SWHO00	Công tác xã hội trong bệnh viện		2/1	Giáo dục và nâng cao sức khỏe		lý thuyết: 30 tiết/ thực hành: 30 tiết
12	RESE006	Nghiên cứu khoa học		1/1	Phương pháp nghiên cứu và Thống kê y sinh		lý thuyết: 15 tiết/ thực hành: 30 tiết
13	ITHE001	Ứng dụng Công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong chăm sóc sức khỏe		1/1	Phương pháp nghiên cứu và Thống kê y sinh		lý thuyết: 15 tiết/ thực hành: 30 tiết
14	SKIL002	Kỹ năng giao tiếp		1/1	Giáo dục và nâng cao sức khỏe		lý thuyết: 15 tiết/ thực hành: 30 tiết
15	SWIF00	Công tác xã hội cá nhân và gia đình		2/1	Giáo dục và nâng cao sức khỏe		lý thuyết: 30 tiết/ thực hành: 30 tiết
16	SWGR00	Công tác xã hội nhóm		1/1	Giáo dục và nâng cao sức khỏe		lý thuyết: 15 tiết/ thực hành: 30 tiết
		Tổng	12,5/4,5	11/7			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.
Giáo vụ khối: Hoàng Thị Thu Hà
email: hoangthithuha@hmu.edu.vn

Handwritten signatures and initials.

- 1 Số lượng SV dự kiến: 120
1.1. Số lớp học tập: 1 (Y1RHM)
1.2. Số tổ học tập: 4

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số 375/QĐ-ĐHYHN ngày 13/02/2025 về việc ban hành chương trình đào tạo BS RHM sau rà soát, cập nhật, chỉnh sửa năm 2025

TT	Mã môn	Môn học/Module	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học (dự kiến)	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	FOOR00	Định hướng & sinh hoạt đầu khoá	1,5/0,5		-CTSV&KTX + Y tế -ĐTĐH + TTKT + TV -Đoàn TN + CNTT	07/09/2026- 10/01/2027 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 22,5tiết/ thực hành: 15tiết
2	AMCE00	Nguyên tử, phân tử, tế bào	5,5/1,5		BM Hoá học, Hoá sinh, YSHDT		lý thuyết: 82,5tiết/ thực hành: 45tiết
3	HAPH00	Đại cương về hình thái, chức năng cơ thể người	3/0,5		BM GP, Mô phôi, Sinh lý, Sinh lý bệnh - Miễn dịch		lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 15tiết
4	PLMA00	Cơ sở vật lý của các hoạt động sống & ứng dụng trong y học	4/1		BM Y vật lý, Nha khoa cơ sở		lý thuyết: 60tiết/ thực hành: 30tiết
5	ENGL01	Tiếng Anh I	3/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45tiết
6	PHYL00	Triết học Mác Lênin		3/0	BM Lý luận chính trị	11/01/2027- 27/6/2027 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 45tiết
7	HOSY00	Các hệ cơ quan		6,5/1,5	BM Giải phẫu, Mô phôi, Sinh lý, Sinh lý bệnh - Miễn dịch		lý thuyết: 97,5tiết/ thực hành: 45tiết
8	PHAR00	Đại cương về Dược lý học		1,5/0,5	BM Dược lý		lý thuyết: 22,5tiết/ thực hành: 15tiết
9	SMIS00	Các vấn đề y tế và xã hội học		2/1	BM Nha cộng đồng		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
10	FEDU01	Giáo dục thể chất 1+2		0/2	BM Giáo dục thể chất		thực hành: 60tiết
11	ENGL02	Tiếng Anh II		3/0	BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45tiết
		Tổng	17/3,5	16/5			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Viện ĐT RHM và Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thị Thanh Lâm

Email: thanhlam@hmu.edu.vn

0902244142

thanh lam

- 1 Số lượng sinh viên: 125
1.1. Số lớp học tập: 1 (Y2RHM)
1.2. Số tổ học tập: 04 (Tổ 42->45)

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số 375/QĐ-ĐHYHN ngày 13/02/2025 về việc ban hành chương trình đào tạo BS RHM sau ra soát, cập nhật, chỉnh sửa năm 2025

TT	Mã môn	Môn học/Module	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	FODE01	Khoa học nha khoa	3/1		BM Nha cơ sở; NKNCT;	10/8/2026-10/01/2027 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 30tiết
2	DEPR01	Thực hành nha khoa 1	3/3		BM Nha cơ sở; Nha chu; NKPH&NN		Lý thuyết: 45tiết/ Lâm sàng: 135tiết
3	BESC00	Khoa học hành vi	1,5/1		BM Răng trẻ em; PHR; NKCD		lý thuyết: 22,5tiết/ thực hành: 30tiết
4	FODE00	Nha khoa cơ sở	4/1		BM Nha khoa cơ sở; BLM&PTHM; NKNCT		lý thuyết: 60tiết/ thực hành: 30tiết
5	ENGL03	Tiếng Anh III		1/0	BM Ngoại ngữ	11/01/2027-27/6/2027 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 15tiết
6	FEDU02	Giáo dục thể chất 3		0/1	BM Giáo dục thể chất		thực hành: 45tiết
7	DEPR02	Thực hành nha khoa 2		3/3	BM Nha cơ sở; NKPH&NN; PTM; NC; PHR		Lý thuyết: 45tiết/ Lâm sàng: 135tiết
8	PPDE01	PPD 1 - Tâm lý ĐĐ trong nha khoa		1/0,5	BM Răng trẻ em; NKPH&NN; NC;		Lý thuyết: 15tiết/ Lâm sàng: 22,5tiết
9	PPDE02	PPD2 - Các kỹ năng cần thiết để tự học và học tập suốt đời		1,5/1	BM Răng trẻ em; PHR; NKNCT		Lý thuyết: 22,5tiết/ Lâm sàng: 45tiết
10	POEM00	Kinh tế Chính trị Mác - Lê nin		2/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
11	PMAL00	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
		Tổng	11,5/6	10,5/5,5			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Viện ĐT RHM và Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thị Thanh Lâm

Email: thanhlam@hmu.edu.vn

0902244142

- 1 Số lượng sinh viên: 119
1.1. Số lớp học tập: 1 (Y3RHM)
1.2. Số tổ học tập: 04 (Tổ 39->42)
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

Theo QĐ số 375/QĐ-ĐHYHN ngày 13/02/2025 về việc ban hành chương trình đào tạo BS RHM sau rà soát, cập nhật, chỉnh sửa năm 2025

TT	Mã môn	Môn học/Module	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	MIED00	Giáo dục quốc phòng	6/2,5		BM Lý luận chính trị	10/8/2026-10/01/2027 (Thời gian cụ thể sẽ học theo lịch chạy và TKB)	lý thuyết: 90tiết/ thực hành: 75tiết
2	CPHA00	Dược lý học lâm sàng	2/0		BM Dược lý		lý thuyết: 30tiết
3	ENGL04	Tiếng Anh IV	1/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 15tiết
4	HVCP00	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
5	HCMI00	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
6	DEPR03	Thực hành nha khoa 3	2/3		BM Phục hình răng; NC; PTM		Lý thuyết: 30tiết/ Lâm sàng: 135tiết
7	PEDU04	Giáo dục thể chất 4	1/0		BM Giáo dục thể chất		lý thuyết: 15tiết
8	COHE01	Nha cộng đồng 1		2/2	BM Nha khoa cộng đồng	11/01/2027-27/6/2027 (Thời gian cụ thể sẽ học theo lịch chạy và TKB)	lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 60tiết
9	SELE00	Tự chọn: Pháp nha /Ghi hình trong nha khoa/Công nghệ in 3D/Nha khoa Người cao tuổi		1/1	BM NKLCD; PHR; NCR; NKNCT; TT CN 3D&PHRHM		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
10	STAL00	Nhà nước & Pháp luật		2/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
11	IFOM00	Tin cơ bản		0,5/0,5	BM Toán - Tin		lý thuyết: 7,5tiết/ thực hành: 15tiết
12	DEPR04	Thực hành nha khoa 4		2/2	BM Nha chu; PTM; PHR		Lý thuyết: 30tiết/ Lâm sàng: 90tiết
13	OUTP00	Thực tế cộng đồng		1/1	BM NKCD		Lý thuyết: 15tiết/ Lâm sàng: 45tiết
		Tổng	16/5,5	8,5/6,5			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Viện ĐT RHM và Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Trà My
Email: nguyentramy@hmu.edu.vn

0983654186

- 1 Số lượng sinh viên: 98
1.1. Số lớp học tập: 1 (Y4RHM)
1.2. Số tổ học tập: 04 (Tổ 19->22)
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

Theo QĐ số 375/QĐ-ĐHYHN ngày 13/02/2025 về việc ban hành chương trình đào tạo BS RHM sau rà soát, cập nhật, chỉnh sửa năm 2025

TT	Mã môn	Môn học/Module	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	ENGL05	Tiếng Anh 5	1/0		BM Ngoại ngữ	10/8/2026-10/01/2027 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	Lý thuyết: 15tiết
2	ODSC00	Bệnh lý miệng 1	1/2		BM Bệnh lý miệng & PTHM		Lý thuyết: 15tiết/ Lâm sàng: 90tiết
3	RDEN01	Nha khoa phục hồi 1	2/4		BM PHR; NKPH&NN; NC		Lý thuyết: 30tiết/ Lâm sàng: 180tiết
4	OMFS01	Phẫu thuật miệng - Hàm mặt 1	3/4		BM Bệnh lý miệng & PTHM; PTM		Lý thuyết: 45tiết/ Lâm sàng: 180tiết
5	RDEN02	Nha khoa phục hồi 2		2/4	BM PHR; NKPH&NN; NC	11/01/2027-27/6/2027 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	Lý thuyết: 30tiết/ Lâm sàng: 180tiết
6	HUDI00	Bệnh học người		7,5/3,5	BM Nội; Ngoại; Mắt; TMH; Nhi; Truyền nhiễm; Tâm thần; Da liễu; SLB-MD		Lý thuyết: 112,5tiết/ Lâm sàng: 157,5tiết
		Tổng	7/10	9,5/7,5			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Viện ĐT RHM và Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Trà My
Email: nguyentramy@hmu.edu.vn

0983654186

- 1 Số lượng sinh viên: 101
1.1. Số lớp học tập: 1 (Y5RHM)
1.2. Số tổ học tập: 04 (Tổ 19->22)
- 2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
- 3 Khung chương trình:

Theo QĐ số 375/QĐ-ĐHYHN ngày 13/02/2025 về việc ban hành chương trình đào tạo BS RHM sau ra soát, cập nhật, chỉnh sửa năm 2025

TT	Mã môn	Môn học/Module	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	ENGL06	Tiếng Anh 6	1/0		BM Ngoại ngữ	10/8/2026-10/01/2027 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	Lý thuyết: 15tiết
2	ODSC02	Bệnh lý miệng 2	1/2		BM BLM&PTHM; TTCN3D&PHRHM; PTM		Lý thuyết: 15tiết/ Lâm sàng: 90tiết
3	RDEN03	Nha khoa phục hồi 3	0/4		BM PHR; NKPH&NN; NC		Lâm sàng: 180tiết
4	PEDE01	Răng trẻ em 1	1/2		BM NKTE; NCR		Lý thuyết: 15tiết/ Lâm sàng: 90tiết
5	PPDE03	Phát triển bản thân & tinh chuyên nghiệp: nghiên cứu khoa học	2/1		BM NKCD; NKTE		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
6	ORTH01	Chỉnh nha 1		1/2	BM NKTE; NCR	11/01/2027-27/6/2027 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	Lý thuyết: 15tiết/ Lâm sàng: 90tiết
7	OMFS02	Phẫu thuật miệng - Hàm mặt 2		2/2	BM BLM&PTHM; TTCN3D&PHRHM; PTM		Lý thuyết: 30tiết/ Lâm sàng: 90tiết
8	COHE02	Nha cộng đồng 2		2/2	BM NKCD; NKNCT		Lý thuyết: 30tiết/ Lâm sàng: 90tiết
9	CCDE01	Chăm sóc nha khoa toàn diện 1		2/2	BM PHR; NKPH&NN; PTM; NKCS		Lý thuyết: 30tiết/ Lâm sàng: 90tiết
		Tổng	5/9	7/8			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Viện ĐT RHM và Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Lương Minh Hằng
Email: minhhang@hmu.edu.vn

0904318104



- 1 Số lượng sinh viên: 79
1.1. Số lớp học tập: 1 (Y6RHM)
1.2. Số tổ học tập: 04 (Tổ 19->22)
- 2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
- 3 Khung chương trình:

Theo QĐ số 375/QĐ-ĐHYHN ngày 13/02/2025 về việc ban hành chương trình đào tạo BS RHM sau ra soát, cập nhật, chỉnh sửa năm 2025

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	PEDE02	Răng trẻ em 2	1/2		BM NKTE	10/8/2026- 10/01/2027 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	Lý thuyết: 15tiết/ Lâm sàng: 90tiết
2	ORTH02	Chỉnh nha 02	1/2		BM NCR		Lý thuyết: 15tiết/ Lâm sàng: 90tiết
3	OMFS03	Phẫu thuật miệng - Hàm mặt 3	2/2		BM BLM&PTHM; TTCN3D&PHRHM; PTM		Lý thuyết: 30tiết/ Lâm sàng: 90tiết
4	CCDE02	Chăm sóc nha khoa toàn diện 2	1/1		BM PHR; NKPH&NN; PTM; NKCS; NC; CGNK; BLM&PTHM		Lý thuyết: 15tiết/ Lâm sàng: 45tiết
5	CCDE03	Chăm sóc nha khoa toàn diện 3	0/2		BM PHR; NKPH&NN; PTM; NKCS; NC; CGNK; BLM&PTHM		Lâm sàng: 90tiết
6	PPDE04	Phát triển bản thân & tính chuyên nghiệp: tổ chức sự kiện-công nghệ và quản trị phòng khám nha khoa		1/1	BM NKTE; NKPH&NN; NKTE	11/01/2027- 27/6/2027 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 45tiết
7	CLFE00	Tốt nghiệp lâm sàng		0/5	Các BM liên quan		thực hành: 225tiết
8	THFE00	Tốt nghiệp lý thuyết/bảo vệ khóa luận		6/0	Các BM liên quan		
		Tổng	5/9	7/6			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Viện ĐT RHM và Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Lương Minh Hằng

Email: minhhang@hmu.edu.vn

0904318104

- 1 Số lượng sinh viên: 50
1.1. Số lớp học tập: 1 (Y1KTPHR)
1.2. Số tổ học tập: 2

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số 1090/QĐ-ĐHYHN ngày 15/04/2024 về việc ban hành khung chương trình đào tạo Kỹ thuật Phục hình răng trình độ đại học năm 2024

TT	Mã môn	Môn học/Module	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	BIGI00	Định hướng & sinh hoạt đầu khoá	1/1		-CTSV&KTX + Y tế -ĐTĐH + TTKT + TV -Đoàn TN + CNTT	07/09/2026- 10/01/2027 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
2	LANG01	Tiếng Anh I	2/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 30tiết
3	PHYL00	Triết học Mác Lênin	3/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 45tiết
4	ANAG00	Giải phẫu và Di truyền	4/2		BM Giải phẫu & BM Y sinh học di truyền		lý thuyết: 60tiết/ thực hành: 60tiết
5	MILI00	Giáo dục quốc phòng	6,5/2		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 97,5tiết/ thực hành: 60tiết
6	PHYE04	Giáo dục thể chất 1+2		0/2	BM Giáo dục thể chất	11/01/2027- 27/6/2027 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	thực hành: 60tiết
7	LANG02	Tiếng Anh II		2/0	BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 30tiết
8	POEM00	Kinh tế chính trị Mác-Lê nin		2/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
9	AMCE00	Nguyên tử, phân tử, tế bào		5/1	BM Hoá học, Hoá sinh, YSHDT		lý thuyết: 75tiết/ thực hành: 30tiết
10	ASEP00	Vi sinh và thuốc sát trùng		1/1	BM Vi sinh; BLM&PTHM		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
11	INFE01	Kiểm soát nhiễm khuẩn và an toàn trong lao động		1/1	BM NKCĐ; BLM&PTHM		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
12	INFO00	Tin cơ bản		1/1	BM Toán- Tin		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
		Tổng	16,5/5	12/6			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Viện ĐT RHM và Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Lê Thị Hương

Email: huongle@hmu.edu.vn

0945940840

- 1 Số lượng sinh viên: 51
1.1. Số lớp học tập: 1 (Y2KTPHR)
1.2. Số tổ học tập: 2 (tổ 46-47)

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số 1090/QĐ-ĐHYHN ngày 15/04/2024 về việc ban hành khung chương trình đào tạo Kỹ thuật phục hình răng trình độ đại học năm 2024

TT	Mã môn	Môn học/Module	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	PHYE03	Giáo dục thể chất 3	0/1		BM Giáo dục thể chất	10/8/2026-10/01/2027 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	thực hành: 30tiết
2	LANG03	Tiếng Anh 3	2/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 30tiết
3	PMAL00	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
4	ESFO00	Thẩm mỹ, chức năng, khớp cắn	2/2		BM NKNCT; NKCS; PHR		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 60tiết
5	DAMO00	Giải phẫu răng, Mô phôi răng, Sinh học miệng	1/1		BM NKCS		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
6	HUMP00	Cơ sở vật lý của các hoạt động sống & ứng dụng trong y học	3/1		BM Y vật lý; NKCS		lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 30tiết
7	PHYE05	Y học thể dục thể thao		1/0	BM Giáo dục thể chất	11/01/2027-27/6/2027 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 15tiết
8	DLEM00	Trang thiết bị và quản lý labo nha khoa		1/1	BM NKNCT; TT CN 3D&PHRHM		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
9	HCMI00	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
10	HYGD00	Vệ sinh răng miệng và bệnh học miệng		2/1	BM BPM&PTHM; PTM		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
11	FCDC00	Khái niệm cơ bản về vật liệu và màu sắc		3/1	BM NKCS; NKNCT;		lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 30tiết
12	LAWS01	Pháp luật đại cương		2/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
		Tổng	10/5	11/3			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Viện ĐT RHM và Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Đinh Thanh Thuý

Email: dinhthanhthuy@hmu.edu.vn

0359034858

(Chữ ký)

- 1 Số lượng sinh viên: 53
1.1. Số lớp học tập: 1 (Y3KTPHR)
1.2. Số tổ học tập: 2 (tổ 44-45)

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số 1090/QĐ-ĐHYHN ngày 15/04/2024 về việc ban hành khung chương trình đào tạo Kỹ thuật phục hình răng trình độ đại học năm 2024

TT	Mã môn	Môn học/Module	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	ARPD00	Hàm giả tháo lắp từng phần nhựa	2/4		BM PHR	10/8/2026-10/01/2027 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 120tiết
2	COMM00	Thực tế cộng đồng	1/1		BM NKCĐ		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
3	HVCP00	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
4	DEPE01	Tâm lý, đạo đức trong nha khoa	0,5/0,5		BM Răng trẻ em; NKPH&NN; NC;		lý thuyết: 7,5tiết/ thực hành: 15tiết
5	ORTA00	Khí cụ chỉnh nha	2/2		BM NCR		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 60tiết
6	LIFE01	Hỗ trợ sự sống	1/1		BM BLM&PTM; TTCN3D&PHRHM;	11/01/2027-27/6/2027 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
7	ARCD00	Hàm giả tháo lắp toàn phần nhựa		2/5	BM PHR		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 150tiết
8	PHOT00/ ADED00	Tự chọn 1: Ghi hình trong RHM thẩm mỹ nha khoa nâng cao		2/1	BM Nha chu; NCR/NKNCT; PTM		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
9	3DPR01/ DENI00	Tự chọn 2: Công nghệ in 3D/Thẩm mỹ nha khoa quốc tế		2/1	BM PHR; TTCN3D&PHRHM;		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
10	LIEL00	Các kỹ năng cần thiết để tự học và học tập suốt đời		1/1	BM Răng trẻ em; PHR; NKNCT		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
11	RESE00	Nghiên cứu khoa học		1/1	BM NKCĐ; NKTE		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
		Tổng	8,5/8,5	8/9			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Viện ĐT RHM và Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Đinh Thanh Thuý

Email: dinhthanhthuy@hmu.edu.vn

0359034858

- 1 Số lượng sinh viên: Dự kiến 150 SV
1.1. Số lớp học tập: 1
1.2. Số tổ học tập: 6 (Tổ 01→06)
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	S1.1	Module S1.1: Định hướng đầu khóa	1,5/0,5		- CTSV+KTX+ Y tế - QLĐT + KT&ĐBCLGD - Đoàn thanh niên	Từ ngày 14/09/2026 đến ngày 24/01/2027	lý thuyết: 22,5tiết/ thực hành: 15tiết
2	S1.2	Module S1.2: Nguyên tử, phân tử, tế bào	4/1		- Hóa học - Hóa sinh - Y sinh học - di truyền		lý thuyết: 60tiết/ thực hành: 30tiết
3	S1.3	Module S1.3: Mô và phôi thai học	2/0,5		- Mô phôi - Giải phẫu bệnh - Y sinh học - Di truyền		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 15tiết
4	MIL100	Giáo dục quốc phòng 1,2,3,4	6/2,5		BM Giáo dục quốc phòng		lý thuyết: 90tiết/ thực hành: 75tiết
5	PHYE01 PHYE02	Giáo dục thể chất 1,2	0/2		BM Giáo dục thể chất		thực hành: 60tiết
6	LANG01	Ngoại ngữ 1	3/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45tiết
7	S1.4	Module S1.4: Cơ sở vật lý của các hoạt động sống và nguyên lý của một số kỹ thuật ứng dụng trong y học		3/1	- Y vật lý - Sinh lý học - Chẩn đoán hình ảnh - Y học hạt nhân	Từ ngày 25/01/2027 đến ngày 11/07/2027	lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 30tiết
8	S1.5	Module S1.5: Đại cương về hình thái, chức năng cơ thể người		1,5/0,5	- Giải phẫu - Sinh lý học - Sinh lý bệnh - miễn dịch		lý thuyết: 22,5tiết/ thực hành: 15tiết
9	S1.6	Module S1.6: Đại cương về Dược lý		3/0,5	- Dược lý - Gây mê hồi sức - Hồi sức cấp cứu - Y học hạt nhân - Khoa YHCT		lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 15tiết
10	S1.7	Module S1.7: Các yếu tố môi trường, xã hội và hành vi liên quan đến sức khỏe		2,5/1,5	- Viện YHDP&YTCC - Y học gia đình		lý thuyết: 37,5tiết/ thực hành: 45tiết
11	LANG02	Ngoại ngữ 2		3/0	BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45tiết
12	INFO01	Tin học đại cương		0,5/0,5	BM Toán - Tin		lý thuyết: 7,5tiết/ thực hành: 15tiết
		Tổng	16,5/6,5	13,5/4			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phân hiệu cùng Bộ môn xây dựng cụ thể. Thời gian học cụ thể áp dụng theo lịch chạy và thời khóa biểu.

GV khối: Nguyễn Thị Nga
email: nganguyen@hmu.edu.vn

- 1 Số lượng sinh viên: 131
1.1. Số lớp học tập: 1
1.2. Số tổ học tập: 6
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	PHY00	Triết học Mác -Lênin	3/0/0		Lý luận chính trị	17/8/2026 - 10/1/2027 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	Lý thuyết 45 tiết
2	POEM00	Kinh tế chính trị	2/0/0		Lý luận chính trị		Lý thuyết 30 tiết
3	LANG03	Ngoại ngữ 3	3/0/0		Ngoại ngữ		Lý thuyết 45 tiết
4	S2.1	Module S2.1: Kiến thức và kỹ năng y khoa cơ bản	3/2/0		GDYH-KNTLS, Tâm lý-Y đức, YHGD, Nhóm PPD, Nội, Ngoại, SLB - MD, Lão khoa, Y SH-DT, TM, Nhi, HSCC, Khoa ĐD-HS, CDHA, SKNN, Dịch tễ		Lý thuyết 45 tiết/ Thực hành 52 tiết
5	S2.2	Module S2.2: Miễn dịch - Nhiễm trùng	3/0,5/0		Giải phẫu, Dịch tễ, Ngoại, Dược lý, Sinh lý, CDHA, GMHS, Hóa sinh, Mô phôi, Nội, PHCN, GPB, Vi sinh, Da liễu		Lý thuyết 54 tiết/ Thực hành 16 tiết
6	S2.3	Module S2.3: Huyết học	2/0,5/0,5		Mô phôi, Huyết học, Sinh lý, YSH-DT, Hóa sinh, Dược lý, CDHA, Nhi	11/01/2027 - 27/06/2027 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	Lý thuyết 36 tiết/ Thực hành 14 tiết/ Lâm sàng 20 tiết
7	STAP00	Xác suất thống kê		1/1/0	Toán - Tin		Lý thuyết 15 tiết/ Thực hành 30 tiết
8	PHYE03	Giáo dục thể chất 3		0/1/0	Giáo dục thể chất		/ Thực hành 60 tiết
9	S2.4	Module S2.4: Da-cơ-xương-khớp		3/1/0,5	Giải phẫu, Dịch tễ, Ngoại, Dược lý, Sinh lý, CDHA, GMHS, Hóa sinh, Mô phôi, Nội, PHCN, GPB, Vi sinh, Da liễu		Lý thuyết 48 tiết/ Thực hành 36 tiết/ Lâm sàng 20 tiết
10	S2.5	Module S2.5: Tim mạch		4/0,5/0,5	Tim mạch, Giải phẫu, Sinh lý, Dược lý, GPB, Vi sinh, Mô phôi, Nhi, Hóa sinh, SLB-MD, CDHA, YHGD, Ngoại		Lý thuyết 60 tiết/ Thực hành 18 tiết/ Lâm sàng 20 tiết
11	S2.6	Module S2.6: Hô hấp		4/1/0,5	Giải phẫu, Sinh lý, CDHA, Nội, Ngoại, YHDP, Mô phôi, SLB-MD, Dược lý, GPB, Truyền nhiễm, TMH, Lao, Vi sinh		Lý thuyết 54 tiết/ Thực hành 22 tiết/ Lâm sàng 20 tiết
12	OSCE1	Kỹ năng y khoa 1		0/2/0	Các BM liên quan		Thực hành: 60tiết
		Tổng	16/3/0,5	12/6,5/1,5			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phân hiệu cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Trịnh Thị Hồng Nhung

Email: tringthihongnhung@hmu.edu.vn

- 1 Số lượng sinh viên: 148
1.1. Số lớp học tập: 1
1.2. Số tổ học tập: 6
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ (LT/TH/LS)		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	S2.7	Module S2.7 - Tiêu hóa - Dinh dưỡng	4,5/1,5/0,5		Nội, Ngoại, Mô phôi, Nhi, Truyền nhiễm, CDHA, Giải phẫu, Hóa sinh, Dược lý, Sinh lý, Vi sinh, Sinh lý bệnh, Giải phẫu bệnh, Dinh dưỡng	Từ 10/08/2026 đến 10/01/2027 (Thời gian cụ thể sẽ học theo lịch chạy và TKB)	lý thuyết 66 tiết/ thực hành 40 tiết/ lâm sàng 24 tiết
2	S2.8	Module S2.8 - Khoa học thần kinh và hành vi	5/0,5/1		Thần kinh, Tâm thần, Ngoại, CDHA, Giải phẫu, Giải phẫu bệnh, Mô phôi, Hóa sinh, Dược lý, Nhi, Sinh lý, Ký sinh trùng, Lão khoa, Mắt, Giáo dục sức khỏe, Tâm lý		lý thuyết 70 tiết/ thực hành 16 tiết/ lâm sàng 38 tiết
3	INFO02	Tin học ứng dụng	1/1/0		BM Toán - Tin		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 36 tiết
4	RESE01	Nghiên cứu khoa học 1	1/1/0		BM Thống kê y học		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
5	PMAL00	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2/0/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết 30 tiết
6	HCM100	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2/0/0	BM Lý luận chính trị	Từ 11/01/2027 đến 27/6/2027 (Thời gian cụ thể sẽ học theo lịch chạy và TKB)	lý thuyết 30 tiết
7	S2.9	Module S2.9 - Nội tiết - Chuyển hóa		4/0,5/0,5	Nội, Nhi, Giải phẫu bệnh, Y học hạt nhân, Di truyền, Hóa sinh, Sinh lý học, CDHA, Giải phẫu, Sinh lý bệnh, Dược lý, Mô phôi		lý thuyết 56 tiết/ thực hành 14 tiết/ lâm sàng 26 tiết
8	S2.10	Module S2.10 - Thận - Tiết niệu		5/0,5/0,5	Nội, Ngoại, Giải phẫu, Sinh lý học, Hóa sinh, SLB-MD, Vi sinh, Dược lý, CDHA, Giải phẫu bệnh, Mô phôi, YHHN		lý thuyết 70 tiết/ thực hành 10 tiết/ lâm sàng 24 tiết
9	S2.11	Module S2.11 - Sinh dục Sinh sản		3/1/0,5	Phụ sản, YSH-DT, Dược lý, SLB-MD, Vi sinh, Mô phôi, Giải phẫu, Hóa sinh, CDHA, Sinh lý học, Giải phẫu bệnh, Ngoại		lý thuyết 42 tiết/ thực hành 28 tiết/ lâm sàng 14 tiết
10	RESE02	Nghiên cứu khoa học 2		1/1/0	BM Thống kê y học		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
11	PHYE05	Y học thể dục thể thao		1/0/0	BM Giáo dục thể chất		lý thuyết 15 tiết
12	OSCE02	Kỹ năng y khoa 2		0/2/0	Các bộ môn liên quan		/ thực hành 60 tiết
		Tổng	13,5/4/1,5	16/5/1,5			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phân hiệu cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

- 1 Số lượng sinh viên: 116
1.1. Số lớp học tập: 1
1.2. Số tổ học tập: 4
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	FORE00	Y pháp	2/0/0		BM Y pháp	Từ 10/08/2026 đến 10/01/2027 (Thời gian cụ thể sẽ học theo lịch chạy và TKB)	lý thuyết 30 tiết
2	S3.2	Nội khoa II	3/0/5		Mô-đun (BM Nội TH)		lý thuyết 45 tiết/ lâm sàng 150 tiết
3	S3.3	Ngoại khoa I	2,5/0,5/5		Mô-đun (BM Ngoại)		lý thuyết 36 tiết/ thực hành 8 tiết/ lâm sàng 150 tiết
4	HVCP00	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam		2/0/0	BM Lý luận chính trị	Từ 11/01/2027 đến 27/06/2027 (Thời gian cụ thể sẽ học theo lịch chạy và TKB)	lý thuyết 30 tiết
5	S3.1	Nội khoa I		3/0/5	Mô-đun (BM Nội TH)		lý thuyết 45 tiết/ lâm sàng 150 tiết
6	S3.4	Sức khỏe phụ nữ - Sinh sản I		3/0/5	Mô-đun (BM Phụ Sản)		lý thuyết 45 tiết/ lâm sàng 150 tiết
7	S3.5	Nhi khoa I		3/0/5	Mô-đun (BM Nhi)		lý thuyết 45 tiết/ lâm sàng 150 tiết
		Tổng	7,5/0,5/10	11/0/15			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phân hiệu cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Đào Thị Tuyết Mai
Email: daotuyetmai@hmu.edu.vn
Sdt: 0966.813.988

- 1 Số lượng sinh viên: 116
1.1. Số lớp học tập: 1
1.2. Số tổ học tập: 4
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

Theo QĐ số: 3982/QĐ-ĐHYHN, ngày 26/8/2019 về việc ban hành Chương trình đào tạo Bác sĩ Y khoa dựa trên năng lực

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	S3.6	Hồi sức cấp cứu và gây mê hồi sức	2/3		HSCC+GMHS	Từ 17/08/2026 đến 10/01/2027 (Thời gian cụ thể sẽ học theo lịch chạy và TKB)	lý thuyết 30 tiết/ lâm sàng 135 tiết
2	RESE03	Nghiên cứu khoa học 3	1/1		Module Nghiên cứu khoa học		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
3	S3.11	Chăm sóc sức khỏe ban đầu I (Tuyển quận/huyện)	4/4		Y học gia đình		lý thuyết 60 tiết/ lâm sàng 180 tiết
4	S3.12.1 S3.12.2	Tự chọn 1: Phục hồi chức năng/Lao	1/1		Phục hồi chức năng/Lao		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 45 tiết
5	S3.12.3 S3.12.4	Tự chọn 2: Dị ứng/Da liễu	1/1		Dị ứng - Miễn dịch LS/Da liễu		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 15 tiết
6	S3.12.5 S3.12.6	Tự chọn 3: Mắt/ Tai mũi họng		1/1	Mắt/ Tai mũi họng	Từ 11/01/2027 đến 27/06/2027 (Thời gian cụ thể sẽ học theo lịch chạy và TKB)	lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 45 tiết
7	S3.12.7 S3.12.8	Tự chọn 4: Răng hàm mặt/ Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ		1/1	Răng hàm mặt /Phẫu thuật tạo hình		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 45 tiết
8	S3.7	Ung bướu và chăm sóc giảm nhẹ		2/2	Ung thư		lý thuyết 30 tiết/ lâm sàng 90 tiết
9	S3.8	Sức khỏe tâm thần		2/2	Tâm thần		lý thuyết 30 tiết/ lâm sàng 90 tiết
10	S3.9	Y học cổ truyền		2/2	Khoa YHCT		lý thuyết 30 tiết/ lâm sàng 90 tiết
11	S3.10	Truyền nhiễm		2/2	Truyền nhiễm		lý thuyết 30 tiết/ lâm sàng 90 tiết
		Tổng	9/10	10/10			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phân hiệu cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thị Như Ngọc
Email: nhungocyhn@hmu.edu.vn
Sdt: 0772249899

1 Số lượng sinh viên: 121

1.1. Số lớp học tập: 1

1.2. Số tổ học tập: 4

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số: 3982/QĐ-ĐHYHN, ngày 26/8/2019 về việc ban hành Chương trình đào tạo Bác sĩ Y khoa dựa trên năng lực

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	S3.17	Chăm sóc sức khỏe ban đầu II	0/0/2		BM Y học gia đình	Từ 17/08/2026 - 24/01/2027	lâm sàng: 4tuần
2	S3.15	Sức khỏe phụ nữ - Sinh sản II	2/0/2		BM Phụ sản		lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 4tuần
3	S3.16	Nhi khoa II	2/0/2		BM Nhi		lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 4tuần
4	S3.14	Ngoại khoa II	3/0/4		BM Ngoại		lý thuyết: 45tiết/ lâm sàng: 8tuần
5	S3.13	Nội khoa III		3/0/4	BM Nội tổng hợp	Từ 15/02/2027 - 11/4/2027	lý thuyết: 45tiết/ lâm sàng: 8tuần
6	INTC00	Thực tế tốt nghiệp		0/0/5	Phòng QLĐT và các BM	Từ 03/5/2027 - 30/5/2027	lâm sàng: 4tuần
7	THEC00	Tốt nghiệp lý thuyết tổng hợp/ Khóa luận tốt nghiệp		6/0/0	Phòng QLĐT và các BM	Từ 31/5/2027 - 13/06/2027	lý thuyết: 90tiết
		Tổng	7/0/10	9/0/9			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thị Thu Hương

Email: thuhuongnt@hmu.edu.vn

Sdt: 0936123393

1 Số lượng SV dự kiến: 100

1.1. Số lớp học tập: 1

1.2. Số tổ học tập: 4

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số 4513/QĐ-ĐHYHN ngày 14/7/2025 về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học (dự kiến)	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	PHYL00	Triết học Mác - Lênin	3/0/0		BM Lý luận chính trị	14/9/2026 – 10/01/2027 (Thời gian cụ thể theo lịch chạy và TKB)	lý thuyết: 45tiết
2	INMS00	Giới thiệu hệ thống y tế và ngành nghề	4/0/0		Các BM liên quan		lý thuyết: 60tiết
3	AMCE00	Nguyên tử, Phân tử, tế bào	3/1/0		Các BM liên quan		lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 30tiết
4	HUMH00	Hình thái, chức năng cơ thể và cơ sở vật lý của các hoạt động sống	4,5/0,5/0		Các BM liên quan		lý thuyết: 67,5tiết/ thực hành: 15tiết
5	POEM00	Kinh tế chính trị Mác – Lê Nin	2/0/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
6	LANG01	Ngoại ngữ I	3/0/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45tiết
7	MILI08	Giáo dục quốc phòng	6/2,5/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 92tiết/ thực hành: 73tiết
8	PHYE04	GD thể chất 1 + 2		0/2/0	BM Giáo dục thể chất	11/01/2027 – 08/08/2027 (Thời gian cụ thể theo lịch chạy và TKB)	thực hành: 60tiết
9	ELEN00	Một số vấn đề cơ sở		1,5/0,5/0	Các BM liên quan		lý thuyết: 22,5tiết/ thực hành: 15tiết
10	HEDU07	Giao tiếp và GDSK trong thực hành điều dưỡng		4/1/0	Các BM liên quan		lý thuyết: 60tiết/ thực hành: 30tiết
11	NURF01	Đại cương trong chăm sóc điều dưỡng 1		3/2/2	Các BM liên quan		lý thuyết 45 tiết/ thực hành 60 tiết/ lâm sàng 90 tiết
12	LANG02	Ngoại ngữ II		2/0/0	BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 30tiết
13	PHYE04	GD thể chất 3		0/1/0	BM Giáo dục thể chất		lý thuyết: 30tiết
14	PMAL00	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2/0/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
15	INFO04	Tin học cơ bản		1/1/0	BM Toán - Tin		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
		Tổng	25,5/4/0	13,5/7,5/2			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phân hiệu cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thành Chung
Email: nguyenthanhchung@hmu.edu.vn
SĐT: 0943618656

- 1 Số lượng sinh viên: 88
1.1. Số lớp học tập: 1
1.2. Số tổ học tập: 4 (tổ 7, tổ 8, tổ 9, tổ 10)
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	NURF02	Đại cương trong chăm sóc điều dưỡng 2	3,5/2,5/4		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh và các BM	Từ 17/8/2026 đến 10/01/2027 (Thời gian cụ thể sẽ học theo lịch chạy và TKB)	lý thuyết 52,5 tiết/ thực hành 75 tiết/ lâm sàng 180 tiết
2	IMSN01	Điều dưỡng Nội - Ngoại khoa 1 (Hô hấp, tuần hoàn, nội tiết, huyết học)	4,5/0,5/6		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh và các BM		lý thuyết 67,5 tiết/ thực hành 15 tiết/ lâm sàng 270 tiết
3	IMSN02	Điều dưỡng Nội - Ngoại khoa 2 (tiêu hóa, tiết niệu, cxk, thần kinh)		4,5/0,5/7	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh và các BM	Từ 11/01/2027 đến 05/7/2027 (Thời gian cụ thể sẽ học theo lịch chạy và TKB)	lý thuyết 67,5 tiết/ thực hành 15 tiết/ lâm sàng 315 tiết
4	LANG03	Ngoại ngữ III		2/0/0	BM Ngoại ngữ		lý thuyết 30 tiết
5	PHYE05	Y học thể dục thể thao		1/0/0	BM Ngoại, BM GDTC		lý thuyết 15 tiết
6	HVCP00	Lịch sử Đảng		2/0/0	BM LLCT		lý thuyết 30 tiết
7	HCM100	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2/0/0	BM LLCT		lý thuyết 30 tiết
		Tổng	8/3/10	11,5/0,5/7			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLTDH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Hoàng Lan
Email: nguyenhoanglan@hmu.edu

gmm

- 1 Số lượng sinh viên: 87
1.1. Số lớp học tập: 1 (Y3DD)
1.2. Số tổ học tập: (7,8,9,10)
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	NURO01	Điều dưỡng Sản phụ khoa	1,5/0,5/3		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh	Từ 10/8/2026 đến 10/01/2027 (Thời gian cụ thể sẽ học theo lịch chạy và TKB)	lý thuyết 22,5 tiết/ thực hành 15 tiết/ lâm sàng 135 tiết
2	NURP01	Điều dưỡng trẻ em	1,5/0,5/3		BM Nhi		lý thuyết 22,5 tiết/ thực hành 15 tiết/ lâm sàng 135 tiết
3	MANU00	Quản lý điều dưỡng	1/1/0		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
4	LANG04	Ngoại ngữ IV	2/0/0		Ngoại ngữ		lý thuyết 30 tiết
5	POEM00	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2/0/0		Lý luận chính trị		lý thuyết 30 tiết
6	PMAL00	CNXH khoa học	2/0/0		Lý luận chính trị		lý thuyết 30 tiết
7	HMC100	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2/0/0	Lý luận chính trị	Từ 11/01/2027 đến 27/06/2027 (Thời gian cụ thể sẽ học theo lịch chạy và TKB)	lý thuyết 30 tiết
8	NURD01	Điều dưỡng truyền nhiễm		1/0/3	BM Truyền nhiễm		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 135 tiết
9	NURE02	Điều dưỡng cấp cứu - Hồi sức tích cực		1/0/3	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 135 tiết
10	NURC01	Điều dưỡng cộng đồng		1/0/3	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 135 tiết
		Tổng	10/2/6	5/0/9			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Ngô Diệu Linh
Email: ngodieulinh@hmu.edu.vn

- 1 Số lượng sinh viên: 56
1.1. Số lớp học tập: 1 (Y4 CNDD K3)
1.2. Số tổ học tập: 2 tổ (tổ 5, 6)
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	NURG00	Điều dưỡng người cao tuổi	1/0/3		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh	Từ 17/8/2026 đến 10/01/2027 (Thời gian cụ thể sẽ học theo lịch chạy và TKB)	lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 135 tiết
2	NURM01	Điều dưỡng sức khỏe tâm thần	1/0/3		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 135 tiết
3	NURR01	ĐD phục hồi chức năng	1/0/3		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 135 tiết
4	NURT01	ĐD trong Y học cổ truyền	1/0/1		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 45 tiết
5	HVCP00	Lịch sử ĐCSVN	1/0/0		Lý luận chính trị		lý thuyết 15 tiết
6	PHYE05	Y học thể dục thể thao	1/0/0		Giáo dục thể chất		lý thuyết 15 tiết
7	NUR7.1	Điều dưỡng chăm sóc giảm nhẹ		1/0/2	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh	Từ 11/01/2027 đến 27/06/2027 (Thời gian cụ thể sẽ học theo lịch chạy và TKB)	lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 90 tiết
8	NUR7.2	ĐD hồi tỉnh sau phẫu thuật		1/0/2	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 90 tiết
9	NUR7.3	Điều dưỡng sơ sinh		1/0/2	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 90 tiết
10	NUR7.4	Điều dưỡng tai mũi họng		1/0/2	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 90 tiết
11	NUR7.5	Điều dưỡng gia đình		1/0/2	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 90 tiết
12	NUR8	Chuyên đề nghiên cứu cứu		4/2/0	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết 60 tiết/ thực hành 60 tiết
13	NUR9	Thực tế và thi tốt nghiệp		0/0/5	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		
		Tổng	6/0/10	9/2/15			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Lê Thị Thuý Linh
email: thuylinh@hmu.edu.vn
SĐT: 0985160904

- 1 Số lượng sinh viên: 70
1.1. Số lớp học tập: 1
1.2. Số tổ học tập: 4
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	PHYL00	Triết học Mác-Lê Nin	3/0/0		Lý luận chính trị	14/9/2026 - 10/1/2027 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết 45 tiết
2	BIOP00	Lý sinh y học	1,5/0,5/0		Y vật lý		lý thuyết 24 tiết/ thực hành 16 tiết
3	ANAT00	Giải phẫu	2/1/0		Giải phẫu		lý thuyết: 32tiết/ thực hành: 33tiết
4	LANG01	Tiếng Anh I	3/0/0		Ngoại ngữ		lý thuyết 45 tiết
5	INFO04	Tin học cơ bản	1/1/0		Toán - Tin		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
6	GENB01	Y sinh học - Di truyền	1/0,5/0		Y sinh học - Di truyền		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 16 tiết
7	MILI00	Giáo dục quốc phòng 1,2,3,4	6/2,5/0		Giáo dục quốc phòng		lý thuyết 90 tiết/ thực hành 75 tiết
8	PSYE00	Tâm lý y học - Đạo đức y học		1,5/0,5/0	Y đức và Tâm lý học	11/01/2027 - 04/07/2027 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết 23 tiết/ thực hành 16 tiết
9	POEM00	Kinh tế chính trị Mác-LêNin		2/0/0	Lý luận chính trị		lý thuyết 30 tiết
10	PMAL00	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2/0/0	Lý luận chính trị		lý thuyết 30 tiết
11	BIOC00	Hóa sinh		1/1/0	Hóa sinh		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
12	LANG02	Tiếng Anh II		2/0/0	Ngoại ngữ		lý thuyết 30 tiết
13	STAP01	Xác suất thống kê y học		2/0/0	Toán - Tin		lý thuyết 30 tiết
14	PHYS00	Sinh lý học		2,5/0,5/0	Sinh lý		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 30 tiết
15	NURA00	Điều dưỡng cơ bản - Cấp cứu ban đầu		1/1/0	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
16	PHYE01 PHYE02	Giáo dục thể chất 1, 2		0/2/0	Giáo dục thể chất		/ thực hành 60 tiết
		Tổng	17,5/5,5/0	14/5/0			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thành Chung
Email:nguyenthanchung@hmu.edu.vn
SĐT: 0943618656

- 1 Số lượng sinh viên: 76
1.1. Số lớp học tập: 1
1.2. Số tổ học tập: 4
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	KINB00	Vận động học và sinh cơ học	1/1/0		Phục hồi chức năng	Từ 10/8/2026 đến 10/01/2027 (Thời gian cụ thể sẽ học theo lịch chạy và TKB)	lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
2	HUMA00	Quá trình phát triển con người	2/0/0		Phục hồi chức năng		lý thuyết 30 tiết
3	HCM100	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2/0/0		Lý luận chính trị		lý thuyết 30 tiết
4	HVCP00	Lịch sử Đảng CSVN	2/0/0		Lý luận chính trị		lý thuyết 30 tiết
5	LANG03	Ngoại ngữ 3	2/0/0		Ngoại ngữ		lý thuyết 30 tiết
6	EPID00	Dịch tễ học	2/0/0		Dịch tễ		lý thuyết 30 tiết
7	ANAF00	Giải phẫu chức năng	2/2/0		Giải phẫu + PHCN		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 60 tiết
8	GENB04	Bệnh học di truyền	1/0,5/0		Y sinh học di truyền		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 15 tiết
9	PAT100	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	1,5/0,5/0		Sinh lý bệnh - Miễn dịch		lý thuyết 22,5 tiết/ thực hành 15 tiết
10	PHAR01	Dược lý	2/0/0		Dược lý		lý thuyết 30 tiết
11	PHYE03	Giáo dục thể chất 3	0/1/0		Giáo dục thể chất		/ thực hành 30 tiết
12	INTR00	Nhập môn Lâm sàng phục hồi chức năng		0/0/1	Phục hồi chức năng	Từ 11/01/2027 đến 27/6/2027 (Thời gian cụ thể sẽ học theo lịch chạy và TKB)	/ lâm sàng 45 tiết
13	ASSE01	Lượng giá chức năng vận động		1/1/0	Phục hồi chức năng		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
14	THER02	Các phương thức điều trị vật lý trị liệu		1/1/0	Phục hồi chức năng		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
15	SEMI00	Triệu chứng học Nội khoa		1/0/1	Nội tổng hợp		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 45 tiết
16	RESE00	Nghiên cứu khoa học		1/1/0	PPNC&TK y sinh		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
17	SEMS00	Triệu chứng học Ngoại khoa		1/0/1	Ngoại		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 45 tiết
18	THER01	Các kỹ thuật tác động bằng tay		1/1/0	Phục hồi chức năng		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
19	KINT00	Vận động trị liệu		1/1/0	Phục hồi chức năng		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
20	PRAC01	TTLS 1: Các phương thức vật lý trị liệu, vận động trị liệu		0/0/4	Phục hồi chức năng		/ lâm sàng 180 tiết
21	PHYE05	Y học TDDT		1/0/0	Giáo dục thể chất		lý thuyết 15 tiết
		Tổng	17,5/5/0	8/5/7			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Hoàng Lan
Email: nguyenhoanglan@hmu.edu.vn
Sdt: 0865006613
page 87



- 1 Số lượng sinh viên: 22
1.1. Số lớp học tập: 1
1.2. Số tổ học tập: 1
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	NEUR01	Khoa học thần kinh	1/0/1		BM Thần kinh	Từ 17/8/2026 đến 10/01/2027	lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 45 tiết
2	PHYP01	Bệnh lý và vật lý trị liệu bệnh hệ thần kinh cơ	1/0,5/0,5		BM Phục hồi chức năng		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 15 tiết/ lâm sàng 22,5 tiết
3	PHYP02	Bệnh lý và vật lý trị liệu bệnh hệ tim mạch - hô hấp	1/0,5/0,5		BM Phục hồi chức năng		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 15 tiết/ lâm sàng 22,5 tiết
4	PHYP03	Bệnh lý và vật lý trị liệu bệnh hệ cơ xương	1/0,5/0,5		BM Phục hồi chức năng		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 15 tiết/ lâm sàng 22,5 tiết
5	THER03	Hoạt động trị liệu	1/0,5/0,5		BM Phục hồi chức năng		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 15 tiết/ lâm sàng 22,5 tiết
6	THER04	Ngôn ngữ trị liệu	1/1/0		BM Phục hồi chức năng		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
7		Tự chọn 1	0/0/2		BM Phục hồi chức năng		/ lâm sàng 90 tiết
8	PRAC02	TTLS 2. Hoạt động trị liệu và ngôn ngữ trị liệu	0/0/4		BM Phục hồi chức năng		/ lâm sàng 180 tiết
9	LAWS00	Nhà nước và pháp luật		2/0/0	BM Lý luận chính trị	Từ 11/01/2027 đến 27/6/2027	lý thuyết 30 tiết
10	HEDU00	Giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe		1/1/0	BM Giáo dục sức khỏe		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
11	RADI00	Chẩn đoán hình ảnh		0,5/0/0,5	BM Chẩn đoán hình ảnh		lý thuyết 7,5 tiết/ lâm sàng 22,5 tiết
12	PHYP04	Bệnh lý và vật lý trị liệu hệ da, tiết niệu - sinh dục và nội tiết		1/1/0	BM Phục hồi chức năng		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
13	ASSI01	Dụng cụ trợ giúp trong phục hồi chức năng		1/1/0	BM Phục hồi chức năng		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
14		Tự chọn 2		0/0/2	BM Phục hồi chức năng		/ lâm sàng 90 tiết
15		Tự chọn 3		0/0/2	BM Phục hồi chức năng		/ lâm sàng 90 tiết
16	PRAC03	TTLS3: Bệnh lý và VLTL hệ Cơ xương và hệ tim mạch - hô hấp		0/0/4	BM Phục hồi chức năng		/ lâm sàng 180 tiết
		Tổng	6/3/9	5,5/3/8,5			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thị Thu Hương
Email: thuhuongnt@hmu.edu.vn
Sdt: 0936123393

- 1 Số lượng sinh viên: 80
1.1. Số lớp học tập: 1
1.2. Số tổ học tập: 4
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	LANG01	Ngoại ngữ I	3/0/0		Ngoại ngữ	Từ ngày 14/9/2026 đến ngày 10/1/2027 (Thời gian cụ thể sẽ học theo lịch chạy và TKB)	lý thuyết 45 tiết
2	ANAT00	Giải phẫu	2/1/0		Giải phẫu		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 30 tiết
3	PHYL00	Triết học Mác - Lênin	3/0/0		Lý luận chính trị		lý thuyết: 45tiết
4	BIOP00	Lý sinh Y học	1,5/0,5/0		Y Vật lý		lý thuyết 22,5 tiết/ thực hành 15 tiết
5	SAFL00	An toàn Phòng xét nghiệm	1/1/0		Khoa Kỹ thuật Y học		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
6	LABB00	Xét nghiệm cơ bản	2/2/0		Khoa Kỹ thuật Y học		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 60 tiết
7	GENB03	Sinh học và Di truyền	2,5/0,5/0		Y sinh học Di truyền		lý thuyết 37,5 tiết/ thực hành 15 tiết
8	POEM00	Kinh tế chính trị Mác - Lênin		2/0/0	Lý luận chính trị	Từ ngày 11/1/2027 đến ngày 11/7/2027 (Thời gian cụ thể sẽ học theo lịch chạy và TKB)	lý thuyết 30 tiết
9	CHEM00	Hóa học		1,5/0,5/0	Hóa học		lý thuyết 22,5 tiết/ thực hành 15 tiết
10	LANG02	Ngoại ngữ II		2/0/0	Ngoại ngữ		lý thuyết 30 tiết
11	HIEM00	Mô học		1/1/0	Mô phôi		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
12	PHYS00	Sinh lý học		2/1/0	Sinh lý học		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 30 tiết
13	INFO00	Tin học cơ bản		1/1/0	Toán tin		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 15 tiết
14	NILI00	Giáo dục quốc phòng		6/2,5/0	Giáo dục quốc phòng		lý thuyết 90 tiết/ thực hành 75 tiết
15	PHYE01 PHYE02	Giáo dục thể chất I,II		0/2/0	Giáo dục thể chất		/ thực hành 60 tiết
		Tổng	15/5/0	15,5/8/0			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thành Chung
Email:nguyenthanhchung@hmu.edu.vn
SDT: 0943618656

- 1 Số lượng sinh viên: 72
1.1. Số lớp học tập: 1
1.2. Số tổ học tập: 4
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	PMAL00	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2/0/0		BM Lý luận chính trị	10/08/2026 - 10/01/2027	lý thuyết 30 tiết
2	PHYE03	Giáo dục thể chất III	0/1/0		BM Giáo dục Thể chất		/ thực hành 30 tiết
3	NURA00	Điều dưỡng cơ bản – cấp cứu ban đầu	1/1/0		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết: 15 tiết/ thực hành: 30 tiết
4	PSYE00	Tâm lý y học - Đạo đức y học	1,5/0,5/0		BM Y đức và Tâm lý học		lý thuyết 22,5 tiết/ thực hành 15 tiết
5	BIOC01	Hoá sinh I	2/1/0		Khoa Kỹ thuật y học		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 30 tiết
6	MICR01	Vi sinh I	2/1/0		BM Vi sinh		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 30 tiết
7	PARA01	Ký sinh trùng I	2/1/0		Khoa Kỹ thuật y học		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 30 tiết
8	LANG03	Ngoại ngữ III	2/0/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết 30 tiết
9	PANA01	Giải phẫu bệnh I	1/2/0		Khoa Kỹ thuật y học		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 60 tiết
10	HCMI00	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2/0/0	BM Lý luận chính trị	11/01/2027 - 20/06/2027	lý thuyết 30 tiết
11	PATI00	Sinh lý bệnh - Miễn dịch		1,5/0,5/0	BM Sinh lý bệnh - Miễn dịch		lý thuyết 22,5 tiết/ thực hành 15 tiết
12	PHAR01	Dược lý		2/0/0	BM Dược lý		lý thuyết 30 tiết
13	BIOC02	Hoá sinh II		1/1/0	Khoa Kỹ thuật y học		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
14	MICR02	Vi sinh II		2/2/0	BM Vi sinh		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 60 tiết
15	PARA02	Ký sinh trùng II		2/1/0	Khoa Kỹ thuật y học		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 30 tiết
16	BIOM01	Y sinh học phân tử cơ bản		1/3/0	Khoa Kỹ thuật y học		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 90 tiết
		Tổng	13,5/7,5/0	11,5/7,5/0			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Phạm Thảo Linh

Email: phamthao linh@hmu.edu.vn

- 1 Số lượng sinh viên: 41
1.1. Số lớp học tập: 1
1.2. Số tổ học tập: 2
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	HVCP00	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2/0/0		BM Lý luận chính trị	10/08/2026 - 10/01/2027	lý thuyết 30 tiết
2	PHYE05	Y học thể dục thể thao	1/0/0		BM Giáo dục thể chất		lý thuyết 15 tiết
3	STAP00	Xác suất thống kê	2/0/0		BM Toán-Tin		lý thuyết: 30tiết
4	ORGM00	Tổ chức và quản lý y tế	1/1/0		BM Tổ chức và quản lý y tế		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
5	PANA02	Giải phẫu bệnh II	1/1/0		Khoa Kỹ thuật Y học		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
6	CYHE00	Huyết học tế bào	2/4/0		Khoa Kỹ thuật Y học		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 120 tiết
7	BIOC03	Hoá sinh III	3/2/0		Khoa Kỹ thuật Y học		lý thuyết 45 tiết/ thực hành 60 tiết
8	QUAL02	Tổ chức và quản lý phòng xét nghiệm		2/2/0	Khoa Kỹ thuật Y học	11/01/2027 - 27/06/2027	lý thuyết 30 tiết/ thực hành 60 tiết
9	HEMC00	Huyết học đông máu		1/2/0	Khoa Kỹ thuật Y học		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 60 tiết
10	TRAN00	Huyết học truyền máu		1/2/0	Khoa Kỹ thuật Y học		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 60 tiết
11	MICR03	Vi sinh III		2/3/0	Khoa Kỹ thuật Y học		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 90 tiết
12	PANA03	Giải phẫu bệnh III		1/1/0	Khoa Kỹ thuật Y học		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
13	INFC00	Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện		1/1/0	Khoa Kỹ thuật Y học		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
14	IMMC00	Miễn dịch lâm sàng		1/1/0	Khoa Kỹ thuật Y học		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
		Tổng	12/8/0	9/12/0			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Lê Thị Duyên

Email: lethiduyen@hmu.edu.vn

- 1 Số lượng sinh viên: 60
1.1. Số lớp học tập: 1
1.2. Số tổ học tập: 2
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	PHYL00	Triết học Mác - Lênin	3/0/0		Lý luận chính trị	Từ ngày 21/9/2026 – 10/01/2027 (Thời gian cụ thể theo lịch chạy và TKB)	lý thuyết 45 tiết
2	LANG01	Ngoại ngữ 1	3/0/0		Ngoại ngữ		lý thuyết 45 tiết
3	POEM00	Kinh tế chính trị Mác Lenin	2/0/0		Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
4	IMIT00	Giới thiệu về kỹ thuật hình ảnh y học	0,5/0,5/0		Chẩn đoán hình ảnh		lý thuyết 8 tiết/ thực hành 16 tiết
5	ANAT00	Giải phẫu	2/1/0		Giải phẫu		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 30 tiết
6	GENB03	Sinh học di truyền	2,5/0,5/0		Y sinh học - Di truyền		lý thuyết 40 tiết/ thực hành 15 tiết
7	BIOP00	Lý sinh y học	1,5/0,5/0		Y vật lý		lý thuyết 22,5 tiết/ thực hành 15 tiết
8	MILI00	Giáo dục quốc phòng - An ninh	6/2,5/0		Lý luận chính trị		lý thuyết 90 tiết/ thực hành 75 tiết
9	PMAL00	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2/0/0	Lý luận chính trị	Từ ngày 11/01/2027 – 27/06/2027 (Thời gian cụ thể theo lịch chạy và TKB)	lý thuyết 30 tiết
10	INFO04	Tin học cơ bản		1/1/0	Toán - tin		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
11	BIOC00	Hóa sinh		1/1/0	Hóa sinh		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
12	PHYS00	Sinh lý học		2,5/0,5/0	Sinh lý		lý thuyết 38 tiết/ thực hành 15 tiết
13	PSYE00	Tâm lý y học - Đạo đức y học		1,5/0,5/0	Y đức và Tâm lý y học		lý thuyết 24 tiết/ thực hành 15 tiết
14	LANG02	Ngoại ngữ 2		2/0/0	Ngoại ngữ		lý thuyết 30 tiết
15	NURA00	Điều dưỡng cơ bản - Cấp cứu ban đầu		1/1/0	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
16	PMIM00	Nguyên lý các phương pháp tạo ảnh y học (X-quang kính		1/1/0	- Chẩn đoán hình ảnh - Y vật lý		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
17	PHYE00	Giáo dục thể chất 1,2		0/2/0	Giáo dục thể chất		/ thực hành 60 tiết
		Tổng	20,5/5/0	12/7/0			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thị Ngân

Email: nguyenthingan@hmu.edu.vn

- 1 Số lượng sinh viên: 49
1.1. Số lớp học tập: 1
1.2. Số tổ học tập: 2
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	HVCP00	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	1/0/0		BM Lý luận chính trị	04/5/2026 - 26/10/2026	lý thuyết 15 tiết
2	NURO01	Điều dưỡng sản phụ khoa	0,5/0/1		Khoa ĐD-HS BM Giải phẫu		lý thuyết 7,5 tiết/ lâm sàng 45 tiết
3	NURP01	Điều dưỡng trẻ em	0,5/0/1		Khoa ĐD-HS BM Nhi		lý thuyết 7,5 tiết/ lâm sàng 45 tiết
4	NURD01	Điều dưỡng Truyền nhiễm	0/0/1		BM Truyền nhiễm		/ lâm sàng 45 tiết
5	NURE02	Điều dưỡng Cấp cứu - Hồi sức tích cực	1/0/1		Khoa ĐD-HS		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 45 tiết
6	NURG00	Điều dưỡng người cao tuổi	1/0/1		BM Lão khoa		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 45 tiết
7	NURM01	Điều dưỡng Sức khỏe tâm thần	1/0/1		Khoa ĐD-HS		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 45 tiết
8	RESE00	Nghiên cứu khoa học	1/1/0		Khoa ĐD-HS		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
9	NURR01	Điều dưỡng Phục hồi chức năng		1/0/1	BM PHCN	27/10/2026 - 30/5/2027	lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 45 tiết
10	NURF00	Điều dưỡng gia đình (tự chọn)		1/0/2	BM YHGD Khoa ĐD-HS		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 90 tiết
11	PALN00	Điều dưỡng chăm sóc giảm nhẹ (tự chọn)		1/0/2	BM Ung thư Khoa ĐD-HS		lý thuyết 15 tiết lâm sàng 90 tiết
11	ORLN01	Điều dưỡng tai mũi họng (tự chọn)		1/0/2	BM Tai mũi họng Khoa ĐD-HS		lý thuyết 15 tiết lâm sàng 90 tiết
11	POSR00	Điều dưỡng Hồi tỉnh sau phẫu thuật (tự chọn)		1/0/2	BM Gây mê hồi sức Khoa ĐD-HS		lý thuyết 15 tiết lâm sàng 90 tiết
11	INTC00	Thực tế tốt nghiệp		0/0/2	Khoa ĐD-HS		lâm sàng 90 tiết
15		Tiểu luận Tốt nghiệp		5/0/0	Khoa ĐD-HS Phòng QLĐTĐH		lý thuyết 75 tiết
		Tổng	6/1/6	10/0/11			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phân hiệu cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Hoàng Lan
Email: nguyenghoanglan@hmu.edu.vn
SĐT: 0865006613

- 1 Số lượng sinh viên: 55
1.1. Số lớp học tập: 1
1.2. Số tổ học tập: 2
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	HVCP00	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	1/0/0		BM Lý luận chính trị	07/9/2026 - 21/3/2027	lý thuyết 15 tiết
2	NURO01	Điều dưỡng sản phụ khoa	0,5/0/1		Khoa ĐD - HS BM Giải phẫu		lý thuyết 7,5 tiết/ lâm sàng 45 tiết
3	NURP01	Điều dưỡng trẻ em	0,5/0/1		Khoa ĐD - HS BM Nhi		lý thuyết 7,5 tiết/ lâm sàng 45 tiết
4	NURD01	Điều dưỡng Truyền nhiễm	0/0/1		BM Truyền nhiễm		/ lâm sàng 45 tiết
5	NURE02	Điều dưỡng Cấp cứu - Hồi sức tích cực	1/0/1		Khoa ĐD - HS		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 45 tiết
6	NURG00	Điều dưỡng người cao tuổi	1/0/1		BM Lão khoa		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 45 tiết
7	NURM01	Điều dưỡng Sức khỏe tâm thần	1/0/1		Khoa ĐD - HS		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 45 tiết
8	RESE00	Nghiên cứu khoa học	1/1/0		Khoa ĐD - HS		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
9	NURR01	Điều dưỡng Phục hồi chức năng		1/0/1	BM PHCN	22/3/2027 - 1/4/2027	lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 45 tiết
10	NURF00	Điều dưỡng gia đình		1/0/2	BM YHGD Khoa ĐD - HS	Tự chọn (3 trong 4 module) Từ 12/4/2027 - 04/7/2027	lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 90 tiết
11	PALN00	Điều dưỡng chăm sóc giảm nhẹ		1/0/2	BM Ung thư Khoa ĐD - HS		lý thuyết 15 tiết lâm sàng 90 tiết
11	ORLN01	Điều dưỡng tai mũi họng		1/0/2	BM Tai mũi họng Khoa ĐD - HS		lý thuyết 15 tiết lâm sàng 90 tiết
11	POSR00	Điều dưỡng Hồi tỉnh sau phẫu thuật		1/0/2	BM Gây mê hồi sức Khoa ĐD - HS		lý thuyết 15 tiết lâm sàng 90 tiết
11	INTC00	Thực tế tốt nghiệp		0/0/2	Khoa ĐD - HS	05/7/2027 - 30/11/2027	lâm sàng 90 tiết
15		Tiểu luận Tốt nghiệp		5/0/0	Phòng QLĐTĐH		lý thuyết 75 tiết
		Tổng	6/1/6	10/0/11			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phân hiệu cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thị Thu Hương
Email: thuhuongnt@hmu.edu.vn
ĐT: 0936 123 393

- 1 Số lượng sinh viên: 61
1.1. Số lớp học tập: 1
1.2. Số tổ học tập: 4
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	PHYE03	Giáo dục thể chất III	0/1/0		BM Giáo dục thể chất	Từ 13/4 - 13/09/2026	/ thực hành 30 tiết
2	POEM00	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	1/0/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết 15 tiết
3	PHYL00	Triết học Mác Lênin	2/0/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết 30 tiết
4	LANG03	Ngoại ngữ chuyên ngành	2/0/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết 30 tiết
5	INMS01	Giới thiệu hệ thống y tế và ngành nghề	2/0/0		Khoa Điều dưỡng hộ sinh Y đức và Tâm lý y học		lý thuyết 30 tiết
6	HUMH00	Hình thái, chức năng cơ thể và cơ sở vật lý của các hoạt động sống	2,5/0/0		BM SLB - MD Mô phôi		lý thuyết 38 tiết
7	NURS01	Đại cương trong chăm sóc điều dưỡng 1	1,5/2/0,5		Khoa Điều dưỡng hộ sinh		lý thuyết 23 tiết/ thực hành 60 tiết/ lâm sàng 23 tiết
8	NURS02	Đại cương trong chăm sóc điều dưỡng 2	1/1/2		Khoa Điều dưỡng hộ sinh		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết/ lâm sàng 90 tiết
9	PMAL00	Chủ nghĩa xã hội khoa học		1/0/0	BM Lý luận chính trị	Từ 14/09/2026 - 06/6/2027	lý thuyết 15 tiết
10	HCM100	Tư tưởng Hồ Chí Minh		1/0/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết 15 tiết
11	MILI02	Giáo dục quốc phòng II		2/0/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết 30 tiết
12	MILI04	Giáo dục quốc phòng IV		0/2/0	BM Lý luận chính trị		/ thực hành 60 tiết
13	INFO04	Tin học cơ bản		0,5/0,5/0	BM Toán tin		lý thuyết 8 tiết/ thực hành 15 tiết
14	PHYE05	Y học thể dục thể thao		1/0/0	BM Giáo dục thể chất		lý thuyết 15 tiết
15	IMSN01	Điều dưỡng Nội - Ngoại khoa 1		2/0,5/3	Khoa Điều dưỡng Hộ sinh và các BM liên quan		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 15 tiết/ lâm sàng 135 tiết
16	IMSN02	Điều dưỡng Nội - Ngoại khoa 2		2,5/0/3	Khoa Điều dưỡng Hộ sinh và các BM liên quan		lý thuyết 38 tiết/ lâm sàng 135 tiết
		Tổng	12/4/2,5	10/3/6			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phân hiệu cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Trịnh Thị Hồng Nhung
Email: tringthihongnhung@hmu.edu.vn

- 1 Số lượng sinh viên: 60
1.1. Số lớp học tập: 1
1.2. Số tổ học tập: 2
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	PHYE03	Giáo dục thể chất III	0/1/0		BM Giáo dục thể chất	Từ ngày 05/10/2026 - 28/02/2027 (Thời gian cụ thể theo lịch chạy và TKB)	/ thực hành 30 tiết
2	POEM00	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	1/0/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết 15 tiết
3	PHYL00	Triết học Mác Lênin	2/0/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết 30 tiết
4	LANG03	Ngoại ngữ III (chuyên ngành)	2/0/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết 30 tiết
5	INMS01	Giới thiệu hệ thống y tế và ngành nghề	2/0/0		Khoa Điều dưỡng hệ sinh Y đức và Tâm lý y học		lý thuyết 30 tiết
6	HUMH00	Hình thái, chức năng cơ thể và cơ sở vật lý của các hoạt động sống	2,5/0/0		BM SLB - MD Mô phôi		lý thuyết 36 tiết
7	NURF01	Đại cương trong chăm sóc điều dưỡng 1	1,5/2/0,5		Khoa Điều dưỡng hệ sinh		lý thuyết 23 tiết/ thực hành 60 tiết/ lâm sàng 23 tiết
8	NURF02	Đại cương trong chăm sóc điều dưỡng 2	1/1/2		Khoa Điều dưỡng hệ sinh		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết/ lâm sàng 90 tiết
9	PMAL00	Chủ nghĩa xã hội khoa học		1/0/0	BM Lý luận chính trị	Từ ngày 01/03/2027 - 31/07/2027 (Thời gian cụ thể theo lịch chạy và TKB)	lý thuyết 15 tiết
10	HCM100	Tư tưởng Hồ Chí Minh		1/0/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết 15 tiết
11	MILI02	Giáo dục quốc phòng II		2/0/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết 30 tiết
12	MILI04	Giáo dục quốc phòng IV		0/2/0	BM Lý luận chính trị		/ thực hành 60 tiết
13	INFO04	Tin học cơ bản		0,5/0,5/0	BM Toán tin		lý thuyết 8 tiết/ thực hành 15 tiết
14	PHYE05	Y học thể dục thể thao		1/0/0	BM Giáo dục thể chất		lý thuyết 15 tiết
15	IMSN01	Điều dưỡng Nội - Ngoại khoa 1		2/0,5/3	Khoa Điều dưỡng Hệ sinh và các BM liên quan		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 15 tiết/ lâm sàng 135 tiết
16	IMSN02	Điều dưỡng Nội - Ngoại khoa 2		2,5/0/3	Khoa Điều dưỡng Hệ sinh và các BM liên quan		lý thuyết 38 tiết/ lâm sàng 135 tiết
		Tổng	12/4/2,5	10/3/6			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phân hiệu cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thị Ngân
Email: nguyenthingan@hmu.edu.vn

- 1 Số lượng sinh viên: 33
1.1. Số lớp học tập: 1
1.2. Số tổ học tập: 1
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1		Thực tế tốt nghiệp		0/1/2	Khoa KTYH	29/6-02/8/2026	/ thực hành 30 tiết/ lâm sàng 90 tiết
2		Tốt nghiệp lâm sàng		0/1/2	Khoa KTYH	07/9/- 11/10/2026	/ thực hành 30 tiết/ lâm sàng 90 tiết
3		BV Tiểu luận tốt nghiệp		5/0/0	Khoa KTYH	02/10-11/11/2026	lý thuyết 75 tiết
		Tổng	0/0/0	5/2/4			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phân hiệu cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Hoàng Thị Thanh
Email: hoangthithanh@hmu.edu.vn

- 1 Số lượng sinh viên: 22
1.1. Số lớp học tập: 1
1.2. Số tổ học tập: 1
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	HCV00	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	1/0/0		BM Lý luận chính trị	Từ 22/6 - 15/11/2026	lý thuyết 15 tiết
2	PHYE05	Y học thể dục thể thao	1/0/0		BM Giáo dục thể chất		lý thuyết 15 tiết
3	HCM100	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1/0/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết 15 tiết
4	RESE00	Nghiên cứu khoa học (trong XNYH)	1/0/0		Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết
5	CYHE00	Huyết học truyền máu	2/2/0		Khoa KTYH		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 60 tiết
6	QUAL02	Tổ chức và quản lý phòng XN	2/2/0		Khoa KTYH		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 60 tiết
7	IMMC00	Miễn dịch lâm sàng	1/1/0		Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
8	INFC00	Kiểm soát nhiễm khuẩn BV	1/2/0		Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 60 tiết
9	BIOM02	Y sinh học phân tử nâng cao	1/2/0		Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 60 tiết
10	PRAM00	Thực tập XN Vi sinh - Ký sinh trùng	2/2/0		Khoa KTYH		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 60 tiết
11	PRAB00	Thực tập xét nghiệm hóa sinh		0/2/0	Khoa KTYH	Từ 16/11/2026 - 30/5/2027	/ thực hành 60 tiết
12	ENVI00	Khoa học môi trường - sức khỏe môi trường (Tự chọn)		0,5/0,5/0	BM sức khỏe môi trường		lý thuyết 8 tiết/ thực hành 15 tiết
13	OCCU00	Sức khỏe nghề nghiệp (Tự chọn)		0,75/0,25/0	BM sức khỏe nghề nghiệp		lý thuyết 12 tiết/ thực hành 8 tiết
14	MICF00	XN Vi ký sinh trong vệ sinh an toàn thực phẩm (Tự chọn)		1/1/0	Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
15	PRAH03	Thực tập xét nghiệm huyết học		0/2/0	Khoa KTYH		/ thực hành 60 tiết
16	PATP00	Thực tập xét nghiệm Giải phẫu bệnh		0/2/0	Khoa KTYH		/ thực hành 60 tiết
17	INTC00	Thực tế tốt nghiệp (lâm sàng)		0/3/0	Khoa KTYH		/ thực hành 90 tiết
18	GRAT00	Tiểu luận tốt nghiệp		5/0/0	Khoa KTYH		lý thuyết 75 tiết
		Tổng	13/11/0	7,25/10,75/0			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phân hiệu cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Phạm Thị Phụng
Email: phamthiphuong-th@hmu.edu.vn

- 1 Số lượng sinh viên: 31
1.1. Số lớp học tập: 1
1.2. Số tổ học tập: 1
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	PMAL00	Chủ nghĩa xã hội khoa học		1/0/0	BM Lý luận chính trị	Từ 13/04/2026 - 04/4/2027	lý thuyết 15 tiết
2	POEM00	Kinh tế chính trị Mác - Lênin		1/0/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết 15 tiết
3	MILI02	Giáo dục quốc phòng II		2/0/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết 30 tiết
4	MILI04	Giáo dục quốc phòng IV		0/2/0	BM Lý luận chính trị		/ thực hành 60 tiết
5	STAP00	Xác suất thống kê		1/0/0	BM Toán tin		lý thuyết 15 tiết
6	PARA02	Ký sinh trùng II		1/1/0	Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
7	BIOC03	Hóa sinh III		2/2/0	Khoa KTYH		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 60 tiết
8	MICR03	Ví sinh III		2/2/0	Khoa KTYH		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 60 tiết
9	PANA03	Giải phẫu bệnh III		1/2/0	Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 60 tiết
10	CYHE00	Huyết học tế bào		1/2/0	Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 60 tiết
11	HVCP00	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	1/0/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết 15 tiết
12	HCMI00	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1/0/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết 15 tiết
13	PHYE05	Y học thể dục thể thao	1/0/0		BM Giáo dục thể chất		lý thuyết 15 tiết
14	RESE00	Nghiên cứu khoa học (trong XNYH)	1/0/0		Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết
15	CYHE00	Huyết học truyền máu	2/2/0		Khoa KTYH		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 60 tiết
16	QUAL02	Tổ chức và quản lý phòng xét nghiệm	1/1/0		Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
17	IMMC00	Miễn dịch lâm sàng	1/1/0		Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
18	INFC00	Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện	1/2/0		Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 60 tiết
19	BIOM02	Y sinh học phân tử nâng cao	1/2/0		Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 60 tiết
20	PRAM00	Thực tập XN Vi sinh- Ký sinh trùng	2/2/0		Khoa KTYH		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 60 tiết
21	PRAB00	Thực tập XN Hóa sinh	0/2/0		Khoa KTYH		/ thực hành 60 tiết
		Tổng	12/12/0	12/11/0			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phân hiệu cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thị Thu Thủy
Email: thuynguyen@hmu.edu.vn

- 1 Số lượng sinh viên: 39
1.1. Số lớp học tập: 1
1.2. Số tổ học tập: 2
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	HCV00	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	1/0/0		BM Lý luận chính trị	Từ 22/6 - 15/11/2026	lý thuyết 15 tiết
2	PHYE05	Y học thể dục thể thao	1/0/0		BM Giáo dục thể chất		lý thuyết 15 tiết
3	HCM100	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1/0/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết 15 tiết
4	RESE00	Nghiên cứu khoa học (trong XNYH)	1/0/0		Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết
5	CYHE00	Huyết học truyền máu	2/2/0		Khoa KTYH		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 60 tiết
6	QUAL02	Tổ chức và quản lý phòng XN	2/2/0		Khoa KTYH		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 60 tiết
7	IMMC00	Miễn dịch lâm sàng	1/1/0		Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
8	INFC00	Kiểm soát nhiễm khuẩn BV	1/1/0		Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
9	BIOM02	Y sinh học phân tử nâng cao	1/1/0		Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
10	PRAM00	Thực tập XN Vi sinh - Ký sinh trùng	2/2/0		Khoa KTYH		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 60 tiết
11	PRAB00	Thực tập xét nghiệm hóa sinh		0/2/0	Khoa KTYH	Từ 16/11/2026 - 30/5/2027	/ thực hành 60 tiết
12	ENVI00	Khoa học môi trường - sức khỏe môi trường (Tự chọn)		0,5/0,5/0	BM sức khỏe môi trường		lý thuyết 8 tiết/ thực hành 15 tiết
13	OCCU00	Sức khỏe nghề nghiệp (Tự chọn)		0,75/0,25/0	BM sức khỏe nghề nghiệp		lý thuyết 12 tiết/ thực hành 8 tiết
14	MICF00	XN Vi ký sinh trong vệ sinh an toàn thực phẩm (Tự chọn)		1/1/0	Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
15	PRAH03	Thực tập xét nghiệm huyết học		0/2/0	Khoa KTYH		/ thực hành 60 tiết
16	PATP00	Thực tập xét nghiệm Giải phẫu bệnh		0/2/0	Khoa KTYH		/ thực hành 60 tiết
17	INTC00	Thực tế tốt nghiệp (lâm sàng)		0/3/0	Khoa KTYH		/ thực hành 90 tiết
18	GRAT00	Tiểu luận tốt nghiệp		5/0/0	Khoa KTYH		lý thuyết 75 tiết
		Tổng	13/9/0	7,25/10,75/0			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phân hiệu cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Phạm Thảo Linh
Email: phamthaolinh@hmu.edu.vn

- 1 Số lượng sinh viên: 25 (dự kiến)
1.1. Số lớp học tập: 1
1.2. Số tổ học tập: 1 (dự kiến)
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	PHYE03	Giáo dục thể chất III	0/1/0		BM Giáo dục thể chất	Từ 05/10/2026 - 28/02/2027	/ thực hành 30 tiết
2	GENB03	Sinh học và di truyền	1/0,5/0		BM Y sinh học di truyền		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 15 tiết
3	PHYL00	Triết học Mác Lênin	2/0/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết 30 tiết
4	LANG03	Ngoại ngữ chuyên ngành	2/0/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết 30 tiết
5	INFO04	Tin học cơ bản	0,5/0,5/0		BM Toán tin		lý thuyết 8 tiết/ thực hành 15 tiết
6	PANA02	Giải phẫu bệnh II	1/1/0		Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
7	BIOM01	Y sinh học phân tử cơ bản	1/3/0		Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 90 tiết
8	SAFL00	An toàn phòng xét nghiệm	1/1/0		Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
9	BIOC02	Hóa sinh II	1/1/0		Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
10	MICR02	Vì sinh II	1/1/0		Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
11	PMAL00	Chủ nghĩa xã hội khoa học		1/0/0	BM Lý luận chính trị	Từ 01/03/2027 - 31/7/2027	lý thuyết 15 tiết
12	POEM00	Kinh tế chính trị Mác - Lênin		1/0/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết 15 tiết
13	MILI02	Giáo dục quốc phòng II		2/0/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết 30 tiết
14	MILI04	Giáo dục quốc phòng IV		0/2/0	BM Lý luận chính trị		/ thực hành 60 tiết
15	STAP00	Xác suất thống kê		1/0/0	BM Toán tin		lý thuyết 15 tiết
16	PARA02	Ký sinh trùng II		1/1/0	Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
17	BIOC03	Hóa sinh III		2/2/0	Khoa KTYH		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 60 tiết
18	MICR03	Vì sinh III		2/2/0	Khoa KTYH		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 60 tiết
19	PANA03	Giải phẫu bệnh III		1/2/0	Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 60 tiết
20	CYHE00	Huyết học tế bào		1/2/0	Khoa KTYH		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 60 tiết
		Tổng	10,5/9/0	12/11/0			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phân hiệu cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Hoàng Thị Thanh
Email: hoangthithanh@hmu.edu.vn

- 1 Số lượng sinh viên: 16
1.1. Số lớp học tập: 1 (CNCT 5)
1.2. Số tổ học tập: 1
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ	Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
1	PREC00	Tiền lâm sàng	0/3/0	BM GDYH&KNTLS	Từ 01/1/2026-31/1/2027	/ thực hành 90 tiết
2	NURB00	Điều dưỡng cơ bản	1/1/0	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
3	INTE00	Nội YHHĐ	3/0/6	BM Nội tổng hợp		lý thuyết 45 tiết/ lâm sàng 270 tiết
4	SURG00	Ngoại YHHĐ	1/0/3	BM Ngoại		lý thuyết 15 tiết
5	OBGY00	Phụ sản YHHĐ	1/0/2	BM Phụ Sản		lý thuyết 15 tiết
6	PEDI00	Nhi khoa YHHĐ	1/0/2	BM Nhi		lý thuyết 15 tiết
7	RESU00	Hồi sức cấp cứu	1/0/2	BM Hồi sức cấp cứu		lý thuyết 15 tiết
8	REPH00	Phục hồi chức năng	1/0/2	BM Phục hồi chức năng		lý thuyết 15 tiết
9	NEUR00	Thần kinh	1/0/2	BM Thần kinh		lý thuyết 15 tiết
10	TRAM00	Y học cổ truyền	2/1/4	Khoa Y học cổ truyền		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 30 tiết
11		Ôn và lượng giá kết quả đầu ra: * Lượng giá kiến thức * Lượng giá kỹ năng		Phòng QLĐTĐH , Khoa Y học cổ truyền		
		Tổng	12/5/23			

- 4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Lê Thu Phương
email: lethuphuong@hmu.edu.vn

